

NGUYỄN ĐỨC HIỀN

# SAO KHUÊ LẤP LÁNH

---

*Bìa và minh họa của NGUYỄN THỤ*

14/5 78  
MS 62

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG - HÀ NỘI 1977

SAO KHUÊ  
LẤP LÁNH



SAO KHUÊ  
LẤP LÁNH

## PHẦN MỘT

Tu hú... Tu hú... Tu hú...

Cứ hằng năm, vào mùa vải chín rộ, những con chim tu hú từ miền rừng núi xa xôi nào bay về đậu trên những cành cây cao bên kia vườn Thượng Lâm, hót chĩa xuống mái lầu nghiêm vắng, là ở nơi cung cấm bên này, những cô tú nữ ngây thơ lại cảm thấy lòng băng khuâng, luyến tiếc...

Tiếng chim thồn thức gọi mùa hay tiếng gọi thồn thức hướng về những kỷ niệm êm đềm, xa xót?

Tu hú... Tu hú...

Hai cô tú nữ cùng một lứa tuổi mười tám đôi mươi – một cô mặc áo xanh màu lá đào, một cô mặc áo xanh màu lá trúc – đang cúi húi cọ rửa những chiếc bình sứ trong «dục đường» (phòng tắm) ở hoàng cung. Hai cô nghe tiếng chim kêu xối xả đều muốn ngừng tay và không thể không chuyện trò giây lát.

– Đến mùa tu hú kêu rồi đó, giá bà LỘ còn sống, mà y nhi – tú nữ áo xanh lá đào gọi chuyện – cánh mình lại đã theo bà về trày vải ở vườn Lệ Chi <sup>(1)</sup> tha hồ bay nhảy thỏa

---

(1) Lệ Chi nghĩa là quả vải, nhưng ở đây đã trở thành danh từ riêng. Sau khi xảy ra vụ án Nguyễn Trãi, người ta quen gọi là vụ án vườn Lệ Chi hay vụ án Lệ Chi viên.

thích... bây giờ làm gì có được thế nữa nhỉ? Bây giờ tìm đâu ra khắp hoàng cung cho được người như bà Lộ? Làm đến chức «Lễ nghi học sĩ» giảng bài cho hoàng tử, công chúa chứ có phải chơi đâu, ấy thế mà đối với cánh mình, những lúc rảnh rỗi cũng chịu khó xuống dạy cho chị em dăm ba chữ. Rồi thì thỉnh thoảng có đi chơi đâu cũng cho đi theo; miếng ngọt, miếng bùi có thức gì cũng đem chia đều cho kẻ dưới.

Tú nữ áo xanh lá trúc nghe thế, thở dài ngao ngán:

— Chán thật... may ạ. Tao thấy cuộc đời hình như bất công: kẻ bạc ác thường gặp may, người hiền đức lại hay gặp rủi. Đấy, con người tài sắc như bà «học sĩ» ngờ đâu phải chịu tai họa thảm khốc đến như thế! Có đúng không may? Tao nghĩ bà Lộ chết, vì bà ấy là vợ thiếp nhan sắc của quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi. Ở ngoài, họ lại bàn tán ngược hẳn lại: «vì bà Nguyễn Thị Lộ mà ông Nguyễn Trãi mới bị tru di cả ba họ»...

Tú nữ áo xanh lá đào trả lời một cách lững lờ:

— Chả rõ thực hư thế nào... Tao chỉ biết cái hôm hành hình ông Trãi tất cả cha mẹ, vợ con, anh em nhà quan Thừa chỉ đều bị dẫn ra pháp trường! Giờ ơi là giờ..., một người đã từng trốn quan về ở ẩn còn đề ba họ bị vạ lây.

Đến đây, tú nữ chớp chớp mi mắt, nhìn trước, nhìn sau mới hạ giọng tiếp:

— ... Nghe đâu cùng ngày xử án ông Trãi, có hai dao phủ bị chết chém. Mà hai dao phủ này có phải là những tay không thiện nghệ đâu! Mấy chục lần họ khoa dao đều mấy chục lần hạ thủ ngọt xót. Nhưng khi hành hình đến ông Trãi thì người dao phủ thứ nhất ngập ngừng... Lập tức quan cấm vệ ở pháp trường cho dao phủ thứ hai vào thay thế. Người này cũng vậy, vung tay mãi mà dao không bén cò. May nghĩ thế nào..., cò ông Trãi cũng bằng xương, bằng thịt như xương thịt mọi người chứ có phải bằng đồng, bằng

sát hay có bùa phép lạ gì đâu? Tao nghe các anh sinh đồ bên trường Quốc tử giám kháo nhau rằng ngay lúc ấy, hai người đao phủ kia bị khếp vào tội «kiêng nề nghịch thần, âm mưu giải thoát cho Trãi!» rồi cùng bị xử trảm với quan Thừa chỉ. Ghê lắm, trước khi chết, họ la to át cả tiếng loa của hình quan: «Chúng tao thà mất đầu đi theo quan Thừa chỉ xuống âm phủ hầu hạ ngài còn hơn là nghe bọn bay giết oan một bậc lão thần».

Cô bạn xoay xoay cái bình sứ, giọng nửa ai oán, nửa châm biếm:

– Thì ra dưới cái gầm trời này, kẻ được công nhận làm nghề cầm dao chém người không phải kẻ nào cũng mất hết lương tâm. Trái lại, có người như bà Tuyên tử hoàng thái hậu, mẹ của đức vua ta...

Biết mình lỡ lời, cô tú nữ bỗng nhiên im bật. Bấy giờ cô bạn áo xanh lá trúc mới nhắc lại cái ý đã nêu lên ban nãy:

– Tao vẫn chưa hiểu vì sao ở ngoài người ta lại bàn tán như vậy... Người ta bảo bà Lộ là... là... không phải... là người!

– Thì là ma chứ gì?

– Ừ..., – cô bạn thủng thỉnh đáp, còn hơn cả ma nữa kia. Người ta bảo Nguyễn Thị Lộ là một con rắn hồ tinh tu luyện lâu năm hóa thân thành người...

Bấy lâu nay chẳng riêng gì chốn hoàng cung mà ở nhiều nơi khác người ta cũng hay nói đến chuyện ma quái, hồ tinh. Trò đời, người nhút nhát rất sợ bóng, sợ vía ma quỉ nhưng lại thích nghe chuyện yêu quái! Và mỗi người trong bọn họ, mỗi lần bí mật kể lại với người khác thường cố gắng tìm cách tô điểm, thêu dệt câu chuyện theo cách tưởng tượng của mình, hình như chuyện càng vô lý huyền hoặc thì làm cho người nghe càng say đắm, dễ tin. Chính vì vậy chuyện «Thị Lộ hóa rắn» lan đi khắp kinh thành, rồi dựng lên sự tích vụ án Lệ Chi viên. Ở các trấn, lộ xa xôi, nhiều

Ông già bà cả, ban đêm quanh ngọn đèn tù mù đã kể di kể lại cho con cháu nghe đến mực thuộc lòng rằng:

«Nguyễn Trãi khi còn dạy học ở Côn Sơn, có lần muốn xây dựng một ngôi trường mới, bèn sai học trò khai phá khoảnh rừng thuộc phần đất ông ngoại để lại. Trước khi khởi công, Nguyễn Trãi đêm nằm mộng thấy một người đàn ông mặc áo trắng đến năn nỉ: «Vợ tôi đang bụng mang dạ chửa, xin tướng công làm phúc ra lệnh cho các môn sinh chậm lại vài hôm hãy dẫn cây đề cho chúng tôi kịp thu xếp dời nhà đi nơi khác». Sáng hôm sau, Nguyễn Trãi đi về phía khoảnh rừng cũ thì học trò đã phát quang xong cây cối, đang san đất làm nền trường. Họ trình cho thầy biết là trong lúc san gò dẫn gỗ, họ phát hiện được một cái hang có hai con rắn khá lớn và họ đã xúm nhau giết được cả đôi. Nguyễn Trãi đến tận nơi xem, thấy rõ xác hai con bạch xà, trong đó một con bụng đang có chửa. Ông ra ý phân vân rồi truyền lệnh cho học trò đem chôn.

Tối hôm ấy, ông đang ngồi cặm cụi dưới ánh đèn, bỗng nhiên có một giọt máu rơi xuống thấm đỏ liền ba trang sách. Ông ngừng đầu nhìn lên xà nhà thấy thấp thoáng bóng một con rắn trườn qua...

Đến thời kỳ Nguyễn Trãi được vời vào triều trở lại cuộc đời làm quan, một buổi chiều nhàn tản, nhân di hóng mát ở Tây hồ, ông bắt gặp một người con gái đẹp gánh chiếu gòn đi bán. Đang lúc cao hứng, quan Thừa chỉ đọc bông lơn mấy câu thơ:

*Á ở đâu ta, bán chiếu gòn?*

*Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?*

*Xuân xanh chừng độ bao nhiêu nả*

*Đã có chồng chưa, được mấy con?*

Không dè người con gái ứng khẩu họa luôn một bài tứ tuyệt :

*Thiếp ở Tây hồ bán chiếu gon*

*Cớ sao quan hỏi hết hay còn?*

*Xuân xanh vừa độ trăng tròn lẻ (1)*

*Chờng còn chưa có, hỏi chi con?*

Mến cảm tài văn chương, triều quan Nguyễn Trãi nhờ người manh mối hỏi cô hàng chiếu làm thiếp, Người vợ thiếp đó chính là Nguyễn Thị Lộ. Tiếng Thị Lộ hay chữ đến tai vua Thái Tôn. Nhà vua triệu vào kinh phong cho chức «*Lễ nghi học sĩ*» giữ việc giảng dạy trong cung. Chờ đến dịp nhà vua đi tuần miền Đông, ghé vào thăm lão thần Nguyễn Trãi ở Côn Sơn rồi về nghỉ lại ở vườn Lệ Chi (Trại vái), đêm hôm ấy Nguyễn Thị Lộ mới đầu đọc nhà vua. Khi vua băng hà, triều đình cho là Nguyễn Trãi mưu giết vua, xử giết ông cả ba họ. Khắc chót cuộc hành hình đem Nguyễn Thị Lộ ra chém thì Lộ hóa thành con rắn trắng»...

Sự tích ma quái, thần bí của vụ án Lệ Chi viên chi có thể đánh lừa được những kẻ cá tin, nhẹ dạ. Còn ở chốn kinh sư, bậc túc nho, người thức giả, nghe những chuyện tương tự trên đây thì im hơi lặng tiếng hoặc kín đáo thờ dài, Ngấm lại, từ cuối đời Thái tổ Cao hoàng đế Lê Lợi, trải chín năm vua Thái Tôn ở ngôi cho đến nay, họ đã từng chứng kiến biết bao nhiêu chuyện đau lòng. Họ hiểu vì đâu Nguyễn Trãi phải mang thảm họa, nhưng cũng do nhìn thấy thảm họa của Nguyễn Trãi mà họ cảm biết thân phận mình chẳng qua chi như con sâu, cái kiến. «*Có miệng thì cắn, có nấp thì dậy*», «*vạ tay không hay vạ miệng*», họ tự răn mình và răn dạy vợ con như vậy. Nhất là sau khi hoàng đế tắt mệnh, thái tử

---

(1) Trăng rằm : 15 ; trăng tròn lẻ là 16 tuổi.

lên nổi nghiệp chưa đầy ba tuổi, mọi việc triều chính đều do tay một người đàn bà nổi tiếng lộng quyền là mẹ vua, tức bà Tuyên từ hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh định đoạt...



Vào khoảng cuối canh tư. Cả kinh thành còn đang say giấc. Cảnh vật chìm đắm trong một màn sương mù dày đặc. Đứng ở phía bên này hồ Dâm Đàm (Hồ Tây) trông về mạn hoàng cung, nếu không có ánh đèn le lói ở tháp canh trên cửa Đoan môn thì người ta không tài nào phân biệt nổi đâu là Đông Tràng An, Tây Tràng An, đâu là vườn Thượng lâm, khu hí viện v.v... Vào giờ này, vua Nhân Tôn không ngự trên cỗ sập vàng. Đức vua nương mình trên tấm võng tia mắc vào một cái giá khung bằng sừng tê ngưu đặt ở góc phía tây cung Vạn Phúc có cửa vòm cuốn thông với cung của hoàng thái hậu. Tấm võng của nhà vua quả là một công trình tuyệt mỹ. Gần ba mươi thợ khéo ở xưởng thủ công «bách tác» hoàng gia đã gắng sức ròng rã nửa năm trời mới làm xong những chi tiết khác nhau của nó. Bên trong võng, lót gấm hồng thêu hình rồng cuốn, còn thành võng là hai bức diềm viền kim tuyến rủ hàng tua vóc vàng đính đầy những hạt trân châu óng ánh. Mười hai tú nữ xiêm áo lượt là thay phiên nhau châu chực quanh tấm võng quý đó. Họ đã được hoàng thái hậu lựa chọn rất kỹ trong số hàng nghìn mỹ nữ cung tần. Những người này không phải chỉ cần có nét mặt thanh tú, giọng nói ngọt ngào, bước đi uyển chuyển. Họ còn phải thành thạo rất nhiều công việc: chế biến thức ăn, bày biện hoa quả, trang trí đèn lồng, khâu vá, thêu thùa, múa hát. Hơn thế nữa, họ còn phải biết tận tụy săn sóc nhà vua và phải hết sức thông minh. Phải thuộc lòng từng nét ăn, nét ngủ của ngài, phải đoán biết rất đúng ý nghĩa trong từng cái cựa mình, vươn vai, đạp chân nhỏ



nhẹ... Khi nào cần giảm bớt vị ngọt trong bình sữa sơn dương, khi nào cần thay nước tắm ngũ vị hương bằng nước mưa ủ nhị hoa sen, khi nào cần cuốn cao rèm ngọc cho ánh sáng tự nhiên tràn vào, v.v... những bàn tay của họ phải cung đốn đức vua chưa đầy ba tuổi được toại nguyện đúng như một vị thiên tử. Lúc này Ngài đang thiêm thiếp ngủ, một khúc ca êm ái soạn theo điệu nhạc Chiêm Thành thay cho lời ru nhẹ nhàng bay theo điệu võng du đưa...

Bà Tuyên từ hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh rón rén đến bên tấm võng tía, vén màn nhìn đức vua phập phồng cánh mũi ngáy đều đều một cách thỏa mãn, rồi bà mới bước lên ngai ngồi uy nghi và lạnh lùng như một pho tượng đá.

Từ khi hoàng thượng về châu tiên đế, ngay cả ban đêm lúc ngủ thái hậu cũng bận tang phục, ngày thì ba lần đến thái miếu tự tay dâng lễ thấp hương kêu khóc thảm thiết, tưởng như tình thương của tất cả những người vợ trên thế gian này cộng lại cũng không bằng tắc lòng thành của bà đối với Thái Tôn hoàng đế. Bà ngồi đó, nếu thỉnh thoảng không nhếch mép để ánh lên màu hạt na của mấy chiếc răng nanh hơi khèn thì toàn thân là một khối trắng toát: vòng nguyệt quế trắng bao quanh chiếc vương miện phủ khăn lụa trắng, quần áo trắng, dải thắt lưng trắng, và đôi hài trắng. Cả cái nhìn cũng gây cảm giác ghê lạnh vì lớp nhãn cầu sáng lóa. Đúng là thái hậu có hai con mắt khác lạ. Mắt bên phải lớn hơn mắt bên trái tới hai phần mười. Con mắt này khi hàng mi sụp xuống trông tình tứ, dịu dàng, nhưng khi nhìn thẳng thì lông mày dựng lên dữ tợn, đồng tử nở xòe ra và lóe lên những tia sáng sắc lạnh. Ngày xưa, khi bà còn là một thiếu nữ, mới chạm mặt lần đầu, vua Thái Tôn đã muốn tuyên làm phi, chỉ hơi ngại vì con mắt ấy. Đoán trúng ý vua, bố đẻ ra cô thiếu nữ biện bạch ngay: «Tâu bệ hạ, biết bao nhiêu bậc quyền quý đều chưa lọt được vào mắt con gái kẻ quê mùa này. Xin bệ hạ đánh chữ»

đại xá cho, nào có phải tiện nữ (1) dây mình vàng vóc ngọc gì, chẳng qua chỉ nhờ cái tướng «mục dị» (2) kia. Đa, đúng thế, quý tướng có hai loại : một là nốt ruồi, ấn tướng của các vị cao sang ; hai là «mục dị» thì... bầm... các nhà lý số nói đó mới là đặc điểm dung mạo hạng người làm nên quốc mẫu». Đó là lời tâu của một người giàu có nhất vùng, trong dịp xa giá đi qua trấn Thanh Hoa, huyện Đông Sơn, làng Bồ Trạch và dừng lại đây một đêm. Thế rồi nhà vua trẻ tuổi không «ngại» con mắt ấy nữa, và mấy tháng sau, lão phú hộ ở huyện Đông Sơn nghiêm nhiên trở thành bậc quốc trượng.

Với con mắt khác lạ ấy – trong ban đêm tĩnh mịch – Thái hậu không ngược lên nhìn ai cả mà lại nhìn thẳng vào chính lòng mình. «Sự đổi thay nhanh chóng quá. Ta... chính ta đã làm những việc ghê rợn đến thế ư ? Ôi, xin tiên đế và các bậc thần minh lượng xét cho, nếu Thị Anh không bạo tay trừ khử tên lão thần bướng bỉnh thì ai tôn kẻ cô quả này lên ngôi Thái hậu ?.. Và có thật ta đang là hoàng thái hậu, là người ngồi rù rèm thính chính cho vua Nhân Tôn, là người có quyền hành lớn nhất trong khắp nước Đại Việt này không ? Hay là ta đang sống trong mơ ? » Thái hậu cắn mạnh vào ngón tay út. Mi mắt trái giật thót lên. Đau điếng người đi ! Đúng là sự thật hiển nhiên rồi. Bà mở to mắt ra ngắm nhìn cảnh tượng mình đang ngự trị. Trước mặt bà, một làn khói thơm nhẹ tỏa lan từ chiếc lư ngọc bích gọt hình trái phật thủ. Sau lưng bà dựng lên một quả non bộ kết bằng trúc gọi là «Vạn thọ Nam sơn». Quả núi này có năm ngọn, mỗi ngọn mang một tên khá cầu kỳ mà các quan Đông các phải tra cứu kinh sách rất lâu mới đặt nổi. Hai bên bà, hai phi tần mặc áo kiêu Giáng hương nhẵn nại quỳ xuống nền đá cẩm thạch, đầu đội những chiếc

---

(1) *Tiện nữ* : người con gái hèn mọn. Cách nói khiêm tốn.

(2) *Mục dị* : mắt khác lạ mắt người thường.

khay dôi mời khám xà cừ : một khay dâng hòa lò đặt sẵn ấm đun nước pha trà, một khay dâng bát mẫu nhân sâm cách thủy. Chỗ bà ngồi thông với hậu cung có một lối đi ngầm dưới đất gọi là Vạn an lộ, ban ngày cũng như ban đêm đều đốt nến sáng trưng. Bọn cận thần và lũ quan hoạn đánh bạc, uống rượu, hát xướng mặc sức trong các ngách của lộ Vạn an ấy.

Tuyên từ hoàng thái hậu đang nóng ruột đợi quan Tả hình Tạ Thanh là tên cầm đầu các nội quan, tới. Chỉ ở nơi cung cấm mới có những buổi châu lạ lùng vào giờ này.

Tả hình Tạ Thanh xuất thân là một tên ăn chơi đàng điếm. Vì mê đào hát và có chút hơi hướng họ ngoại với quan Lễ bộ Lương Đăng nên được Đăng tuyền vào ban nhã nhạc trong cung đình. Ít lâu sau thấy hần không có khiếu âm nhạc, lại nhân trong cung thiếu một chân thị vệ, Đăng mới xin với Huệ phi cho hần vào làm hoạn quan. Từ đó, Thanh đâm ra bài bạc và ăn của dút lót, đã nhiều lần được Huệ phi che chở. Khi Huệ phi bị giáng truất, Thanh làm sớ tâu vua vạch thêm tội của phi. Quan Hành khiển Nguyễn Trãi biết việc đó, than với Thái Tôn rằng :

— Bình nhật Tạ Thanh hết lời tán tụng Huệ phi, nay ân nhân bị lâm nguy, hần đã không thương xót thì chớ, lại đi tố giác người ta một cách a dua, vu khống. Như thế trước hết là hần tự tố giác cái lương tâm hèn hạ của hần, sau nữa hần đã làm tổn xúc đến cái đạo sáng của đời thịnh trị. Hạng như Thanh bùng bát cơm ăn nhưng chưa hiểu lẽ làm người. Xin bệ hạ hãy bỏ ngoài tai,

Vua bẻ lại :

— Thanh vạch tội một kẻ đáng trị tội thì đó cũng là hợp với lẽ làm người chứ sao ?

Nguyễn Trãi lại tâu :

— Có người vì đại nghĩa, phải lau nước mắt gạt tình riêng, nhưng tâu bệ hạ, thần trộm nghĩ hạng người như Tạ Thanh chưa thể vươn tới cái lẽ đó.

Vua ậm ừ cho qua chuyện rồi vẫn đề Thanh về hầu cận Nguyễn Thị Anh. Càng ngày họ Tạ càng được tin dùng. Chuyện gì phi cũng đem bàn bạc với Thanh. Thanh tâu điều gì, phi cũng khen là hợp ý. Hai tâm địa ấy giống nhau như hai cái đáy nghiền mực cùng đúc một khuôn. Hồi vợ chồng Nguyễn Trãi đồng lòng cứu thoát nguyên phi Ngô Thị Ngọc Dao – một người vợ khác của vua Thái Tôn – xúc xiêm vua không được, Thị Anh trợn tròn mắt, giậm chân nói với Tạ Thanh:

– Còn Trãi thì ta và bọn các người chưa biết lúc nào mới mở mày mở mặt được!

Tên hoạn quan cười nham hiểm:

– Trãi còn hay không, theo ngu ý, chính là do ở nguyên phi...

Tả hình Tạ Thanh vào cung không bận triều phục. Hắn ngái ngủ, chỉ kịp chụp vôi lên dấu chiếc mũ bì biện kiêu quan võ. Hắn sắp phủ phục xuống chân ngài thì Tuyên từ Nguyễn Thị Anh xua xua tay:

– Thôi! Miễn lễ cho khản (chỉ có Tạ Thanh mới được hưởng đặc ân ấy). – Rồi hỏi luôn – Công việc đến đâu rồi?

– Muốn tâu hoàng thái hậu... – Tả hình hơi ấp úng... – Lũ thần đã cho lòng sục khắp nơi nhưng vẫn... chưa thấy tăm tích Phạm Thị Mẫn đâu cả.

– H... ừ... m..., bọn Khanh lòng sục ở những nơi nào?

– Dạ... suối sâu, rừng rậm, hang cùng ngõ hẻm. Khắp vùng Côn Sơn và bất kỳ một chốn nào có hơi hướng quen thuộc với Nguyễn Trãi và Phạm Thị trước đây.

– Hồng! Hồng!... – Thái hậu đập tay xuống thành ngài giọng mỉa mai – các người di lòng chuốt chớ không phải đi vây bắt vợ của kẻ « phản nghịch »!... Hãy nghe ta, cho quân rút ngay khỏi Côn Sơn và những nơi cũ! Mở cuộc thám nã ở huyện Sơn Nam!

Ngừng một lát, Thái hậu rít qua kẽ răng:

—... Mà khanh phải nói cho cái lũ quân lính toi cơm của khanh hiểu rằng lần này nếu không tìm bắt bằng được tội phạm thì bọn chúng trở về đừng có trách hoàng thái hậu độc ác. Ta gia hạn cho mười lăm ngày nữa đó...

Khi tên gian thần họ Tạ nhận mệnh lệnh xong đã đi khuất vào nẻo Vạn An lộ, Tuyên tử Nguyễn Thị Anh còn ngồi lưỡng lự suy tính: « Thị Mẫn sắp đến ngày mãn nguyệt khai hoa rồi. Biết đâu nay mai nó chẳng đẻ ra một đứa con nối dõi Thừa chi... Hừ...m... Nhờ có phải nhờ tận gốc... Cần ngầm báo cho Tạ Thanh biết: nếu không tiện bắt sống thì bằng cách nào cũng tốt, miễn là thủ tiêu được Thị Mẫn và cái thai trong bụng... Cố nhiên phải có bằng cứ gì mang về đề cho ta đủ tin... » Ý nghĩ ấy làm cho Thị Anh khoan khoái thực sự. Mụ không thèm nhấp giọng nữa, đứng dậy hất ống tay áo gạt đờ bát nhân sâm xuống chân gai...

Hai tú nữ sợ hết vía. Họ vẫn không dám nhúc nhích, cứ đội những chiếc khay quì mọp tại chỗ. Lúc này họ cảm thấy khắp nơi trong cung điện đâu đâu cũng hiện ra những con mắt mang đồng tử sáng lóa, kỳ quái, cứ mỗi lúc một nở to mãi ra, long lên sòng sọc, xuyên những cái nhìn sắc lạnh vào vai, vào cổ, vào lưng, vào... số phận đáng thương của họ.

\*  
\* \* \*

Cách kinh thành sáu mươi dặm về phía đông nam, ở huyện Sơn Nam, trên bờ sông Đáy có một làng tên là làng Đoài, dân cư không đông lắm nhưng đất đai trù phú. Cả làng sống bằng nghề trồng dâu nuôi tằm. Riêng có một tên giàu nhất làng, ngoài mấy chục mẫu nương dâu, còn có thêm một vườn cây ăn quả. Đời Thái Tôn hoàng đế, có lần vào dịp tết Nguyên Đán, hấn bưng một cây quất sai quả nhất đem vào cung dâng vua. Nguyên phi Nguyễn Thị Anh bứt một quả ném

thù và khen là giống quất quý. Phi cho rằng khắp nước Đại Việt chỉ có đất làng Đoài mới ưa trồng quất, liền nảy ra một ý quái gở: bắt gần ba trăm hộ trong làng dời di nơi khác cho tên nhà giàu kia phá tất cả mấy trăm mẫu dâu tơ, đem trồng giống quất thế vào. Nếu không có quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi can ngăn, chắc chắn bấy giờ vua Thái Tôn đã làm theo ý nguyên phi và như vậy, làng Đoài... còn đâu nữa?

Trong lúc ba họ Nguyễn Trãi bị thẩm sát, bà Phạm Thị Mẫn trốn thoát rồi tình cờ lưu lạc đến bên bờ sông Đáy... Ngày một, ngày hai dân làng biết chuyện. Đề dền ơn tri ngộ năm xưa, làng Đoài từ ông già, bà cả, đến đứa bé đề chòm, đều bẻ que ăn thề quyết nuôi giấu bà Mẫn gìn giữ bằng được dòng máu của vị đại ân nhân. Họ không ngờ tên nhà giàu kia đã manh tâm trốn vào kinh đi báo với Tuyên từ Nguyễn Thị Anh.

Tin Tả hình Tạ Thanh nay mai mang binh quyền về bao vây làng Đoài lung bắt thân thích của Nguyễn Trãi phút chốc lan đi khắp chòm trên ngõ dưới. Lập tức người xã trưởng cho đánh một hồi chín tiếng mõ khàn cấp triệu bà con vào họp kín trong núi. Ai cũng lo cho tính mạng bà Mẫn. Người ta tranh nhau hiến kế:

– Cứ tạm thời giấu Phạm phu nhân trong hang rồi chúng tôi thay phiên nhau đem cơm nước vào, có được không?

– Không được. Cả địa thế làng ta chỉ nổi lên một quả núi. Cả quả núi chỉ có một cái hang, ẩn trong đó, sớm muộn bọn Tạ Thanh cũng đánh hơi thấy.

– Tôi có người em ruột ở phủ Thiên Trường. Hay là gửi phu nhân về nấu mình ở đấy một thời gian?

– Phải bàn kỹ nữa đi! Có nên đem phu nhân ủy thác cho một người phu nhân chưa hề quen biết hay không? Mà phủ Thiên trường sát quốc lộ là nơi bọn quan quân hay qua lại...

Xét ra kế nào cũng chưa thật ổn. Cuối cùng, người xã trưởng nói:

– Tôi biết, chỉ có một người cứu được phu nhân trong lúc này mà thôi.

– Là ai, là ai vậy? Nói mau lên cụ xã trưởng.

– Xin đừng có nôn nóng... Tôi chưa thề nói lộ ngay tên, tuổi... Chỉ biết là tôi có thể đi tìm được người ấy về đây để hộ tống phu nhân đến một nơi hoàn toàn yên ổn, nếu bà con chúng ta chịu ủng hộ thuận cho một điều...

– Cứ nói lên xem nào! Cứu được phu nhân thì dù có gặp trăm điều khó khăn, chúng tôi cũng không quản nữa là một điều!

– Vâng, tôi xin nói, bà con ạ, trong khi tôi đi vắng, nếu tên Tả hình Tạ Thanh đến đây lòng nã phu nhân thì xin bà con cứ làm đúng theo lời tôi dặn như thế này...

Nghe xong, mọi người reo lên sung sướng:

– Cụ xã trưởng cao kiến lắm! Có khó gì điều đó. Chúng tôi sẽ làm đúng như lời cụ dặn.

★  
★★

Đất nước lại phải bước vào vòng binh lửa!

Cái chí hận thù nung nấu đánh giặc kỳ cho giặc phải van xin đầu hàng, cái tâm đồng cam cộng khổ cùng ba quân thiên hạ « nêu hiệu, gậy làm cờ, tụ tập khắp bốn phương manh lệ; thiết quân, rượu hòa nước, dưới trên đều một bụng cha con » (1) như ở các bậc thánh quân thì đã lùi xa vào thời kỳ quá vãng.

Nguyễn Trãi, bậc lão thần tài kiêm văn võ, ngôi sao rực sáng ở phương Nam... ánh hùng tinh đó đã lịm tắt trong bầu trời đầy mây mù oan khuất.

---

(1) *Bình Ngô đại cáo* do Nguyễn Trãi soạn.

Các bậc đại thần dũng lược như Nguyễn Xi, Đinh Liệt, Lê Bảo, Lê Yên, Lê Bôi... tuy đội mũ mặc áo dương triều nhưng lại không được tin dùng!

Vua còn nhỏ tuổi, quyền hành ở cả trong tay Tuyên từ Nguyễn Thị Anh và bè lũ hoạn quan xiêm nịnh...

Tình trạng ấy tạo thời vận lắm le kiếm chác cho bọn giặc cướp bên ngoài vốn dĩ đã mon men nhòm ngó bờ cõi nước Đại Việt từ lâu. Trước nguy cơ bị ngoại xâm, hoàng thái hậu và triều đình không bàn tính đến kế luyện võ bị, tích lương thảo để phòng giữ Tô quốc, lại gây thêm ta thán lòng người bằng những việc làm hèn hạ, độc ác như việc mưu hại bà Phạm Thị Mẫn.

Trong khi Tả hình Tạ Thanh hùng hồ mang quân về bủa vây làng Đoài thì bọn tướng giặc ngoại bang cũng bí mật mang quân đến cướp phá thành Châu Hóa (Thừa Thiên). Bấy giờ vào cuối mùa hạ năm Bình Dân. Tin cấp báo về kinh sư, Tuyên từ Nguyễn Thị Anh ôm vua Nhân Tôn vào lòng, rồi cưỡng quyết triệu tập lũ hoạn quan cận vệ. Bọn này dựa cáo ốm, dựa vin vào tuổi già mỗi mệt, dựa thì kiếm có làng tránh... Không còn cách nào khác, cùng đường, thái hậu đành chịu muối mặt « hỏi thăm » đến các vị cựu thần của tiền triều. Đương nhiên khi nước có biến, các vị không bao giờ khước từ lời hiệu triệu cứu nguy cho xã tắc. Thế là Thái Bảo Lê Bôi lại thống lĩnh mười vạn quân gấp rút lên đường.

Biết quân ta thế mạnh, quân giặc bỏ trống mặt tiền cho ta nhập thành dễ dàng rồi chúng lặng lẽ rút lui về án ngữ dọc hai phía tả và hữu ngạn sông Hương. Ở đây thủy quân của chúng hoạt động ráo riết. Đường tiếp viện, chuyên lương của ta các ngã đều bị cắt đứt. Tiến thoái lưỡng nan, quân sĩ ta bắt đầu xao xuyến. Trước tình thế ấy, Thái Bảo Lê Bôi hội các tướng lĩnh lại bàn rằng: « Ta tiến đại binh phá giặc, không dè lại rơi vào giữa vòng vây của chúng; bây giờ rút lui cũng chết, nằm chờ quân ứng cứu



cũng chết. Chỉ còn một kế là lấy nguy giải nguy tìm cách đột nhập vào sào huyệt của giặc, bắt sống tướng giặc. Nhưng quân ta không quen đánh nhau dưới nước mà chiến thuyền giặc san sát mặt sông, làm sao có thể nhận ra lâu thuyền chỉ huy của chúng. Ai là người dám nhận làm nòng việc đó?...

Đến đây cần nhắc lại việc tên hoạn quan họ Tạ vâng mệnh Tuyên từ Nguyễn Thị Anh đi lòng bắt bà Phạm Thị Mẫn. Gần tới địa phận làng Đoài, Tạ Thanh cho rải quân bao quanh vùng rồi hấn tự thân đi tìm người xã trưởng. Không tìm thấy cụ đầu cả, hấn nổi xung dọa nạt những người dân chung quanh:

— Ta là quan Tá hình Tạ Thanh cầm quân triều đình về quê các người lòng bắt vợ tên nghịch thần Nguyễn Trãi còn sống sót ở đây (hấn vừa nói vừa chìa tờ chiếu chỉ nhà vua ra). Ta đã sức lệnh trước cho chức dịch trong làng phải tìm bắt bằng được tội phạm đem giải nộp, tại sao bọn bay dám trái lệnh hử! Tên xã trưởng bỏ nhà đi đâu? Phạm Thị Mẫn ăn náu ở đâu? Các người phải tường khai ngay, không thì ta chém đầu cả lũ.

Nhưng mọi người đã được cụ xã trưởng dặn dò từ trước, đều trả lời một phách giống nhau:

— Bẩm thượng quan... Đúng là có một người đàn bà xa lạ, bụng chứa vượt mặt, lâu nay vẫn sống quanh quất ở vùng chúng tôi. Hôm tiếp được tờ sức của quan trên, so sánh nhân dạng tội phạm trong căn cước với hình dáng người thực, dân làng chúng tôi mới vỡ lẽ đó là Phạm Thị... Cụ xã trưởng tức khắc cho bắt trói lại đề giải nộp thượng quan. Không ngờ tội phạm gan góc quá, ngay đêm hôm ấy cắn lưỡi tự vẫn. Cụ xã trưởng lo mắc tội lớn với triều đình nên đã bỏ trốn, dạ... dân làng chúng tôi phải xúm nhau lại chôn cất người đàn bà xấu số mới được vài hôm nay...

Ngẫm nghĩ một lát, Tạ Thanh ranh mãnh hỏi:

— Thế các người có giữ lại vật gì đề làm bằng chứng không?



... không thì ta chêm dầu cả lũ.

Một người tự nhận là chức dịch trong làng vội xin phép trở về nhà lấy mấy thứ rồi trở lại, khúm núm thưa :

— Dạ... đây một đôi khuyên đeo tai bằng vàng, một chiếc hộp đựng trầu sơn màu sáp ong, và một cái dụn tóc, hạ chức còn niêm phong nguyên vẹn, xin đem nộp lại thượng quan.

Ta Thanh trông thấy của, hípc cả mắt. Hấn nhăm xong ngay một con tính: Đôi khuyên tai vàng thì dứt túi làm của riêng. Còn chiếc hộp trầu và cái dụn tóc (đáng gì những thứ ấy!) sẽ đem dâng lên thái hậu, ch... ạc... đề gọi là làm tang vật, chứ Ta Thanh này còn phải đến tận nơi tra xét tường tận chứ...

Rồi Tả hình bắt viên chức dịch sở tại phải dẫn hấn đến ngôi mộ mới ở bãi tha ma đầu làng. Mặc dầu đã đọc đi đọc lại mấy hàng chữ viết trên tấm thẻ tre thay cho mộ chi: mộ phần bà Thị Mẫn, họ Phạm, thác mệnh ngày tháng năm, dân làng mai táng tại... đặt tên thụy <sup>(1)</sup> là.... Ta Thanh vẫn nửa tin, nửa ngờ. Hấn bắt nọn người chức dịch bằng một câu nói lấp lửng :

— Ta khó lòng có thề tin được ở bọn các người...

Thay cho lời đáp lại hấn, là những nhát cước bõ xuống ngôi mộ tới tấp. Đến khi từ lòng đất lộ ra một góc chiếc quan tài xông lên mùi thối thối đến nôn mửa, bấy giờ Ta Thanh mới thở phào nhẹ nhõm. Hấn xua tay ra hiệu :

— Lấp huyệt mau! Thế là đủ rồi...

Tên gian thần ngu ngốc ấy yên chí tự cho hấn là kẻ khôn ngoan qui quyết nhất đời. Hấn có biết đâu rằng ngôi mộ hấn vừa đến tra xét chỉ là ngôi mộ giả, trong áo quan đựng xác một con dê đã thối rữa mà thôi... Và trong khi Tuyên từ Nguyễn Thị Anh hí hửng tưởng đã « làm cỏ » tận gốc sạch sành sanh ba họ nhà quan Thừa chỉ thì, theo kế

---

(1) Tên thụy : tên đặt cho người chết.

sách người xã trưởng làng Đoài, một chiếc thuyền nhỏ đã vượt eo sông Đáy giông buồm mái miết không hề ngày đêm, hộ tống bà Phạm Thị Mẫn đến tận đất Bồn Man (Lào). Người lái chiếc thuyền đó cứu thoát Phạm phu nhân là một chàng trai lực lưỡng, môn sinh cũ của Nguyễn Trãi, tên gọi Lê Đàm.

Đến Bồn Man, Lê Đàm định gửi Phạm phu nhân ngụ nhờ gia đình một người Việt cũng là bạn trong đạo đồng môn, không may người này vừa lâm bệnh, chết. Phạm phu nhân lại sắp đến tháng sinh đẻ, không thể kham những việc nặng nhọc. Thế là Đàm phải cùng ở lại với phu nhân, giúp đỡ cách sinh nhai. Người ta thấy chàng thanh niên ấy suốt ngày xoay tròn ra, làm đủ mọi việc, nào là dẫn gỗ, chặt tre dựng lán, nào là khai nương, đốt rẫy, trồng ngô, tía lúa. Lúc rảnh việc, lại tìm nơi thanh vắng ôn văn, luyện võ. Tuy nhiên, Đàm vẫn dành thời giờ, lan la thăm hỏi hoặc giúp đỡ những gia đình neo đơn ở chung quanh. Nhờ vậy, khi Phạm phu nhân sinh ra một chú bé và đặt tên là Anh Võ, bà con người Việt và cư dân người Bồn Man lui tới thân thiết lắm. Người cho lon muối, người tặng chiếc khăn đắp dẹt bằng thổ cẩm, người không có của thì giúp công, đến khâu vá, giặt giũ cho mẹ, cho con.

Ròng rã nửa năm trời ở nơi đất khách, mẹ con dạng sống chung với nhau ấm cúng, bỗng dung một ngày kia bà Phạm gọi Lê Đàm vào nhà:

— Anh Võ đã cứng cáp, bây giờ một mình mẹ cũng đủ săn sóc em được rồi. Bên kia dãy Trường Sơn, giặc ngoại bang đang tàn sát quê hương, con phải mau lo về trả nợ nước!

Lê Đàm cúi đầu ngẫm nghĩ «Ngày xưa Thầy dạy ta: Làm trai thời bình lo văn nghiệp, lúc quốc gia hữu sự phải xếp bút nghiên đeo gươm ra trận, đó là lẽ thường tình». Rồi không dám trái lời Phạm phu nhân, Đàm đành gạt nước mắt chia tay...

Le Đàm về nước vừa lúc Thái Bảo Lê Bôi sắp khóa sổ tuyên binh. Chàng không kịp trở lại thăm xóm cũ bên hồ Đàm Đàm và các bạn đồng môn ở phường Báo Thiên (Thăng Long) mà chỉ kịp dừng lại ở huyện Sơn Nam. Chàng tìm gặp cụ xã trưởng làng Đoài, báo cho cụ biết việc nghĩa được giao đã làm tròn rồi chàng xin cụ cho ghi tên vào danh sách những tráng đinh địa phương tình nguyện sung vào đội quân của quan Thái Bảo...

... Lúc này đây nghe những lời cáo cấp truyền xuống hàng quân, Lê Đàm mặt đỏ bừng, tóc dựng ngược, cắn bật cả máu môi suy nghĩ:

«Kiêu ngạo đến như bọn tướng tá nhà Minh mà đối mặt với quân binh Đại Việt cũng đã từng phải sợ vỡ mặt, chạy tháo thân, đến nỗi máu chảy đầy đồng, thấy chông thành núi, «cứu binh hai lộ kéo sang chưa quay chân đã bại» «cường khấu các thành khiếp sợ đều cởi giáp ra hàng»<sup>(1)</sup>, huống hồ bọn giặc nhãi nhép này bây giờ lại dám liều lĩnh vây hãm quân ta? Phải cho chúng biết tay mới được! Nhưng xưa kia, thầy cũng từng dạy ta: «Dùng không bằng mưu, mà muốn đạt mưu cao, trước hết phải có gan vàng dạ sắt...»

Đêm hôm ấy trời không trăng sao, Đàm chỉ đóng một cái khố đỏ. Chàng hít một hơi thật mạnh rồi nín thở ngụp xuống dòng Hương Giang. Đây là lúc người con trai bên hồ Đàm Đàm trở hết tài bơi, lặn. Đàm lướt mình như cá lượn qua những dải nước sáng là khu vực dàn trận của thủy quân giặc. Chàng lặn đến chiến thuyền chỉ huy, lộ đầu nhìn vào lầu thuyền, thấy tên Đồ soái giặc đang ngật ngưỡng ngồi uống rượu. Chàng men đến sát chỗ hắt, du nhẹ mình lên khoang... và nhanh như cắt, tên tướng giặc chưa kịp trợn mắt há mồm, bằng một miếng võ hiểm chàng đã khiến hắn phải ngồi cứng đờ tại chỗ, tay chân trở thành vô dụng. Ung dung Đàm cởi áo ngoài của hắn khoác vào mình, lấy gươm

---

(1) *Bình Ngô đại cáo.*



... Chàng lần đến chiến thuyền chỉ huy.

của hắn đeo vào bên hông, tước thẻ hiệu cài vào ngực, đội mũ kim cương lên đầu, xong đầu dấy rồi, chàng mới đánh thức hai tên lính hộ vệ dậy. Bọn này chỉ là đồ nhát gan! Vừa định thần nhìn thấy chủ soái ngồi thất đả mắt trắng bệch và đứng trước là một vị tướng khác lạ, như người mới ở thủy cung hiện lên, chúng «ngọng» cả tay chân, sụp xuống lay rối rít. Lê Đàm bèn ra hiệu bắt hai đứa phải lẳng lẳng làm theo mệnh lệnh của mình: lái chiến thuyền chỉ huy của Đồ soái ra khỏi ngã ba sông để đi về phía quân ta...

Sự việc kết thúc nhanh chóng bất ngờ. Sáng hôm sau, tin tướng giặc bí mật lên về đầu hàng quan Thái Bảo loan đi khắp thành Châu-Hóa. Quân ta đốt pháo ăn mừng. Còn quân, tướng giặc thì bàng hoàng, hốt hoảng. Chúng tranh nhau tháo lui, chiến thuyền va vào nhau nhấn chìm xuống sông Hương hàng nghìn xác chết...

Sau chiến công đó, Lê Đàm được trọng thưởng. Thái Bảo Lê Bôi triệu chàng đến trung quân phong cho chức tước. Chàng sẽ sàng thừa:

— Tôi vốn quen cầm bút lông, gặp lúc nước có biến mới phải vớ lấy cung, kiếm. Nay giặc đã tan, xin tướng công cho tôi được trở lại cuộc đời kẻ sĩ.

Bấy giờ nguyên phi Ngô Thị Ngọc Dao đã được cời án về sống riêng biệt ở chùa Huy Văn. Con trai nguyên phi là Tư Thành cũng vừa được phong làm Bình Nguyên vương. Bình Nguyên vương còn trẻ tuổi, phủ đệ cần một chức quan Thân tùy kiêm học sĩ. Thấy Lê Đàm vừa có tài văn võ, vừa có đức khiêm nhường, quan Thái Bảo đem lòng mến phục mới tiến cử chàng tòng giữ chức ấy. Từ đây, họ Lê lại về sống giữa kinh sư, nhưng khác xưa, không còn là một người học trò nghèo bên hồ Đàm Đàm mà trở thành một đường quan ngồi trong vương phủ có nhiều dịp tiếp xúc với những bậc công, hầu, khanh, tướng.



Đến gốc cây đa đầu làng, trang thanh niên ghì cương cho con tuấn mã đứng lại, nhẹ nhàng nháy xuống đất rồi bước vào một quán nước. Có tới hàng chục nam nữ ngồi la liệt trên hai chiếc chõng tre kê ở phía trong quầy hàng. Thấy khách từ xa tới, một người đứng tuổi nhất trong bọn họ rót ra một bát nước chè tươi bốc khói, đứng lên don dả :

– Mời công tử dùng tạm rồi nghỉ chân cho đỡ mệt. Hôm nay cụ chủ quán bận chút việc, nhưng không sao... nếu công tử muốn lên núi cứ gửi ngựa lại, sẽ có người trông nom tử tế.

Chàng thanh niên lễ độ chào mọi người và tự nhiên đỡ lấy bát nước nóng uống một cách ngon lành. Trong quán bắt đầu nổi lên những tiếng xì xào :

– ... Chắc là ở kinh sư mới về ?

– Trông quen quen..., ờ... mà không có lẽ ! Cậu khóa năm xưa có đầu cao lớn chóng thế này ?

– Nay, ... ăn mặc không có gì kiêu cách sao vẫn ra dáng hơn cánh trai làng mình ?

– Gớm, chưa gì đã say như điệu dờ...

– Thôi đi, đừng có nhả nhớt cò mình !

Đúng là trang thanh niên có tướng mạo khôi ngô thật : mặt vuông chữ điền, mũi cao, trán rộng, đôi mắt ngời sáng và dăm chiêu. Chàng không để ý đến những lời bàn tán vì còn mãi quan sát ngôi hàng. « Ừ... cũng không có gì khác với những năm trước là mấy... Vẫn trên cùng là tấm ván mỏng manh đỡ bằng hai sợi dây mây đã ám khói, thay cho ban thờ gia tiên. Vẫn chiếc án thư cũ kỹ kê sát ở vách gian giữa, ở đó còn giữ nguyên những nét chữ chân phương viết trên nền giấy hồng điều. Vẫn đôi câu đối chúc tết dán vào hai bên cột luống, cột bên phải mắc một vành khăn đã sờn ố ngả màu nước dưa, cột bên trái treo một cây đàn tì bà mạng nhện chằng đầy các phím. Vẫn chiếc điệu cày bằng tre nơi tay cầm lâu ngày lên nước bóng như sừng.



Vẫn những chiếc vùa<sup>(1)</sup> úp theo hình chữ nhật trên quày hàng đan bằng những nan tre vót nhỏ. Cảnh trí không thay đổi nhưng chủ nhà thì sao ? Hay là cụ chủ quán... không còn nữa ? Và những người tùm tùm ở đây là ai ? Sao hôm nay không phải ngày cúng tuần mà lại thoang thoảng mùi hương ?...»

Chàng thanh niên đang lưỡng lự thì một ông cụ dáng quen thuộc từ trong nhà bước ra, bên vai lưng lẳng một chiếc ống quyển<sup>(2)</sup>. Chàng hết sức mừng rỡ, vội bước tới nắm lấy tay ông già :

- Lão trượng còn nhớ cháu không ?

Ông cụ giụi mắt hai ba lần, ngược lên ngắm nghia khách, sung sướng reo lên :

- Trời ơi, cậu Đàm..., à... quan Thân tùy Lê Đàm... Giẫm phải vết chân thần Phù Đổng hay sao mà cậu, à... quan Thân tùy lớn như thời. Nếu không nghe tiếng nói và không nhìn kỹ vết sẹo ở đuôi mắt thì lão không tài nào nhận ra được !

Lê Đàm ngượng nghịu :

- Xin lão trượng cứ coi cháu như những ngày ông cháu mình còn sống chung với nhau.

Cụ chủ quán cười vui vẻ rồi hướng về đám đông, hăng hái nói như phân bua :

- Hồi đội quân của quan Thái Bảo thắng trận trở về, đầu đầu người ta cũng nhắc đến chiến công Lê Đàm, bấy giờ lão đoán ngay là cậu Đàm môn sinh nhỏ tuổi nhất của quan Thừa chi, ngày xưa vẫn trọ học ở quán lão, thế mà chẳng đúng là gì ? Chà ! Hồi đó quan Thân tùy mới độ 14, 15 tuổi

---

(1) Vùa : loại bát to và nông làm bằng đất nung, chuyên dùng để đựng nước uống.

(2) Ống quyển sách thường làm bằng tre.

mà nét chữ già dặn đáo đê! Lão vẫn còn giữ bút tích. Tô giấy hồng điều dán ở vách kia kia!

Đám đông trở nên náo nhiệt:

— Đấy nhè, tôi đã bảo mà! Cứ ngỡ ngỡ mãi, hóa ra là cậu khóa Đàm ngày xưa thật!

— ... Có phải hồi ấy chúng mình thả trâu bên bãi bồi, chiều về nước lên to phải đội cỏ trên đầu cưỡi trâu qua sông không? Còn cậu ấy thì đi học ở bên kia bãi về, cứ một tay ôm quần áo, một tay cầm bút, sách, lội ủa xuống sông, hai chân đạp nước thẳng lưng như người đi trên bộ, bọn mình cố thúc trâu bơi nhanh đê trâu mà đuối không kịp... Thảo nào, bơi lội tài như thế cho nên lúc thủy chiến với giặc mới bắt sống được tướng giặc dễ dàng như thế chứ?

Mỗi người tranh góp một đôi câu. Không còn ai phân biệt chủ, khách nữa. Người ta coi Lê Đàm thực sự như người anh em lâu ngày đi xa về. Người ta líu tíu tranh nhau hỏi Lê Đàm đủ thứ chuyện: chuyện đánh nhau ở thành Châu Hóa, chuyện hộ tống Phạm phu nhân đi Bồn Man, chuyện làm quan ở phủ Bình Nguyên vương... Một thôn nữ, người nhỏ nhắn, chít khăn mỏ quạ, mặc yếm cổ xẻ nhuộm nâu non, ngời sát bên cạnh cụ chủ quán, nhìn Lê Đàm một cách hóm hỉnh rồi mới cất giọng:

— Hằng ngày em từ dưới xóm lên rừng Cồn Sơn đi hái củi, trèo núi phải qua một cái động gọi là động Thanh Hư, xuống khe phải qua một cái cầu gọi là cầu Thấu Ngọc. Em chỉ biết những cái đó có sự tích gần gũi với cụ Trãi, còn sự tích ra sao mà lại đặt tên như thế thì em chịu. Xin được các bác, các anh và nhất là người học rộng như quan Thần tùy ở đây dẫn giải cho.

Lê Đàm muốn yên lặng, hiềm một nỗi mọi người đều đồng tình với thôn nữ, khăn khoản muốn được nghe chàng nói, thành ra chàng phải đứng dậy.

— Thưa bà con, — Lê Đàm dẫn tích rành rọt — động Thanh Hư trên đỉnh Côn Sơn nguyên là di tích am Bạch Vân, nơi trú ẩn của sư Pháp Loa thuở xưa. Đến đời Trần, động này mới biến thành nơi dưỡng nhàn của ông ngoại quan Thừa Chi là quan Tư đồ Trần Nguyên Dán.

Như bà con biết, tuổi nhỏ, quan Thừa Chi thường sống ở đây với ông ngoại. Sau này, khi cáo quan, rời bỏ kinh sư, Người lại trở về đây ẩn dật Theo Người dẫn giải thì động Thanh Hư nghĩa là cái động có « bóng mát dề nghi, chỗ vắng dề ngồi, mùi thơm dề ngủi, sắc màu dề ngắm ; xa vời mà hư không, sâu thăm mà yên lặng »...

Trong khi đó, nghe có tiếng xì xào ở phía cuối, thôn nữ lại tỏ ra sốt ruột.

— Xin các bác, các anh thư thư hãy bàn luận, dề cho quan Thân tùy kê nốt di dã nào !

Lê Đàm quay về phía thôn nữ lúc này hai gò má nàng đang ửng đỏ. Chàng nói tiếp :

— ... Còn cái cầu thôn nữ vừa nhắc đến thì chính là chiếc cầu do quan Tư đồ cho bắc. Trong bài ký « *Thanh Hư động* » của thân phụ quan Thừa Chi <sup>(1)</sup> có nói đến sự tích cầu Thấu Ngọc. Vắng, ngày xưa từ động Thanh Hư, theo hướng đông nam, vạch lau lách đi xuống, có một cái khe khúc khuỷu. Bờ khe bên kia chênh vênh một tảng đá phẳng phiu, màu gan gà, rộng bằng chiếc nong lớn. Thuở sinh thời, quan Tư đồ cũng như cháu ngoại của Người là quan Thừa Chi, những buổi trời trong gió mát thường lội qua khe dề trèo lên tảng đá nằm ngấm thơ hoặc nghe lá rụng. Thuở đó, khe bao giờ cũng đầy ắp và nước chảy xiết tuôn mau nên quan Tư đồ mới cho bắc chiếc cầu bằng đá và đặt tên là cầu Thấu Ngọc.

Lê Đàm vừa dứt lời, cụ chủ quán nói: Lão tiếc rằng lão già rồi, không sống được bao lâu nữa. Nhưng chừng

---

(1) *Túc Nguyễn Phi Khanh*

nào múc bát nước chè mời khách còn thấy được hơi nóng bốc lên thì chừng đó lão còn chăm đọc sách. Đây! Những điều quan Thân tùy vừa tả về động Thanh Hương, về cầu Thấu Ngọc... ở trong tập sách cũ này – cụ chủ quán rút từ trong ống quyển ra một cuốn sách chữ nhỏ – đều có thuật tỉ mỉ cả. Tập «Băng hồ di sự lục» này – cụ chủ quán giơ cao cuốn sách lên –, trong đây quan Thừa chỉ đã ghi lại tất cả những kỷ niệm của Ngài đối với ông ngoại là Băng hồ tiên sinh Trần Nguyên Đán, là bản chép tay di cáo duy nhất của quan Thừa chỉ mà lão còn cất giấu được sau cuộc lùng xét của quan quân...

Cụ chủ quán vẫn nói không biết mệt mỏi:

– Quan Thừa chỉ mất đi nhưng môn sinh của Ngài, người kế nghiệp của Ngài còn lại rất nhiều. Dân làng ta không sợ thiếu chỗ học!

Lão liếc mắt, ý tứ nhìn Lê Đàm:

– Lão biết ở ngay chùa Tư Ân bên cạnh chùa Tư Phúc cách đây không đầy hai dặm, có một nhà sư thật hay chữ. Nếu ở đây ai muốn tới đó học, lão sẽ nói với quan Thân tùy đảm đương bằng được nhà sư nhận lời cho...

Lê Đàm nhận thấy cụ chủ quán vẫn sống hồ hởi với mọi người như xưa...

Đến khi từ tạ bà con dân làng, chàng còn văng vẳng bên tai những lời lẽ của cụ. Lão trượng khuyên mọi người phải học, tìm sách, tìm thầy mà học. Còn ta, ta phải tự răn mình: Học thầy, học sách chưa đủ. Ta còn phải tìm học ở nhiều thứ khác nữa. «Đi một ngày đường học một sàng khôn», thì học ngay tấm lòng nhân nghĩa, tinh thần hiếu học của cụ chủ quán và bà con dân làng, chớ còn phải học ở đâu xa nữa?

Lòng lâng lâng, chàng đi về phía chân núi.

\* \* \*

Đường lên núi Côn Sơn gần tầm mắt mà ngại bước chân. Hết mấy dải rừng tre, lau rậm rạp, đến những đồi thông trảng trảng điệp điệp. Màu xanh và màu xanh trải ra bát ngát. ૪.

Lên cao, càng lên cao, nhìn ra bốn bề thấy núi liền núi, sông liền sông, uốn khúc theo hình vành cung như những hào lũy bao bọc lấy Côn Sơn. Xa xa là núi Vạn Kiếp và sông Lục Đầu sóng bạc dồn lên lớp lớp, còn ghi dấu chiến công oanh liệt của Trần Hưng Đạo đánh thắng quân Nguyên. Gần hơn chút nữa, về phía nam là núi Phượng Hoàng. Tương truyền Chu Văn An dâng sớ « thất trảm » xin chém đầu bảy kẻ gian thần, không được nhà vua chấp thuận nên đã bỏ quan về đây mở trường dạy học...

Lê Đàm leo lên tới đỉnh núi, mặt trời chiều vừa lặn. Mảnh trăng thu hiện ra lấp ló đồi thông. Tiếng suối róc rách hòa với tiếng lá reo không làm chàng vui tai hứng chí. Chàng lần đến một chỗ quen thuộc. Nếu không tìm thấy hai gốc cây mơ già và một phiến đá hình bàn cờ bằng phẳng, có lẽ chàng không nhận ra được đây là nơi những năm về trước, mình đã từng ôm ấp sách đèn. Tường cao cửa rộng biến đi đâu mất, chỉ để trơ lại một đám ngói gạch hoang tàn. Bụi mầu đơn thiếu tay người chăm sóc, trông cũng xác xơ như mấy khóm tóc tiên. Rêu xanh phủ lấp lối đi. Lác đác đây đó những mảnh chum, vại hoặc vài cái nghiên mực vỡ. Đây là nơi mái trường đông vui, xưa từng vang lên tiếng giảng bài sang sảng, giọng bình văn róc rắt..., Thầy (1) ngồi xếp bằng tròn trên một chiếc chiếu cạp vải điều, một tay tựa chông gối xếp, một tay giữ trang sách cũ, mắt hiền từ bao quát nhìn những tấm lưng dài dầy ngang, dầy dọc? Lúc đó, một chú trò nhỏ nhất lớp, được Thầy cho

---

(1) Chú ý: Thầy viết hoa khi là danh từ chỉ định (chỉ Nguyễn Trãi), viết thường khi là danh từ chung.

tập bài ở chiếu kê bên, thỉnh thoảng lại được Thầy sai giặt trâu hay mài mực. Chú trò nhỏ ấy học sáng, chữ đẹp nhưng phải tội ham chơi. Có một lần – lâu lắm rồi, từ những ngày mới nhập môn – vì mãi vui bạn, xuống núi đua bơi ở đầm sen, chú không thuộc bài nên bị thầy phạt. Thầy không dùng roi vọt, cũng không hề quở mắng, chỉ hạ hết buổi hôm đó phải làm xong một bài văn tả thân thể của mình. Đúng hẹn, trò nộp bài, thầy xem qua rồi hỏi:

– Con tả có chân thực không?

– Thưa thầy, nghĩ sao con viết vậy, không dám dùng lời văn đura đây.

Thầy bảo đọc to lên cho cả lớp cùng nghe. Chú bé mới đọc được một phần bài thì giọng run run rồi tự nhiên òa lên khóc...

Chú bé đó sinh ra trong một túp lều tranh bên hồ Đàm Đàm. Chú là con một cặp vợ chồng nghèo rớt mồng tơi, làm nghề đánh cá. Năm chú mới lên tám, giặc ngoại bang đến quấy rối biên thùy. Vua xuống chiếu tuyên người đi đánh giặc. Những kẻ giàu sang đều ở lại kinh thành nhờ nhờ rong chơi, còn những trai tráng bạch dinh phải từ giã vợ con, đội nón dẫu, cắp giáo lên đường. Lần đó, người dân chài chất phác, cha của chú bé ra đi rồi không bao giờ trở lại nữa. Chú bé mồ côi cha phải ngày đêm theo mẹ đi thả câu, chăng lưới. Làm vất vả mà không đủ ăn. Năm đó không may xóm chài bị hỏa hoạn, mấy chục túp lều ven hồ phút chốc biến thành tro bụi. Từ đó, mũi thuyền rách là nhà, ngày nắng đêm sương, hai mẹ con lênh đênh trên mặt nước. Gặp lúc hạn hán mất mùa, nửa sáo cá tươi đem đổi gạo không đủ cho mẹ con được một bữa no bụng. Đã thế, bọn quan lại quấy nhiễu luôn. Một hôm lặng trời, chú bé thả câu gặp may kiếm được một con chép to lắm, bề ngang đo tới hai gang tay người lớn. Mẹ mừng thầm, và đưa con hí hửng gác ngay thuyền, mang cá vào phố bán. Đi gần đến cổng một

tòa lâu đài ở phía nam thì gặp một người đàn ông sang trọng hỏi mua. Chú bé đòi đòi bao nhiêu, gã gật đầu nhận lời bấy nhiêu. Nhưng không trả tiền, gã cứ xách cá lúi lúi đi. Chú bé chạy theo, gã liền phùng má, tráo mắt, nạt:

— Thằng nhãi con! Muốn trở về với mẹ mày hay là muốn đeo gông? Mày ngu dại mới lần đầu chưa biết dó thôi con ạ, chứ ở khắp dãy phố này bao năm ta hay gia nhân của ta mua bán thức gì có kẻ nào dám đòi tiền bao giờ!

Chú bé định gào to: «Mặc ông với người ta, còn ông mua cá của tôi thì ông cứ phải xia tiền». Song không kịp, kẻ sang trọng kia đã bước thẳng vào cổng và khép chặt cánh cửa lim nặng nề lại. Chú bé giậm chân đập cửa thình thình, sung cả tay... Vừa lúc đó, chú thấy một cỗ kiệu sơn son thếp vàng có lính hầu mặc áo đỏ, nẹp xanh, trang cờ che lọng hai bên, đang tiến về phía chú. Không ngần ngừ, chú ra đứng giữa đường chặn ngang lối đi. Bọn quân lính hét ầm lên:

— Thằng bé con nào to gan thế, không biết kiệu của quan Thừa chỉ đang hành tước vào triều có việc gấp hay sao mà dám gây cản trở?

Chú bé vẫn cứ đứng trơ trơ không chịu dẹp sang bên. Tên lính đi đầu rút hèo ra sắp vọt vào lưng chú thì có tiếng can ngăn. Rồi dòn kiệu tước thì hạ xuống. Từ trong bước ra một ông già trán cao, mắt sáng, râu bạc, đội mũ cánh chuồn, mặc áo gấm đỏ. Ông nhìn chú bé từ đầu đến chân, đoạn vuốt râu mỉm cười:

— Được, ta có thể nán lại giây lát. Chẳng hay có điều gì muốn nói dó con?

Nghe tiếng ông già vang như chuông mà lại ấm áp, chú bé bình tĩnh chấp tay đưa ngang trán:

— Bẩm quan... oan ức lắm! Người ta ăn cướp mất con cá của hai mẹ con con...

— Kẻ nào ăn cướp giữa ban ngày?

— Một ông lớn. Ở trong cái cồng kia. — Chú bé chỉ tay về phía sau.

— Thế thì biết làm thế nào, cả cá lẫn người cướp cá đều không có ở đây... Bây giờ con nói đi, con cần gì?

— Bầm quan... đối với người giàu sang, một bữa cá tươi chỉ thêm phần ngon miệng. Nhưng hai mẹ con chúng con mất con cá kia là phải nhịn ăn mất một ngày...

Quan Thừa chỉ không nghe hết, lẳng lặng thở dài, móc trong túi ra một nén bạc trao cho chú bé:

— Ta tin ở điều con nói. Thôi, ta đền cho, con hãy cầm lấy!

— Ô hay! Sao quan lại phải đền? Con không cầm bạc như vậy đâu?

Chú bé nói gần như cãi lại — Người có đủ tai, mắt, tay, chân phải làm lấy mà ăn. Mẹ con thường bảo con hàng ngày, không được tham lam lấy không của người khác. Con có bán cá cho quan đâu mà con đi nhận tiền cơ chứ?

Thấy ông già chăm chú nghe mình, chú bé lại đánh bạo nói:

— Con nghĩ quan là người của triều đình, gặp điều oan ức thì còn kêu xét. Nếu quan không xét được, xin cho con theo kiện vào cung kêu với đức vua...

Ngày hôm ấy không cần phải đề chú bé kêu đến tai vua, quan Thừa chỉ đã dò ra manh mối. Thật là trớ trêu! Kẻ cướp giết giữa ban ngày lại là quan Giám ti, người anh em con dì với nguyên phi Nguyễn Thị Anh, từng ý thế là hoàng thân hoàng thích, làm nhiều điều xấu xa. Sợ quan Thừa chỉ làm ra lẽ, nguyên phi giẫy nẩy lên: « Ông Trãi đừng có bốc lửa bỏ bàn tay đề hồng nhục mạ ta. Người như anh ta, cần một lúc hàng chục thuyền cá đầy ắp cũng có ngay, việc gì phải đi làm cái trò đó! » Nguyễn Trãi xin vua cho gọi chú bé con và người nấu bếp của Giám ti vào đề truy vấn rồi sau đó đổi chất, Thái Tôn gạt đi...



Vì chuyện đó, quan Thừa chỉ mấy đêm về mất ngủ, bạc tóc thêm, nhưng Ngài lại tự an ủi: « Có chuyện rắc rối này, ta mới biết thêm được một em bé gan dạ, trung thực ; những em bé như em bé thuyền chài biết đau chẳng là cái phúc cho nòi giống mai sau ? »

Những lúc rảnh rỗi việc quan, Thừa chỉ Nguyễn Trãi đi thường ngoạn Tây Hồ thường ghé vào thăm mẹ con người đánh cá. Quan Thừa chỉ giúp đỡ gì, người mẹ cũng không nhận. Bà chỉ ao ước một điều : làm thế nào cho con được theo học...

Ba năm sau, vào lúc Nguyễn Trãi cáo quan về ẩn dật ở Côn Sơn và mở trường dạy học, ông không quên đến đón chú bé cùng đi. Bà mẹ nghèo sung sướng vì đã được toại nguyện. Rủi ro thay, hai mẹ con chia tay chưa được bao lâu, một buổi chiều đông tố bất ngờ, cơn gió giạt bẻ gãy bay chèo, lật úp chiếc thuyền con và chìm sâu người mẹ tội nghiệp xuống đáy hồ... Từ đấy, chú bé mồ côi cả cha lẫn mẹ, chỉ còn người thân duy nhất trên đời là thầy học...

... Những dòng chữ trên trang giấy lần lượt hiện ra chuỗi ngày đau buồn, bất hạnh. Chú bé muốn lấy lại giọng bình thường để đọc tiếp nhưng cổ họng cứ nghẹn lại, nước mắt đầm đìa... Thầy không bắt bình văn nữa, mở tráp lấy vuông khăn lụa có thêu chữ vua ban, trao cho chú. Chờ trò lau khô nước mắt, thầy mới ôn tồn bảo :

— Thầy muốn cho con ôn bài học thân thể để nhớ chuyện cũ mà lo lập thân, chớ đâu phải muốn nhìn con nhỏ lệ ! Khóc là ủy mị. Kẻ trượng phu phải biết gạt nước mắt mà nuôi chí lớn.

... Giờ đây đứng trên mảnh đất trường xưa kỷ niệm dạt dào ký ức, Lê Đàm càng thấm thía những lời dạy bảo của thầy. « Thầy dạy ta như thế và Thầy đã làm được như thế ! Khi đấng thân phụ của Thầy bị giặc Minh bắt giải về Kim Lăng, Thầy đã từng theo đoàn xe tù lên ải Nam Quan

với ý định sang bên kia biên giới hầu hạ cha già trong lúc bị cầm tù. Đấng thân phụ của Thầy biết mình đi là không bao giờ trở về cố quốc nữa, nên nhân lúc vắng vẻ, nói với Thầy: « Con là người có học, có tài, nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới là đại hiếu. Lộ là cứ đi theo cha khóc lóc như đàn bà mới là chí hiếu hay sao? »

Thầy gạt nước mắt từ biệt cha rồi quay trở lại đi tìm con đường « rửa nhục cho nước, trả thù cho cha ».

Thầy đã trở về nước, năm gai nếm mật hàng chục năm rồi mới tìm đến tận Lỗ Giang ra mắt Bình Định vương Lê Lợi, dâng « Bình Ngô sách ». Vương hiểu ngay rằng — dù đã từng đỗ tới thái học sinh, chí của Thầy khác hẳn với chí hạng người tầm thường, chỉ biết lấy vinh thân phì gia làm mục đích, do đó vương đã giữ Thầy luôn luôn ở bên mình, ngày đêm bàn mưu tính kế đánh quân Minh.

Quả vậy, thuở Thầy tìm đến với vương là thuở nhân tài còn « lác dác như lá mùa thu » tuần kiệt còn « lưa thưa như sao buổi sớm ». Nhưng chí của thầy là chí lớn của bậc đại nhân, đại nghĩa, « lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn », « lấy chí nhân mà thay cường bạo », cho nên Thầy đã cùng vương « quên ăn vì giận, thường nghiền ngẫm những sách lược thao », « lấy xưa nghiệm nay », « lấy yếu chống mạnh », « lấy ít địch nhiều »... nhờ vậy, cuối cùng « nhân dân và đất nước của mười lăm đạo nước ta đều đem về cho ta cả » (1)

Nghe lời thân phụ giáo huấn, Thầy đã biết nuôi chí lớn, lập nên nghiệp lớn, còn ta — Lê Đàm này, một kẻ tiều sinh tài hèn sức mọn — nhớ lời răn của Thầy, ta phải làm gì đây? Ôi! Người thầy chí tôn, chí kính! Xưa, tại nơi đây khi con khóc nỗi khổ đời con, Thầy đã trao cho vương khăn quí tò lời an ủi. Bây giờ Thầy không còn nữa đề trường cũ hoang

---

(1) Những câu trong ngoặc kép thuộc đoạn này đều trích ở « Bình Ngô đại cáo » của Nguyễn Trãi.

tàn, đề trò cũ đến đây lạc loài cô quạnh!... Không, con vẫn đang nhìn thấy Thầy ngồi xếp bằng tròn trên chiếc chiếu cạp vá điều, một tay tựa chông gối xếp, một tay giở trang sách cũ... Con nhìn thấy rõ cả vầng trán cao, đôi mắt tinh anh, chòm râu bạc như cước ẩn giấu nụ cười thâm thúy. Và tiếng Thầy âm vang cả lớp :

*... Mây tỏa đầy nhà, mai đốt bách  
Tùng reo quanh gối, tối đun trà  
Sửa mình chỉ biết lành hơn cả  
Nên phận, đâu cần học lắm mà... (1)*

Rời lời Thầy dẫn giải: «... Đầy nhà hơi mây bốc, vì buổi mai đốt gỗ bách. Quanh gối tiếng tùng reo, lúc đêm pha nước chè. Sửa mình chỉ biết làm điều thiện là vui hơn cả. Lập thân chưa hẳn chỉ cần đọc sách nhiều là đủ... »

Và, cái bóng cao lồng lộng của Thầy đang tỏa sáng ra chung quanh. Con đọc thấy rồi... những khối sáng lung linh đang kết lại thành dòng chữ ĐẠI NHÂN ĐẠI NGHĨA. Con nguyện suốt đời đi theo vầng hào quang đó. Xin Thầy mãi mãi diu dắt con. Người thầy chí tôn chí kính! Con nguyện trọn giữ được niềm vui trong việc làm điều thiện, trọn giữ được tâm hồn tinh khiết, tấm lòng ngay thẳng đề nói gót Thầy, thực hiện cái chí của Thầy trong thuở bình sinh...

Cơn gió núi tràn tới. Mảnh trăng thu vừa chui ra khỏi đám mây đen, hiện rõ trên đỉnh đầu. Từ xa một điệu ngâm vắng tới :

*« Cơn Sơn suối chảy rì rầm  
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai  
Cơn Sơn đá xám rêu phơi  
Ta ngồi trên đá như ngồi thảm êm*

---

(1) Bài « Ngẫu thành » trong Ước trai thi tập của Nguyễn Trãi.

## *Côn Sơn bóng mát thần tiên*

*Thông reo dậm biển ta lên ta năm... (1)*

✧

Lê Đàm ngóng tai rồi làm bầm: «Thơ như thế phải có giọng ngâm như thế mới xứng. Đứng là âm sắc của anh Cao ta trầm hùng mà man mác không thề lẫn với bất cứ giọng một ai». Chàng vội đi xuống phía sườn núi. Thấp thoáng dưới hàng thông đang bước tới một người dong dỏng cao, đầu đội mũ ni, chân đi dép cỏ, cõ đeo tràng hạt. Lê Đàm xúc động chạy đến nắm lấy tay nhà sư. Nhà sư buông tay kêu lên, tỏ ý trách móc:

– Trời ơi, chú Lê! Mấy ngày rày môn sinh khắp nơi lần lượt về bái lễ Thầy mà ở phường Báo Thiên chưa thấy một ai... Tôi sốt ruột quá mới lững thững đi ra đây...

Lê Đàm cúi đầu, ân hận:

– ... Vì em ghé vào thăm cụ chủ quán và dân làng nên đề anh phải trông đợi. Xin Cao huynh tha lỗi cho. Chà! Em đang mãi ngắm cảnh trường cũ thì chợt bừng tỉnh vì giọng ngâm rất sáng khoái của anh.

Hai người dắt tay nhau đến ngồi trên tảng đá bên cạnh một gốc thông già Nhà sư nói:

– Ngồi đây cũng tiện. Có gì anh em ta đàm luận cùng nhau rồi sau đó hãy về chùa, chú nghĩ thế nào?

Lê Đàm lặng lẽ gật đầu.

Nhà tu hành đó không phải ai xa lạ, chính là sư Nhuệ ở chùa Tư Ân, người mà cụ chủ quán đầu làng mới nhắc tới hồi chiều. Sư Nhuệ là học trò Nguyễn Trãi nhưng là hạng môn sinh lớp trước, so với Lê Đàm. Nhuệ vốn người họ Cao, từ nhỏ đã theo cha lên đất kinh sư ăn học. Nhuệ học thông minh lắm, đã có lần thầy học xin vua cho vào tập bài ở trường Quốc tử giám. Nhuệ vào Quốc tử giám chưa được bao lâu thì

---

(1) Bài thơ «Côn Sơn ca» nổi tiếng của Nguyễn Trãi.

tai nạn ập đến. Đó là vào giữa lúc triều đình đang điều gấp thợ ở các nơi về làm chùa Báo Thiên. Công việc rất nặng nhọc. Cao Sư Đãng, bố của Cao Huệ, một người thợ sơn trực tính, không chịu được, bèn nói vụng « Nhà vua không có đức, đại thần đua nhau ăn của dút lút, dân chúng khổ cực trăm bề, hại nhân như thế thì mong báo thiên nổi gì? » Không ngờ có kẻ mỏng môi đem tố giác chuyện đó, Cao Sư Đãng bị tội chém. Từ đó, người ta thấy Cao Huệ không có mặt ở kinh sư nữa.

Mãi mấy năm gần đây, các môn sinh của quan Thừa chỉ chung sức nhau xây nên ngôi chùa Tư Ân để thờ thầy. Chùa vừa làm xong, người ta đón một vị cao tăng tới trông coi. Dân bản hạt cũng không ai biết sâu tung tích vị tăng đó. Chỉ nghe đôi người nói với nhau nhà sư chùa Tư Ân là người học rộng và trước khi làm đệ tử của Phật đã từng là học trò cụ Trãi, thế thôi!

Cứ trông nét mặt mà đoán, Cao Huệ ít ra phải gấp hai lần tuổi Lê Đàm, nhưng trong cách đối xử, họ Cao vẫn coi họ Lê như người bạn cùng lứa. Hồi mới biết nhau, Lê Đàm đã mấy bận khước từ:

– Xin Cao huynh hãy xem Đàm này như một người trò nhỏ.

Cao Huệ từ tốn nói:

– Ta cùng học với nhau một thầy, cho dù không cùng làm lễ nhập môn một ngày, vẫn là nghĩa bằng hữu chứ sao!

Lúc nghe tin sét đánh: Thầy bị thảm họa, mặc dù triều đình cố ý loan bố chậm ngày giờ xử án, các môn sinh của Nguyễn Trãi ở khắp nơi đã kịp báo cho nhau biết đề tiền lưng, gạo bị kéo về kinh sư đứng chật kín cả hai lối cửa Đông, Tây Tràng An. Tuyên từ Nguyễn Thị Anh lập tức thác lời vua xuống lệnh cấm ngặt các khóa sinh không được vào pháp trường, và « thẳng tay trừng trị những kẻ cố tình gây huyền não »... Cách dọa nạt của mục không phải là không có hiệu lực. Lác dác đã có số người sợ mang gông, bắt đầu nao

núng bàn lùi. Rồi số đông giãn dần, giãn dần, chỉ còn lại khoảng một phần ba... Ngồi trên chòi xử án cao chót vót, bên cạnh Tuyên từ Nguyễn Thị Anh, Tả hình Tạ Thanh bắt đầu buông ra những lời ngạo nghễ :

– Đức bà đã nhìn thấy chưa?... Dạ muôn tâu... cái dăm cầm bút lông xưa nay trói gà không nổi ấy, đẹp bọn chúng có khó khăn gì!

Tên gian thần không ngờ giữa lúc bấy giờ, trong cái dăm « trói gà không nổi » ấy, có một người « cầm vuông, mắt sáng » trèo lên đứng trên vai những người bạn của mình, nói lớn :

– .. Hỡi các bạn đồng môn... Loài kiến, loài ong còn có tính hợp quần, tại sao chúng ta là những người hiểu đạo lý thánh hiền lại không biết hiệp sức nhau lại... hỡi các bạn đồng môn?

Nhờ những lời khích lệ ấy của Lê Đàm, mọi người mới tụ hội trở lại đông như cũ. Rồi rờng rã một ngày, một đêm, sau khi thầy học bị hành hình, họ vẫn cùng Lê Đàm gọi sương đội nắng, chôn chân ở ngoài trời, gào to về phía điện Kính thiên đòi triều đình phải trả cho họ thi hài của Nguyễn Trãi. Không còn cách nào khác, cuối cùng Thái hậu phải sai ngay chính tên Tạ Thanh thắng cỗ xe tang và mang theo một đội cấm vệ, chõ chiếc áo quan bọc lụa trắng đến đỡ tận cổng thành trao cho dăm môn sinh « bất trị » đó! Bấy giờ đường Tràng An mới có lối ra vào...

Chính giữa những ngày quyết liệt ấy, Cao Nhuệ đã có xét đoán về Lê Đàm :

– Con người ấy còn nhỏ tuổi, mà sao khẩu khí cứng cỏi, điệu bộ phảng phất như phong thái của Thầy ? Cốt cách ấy, đem so sánh với dăm môn sinh, kè cả loại bạn hữu đã đạt khoa danh phẩm tước, thử hỏi đã mấy ai sánh kịp ?

Kề từ ngày Lê Đàm hộ tống Phạm phu nhân đi Bồn Man rồi lập công trở về, nay Cao Nhuệ và chàng mới có dịp gặp lại nhau. « Chú Lê trưởng thành nhanh chóng thật ! Đúng là

hiệu sinh khả úy<sup>(1)</sup>. Cuộc thế chưa hết xoay vần, chắc anh bạn trẻ của ta còn làm được nhiều việc to tát hơn nữa». Nhà sư khoan khoái kéo tay Đàm đứng dậy, chỉ về phía dải nước bạc lấp lánh xa xa :

— Chú Lê trông kia! Ngày xưa đứng ở nơi này tôi thấy đèn Vạn Kiếp đối dinh với núi Phụng Hoàng, thế mà nay lại thấy nó xế về rặng núi Giáp Sơn, phải chăng ở nơi đó sóng vỗ mạnh, khúc sông Bạch Đằng có vươn dài hơn trước ?

Ngừng một lát, nhà sư mỉm cười ý nhị, tiếp :

— Rõ ràng « sông có khúc, người có lúc ». Có thế, thầy ta mới truyền lại được Anh Võ, nguyên phi Ngô Thị Ngọc Dao mới nương náu nôi đến ngày nay cho Bình Nguyên vương Tư Thành được thừa ân tiên đế...

Hai người về tới chùa Tư Ân vừa đúng nửa đêm.

Sương mù, trăng khuất, tưởng như chỉ còn một mình ngồi sao Vượt thức canh cả bầu trời.

Nhà sư khoác tay Lê Đàm đi thẳng ra cửa động, thỉnh một hồi chuông giống giả. Cây hoa đại rừng mình, những giọt sương rơi lộp độp. Cả núi rừng Côn Sơn vang vọng tiếng chuông ngân...

Thấm thoát Anh Võ lên bảy tuổi. Đứa con ngày một khôn lớn thì người mẹ ngày một tàn tạ. Khi đặt chân lên đất Bồn Man, bà Phạm mới lốm đốm vài sợi tóc mai trắng mà nay đã gần bạc cả mái đầu. Nước da bà đen sạm vì gió núi, nắng đồi. Đôi má hóp lại, và nụ cười đã xóa hẳn duyên thầm trên làn môi héo hắt.

Vắng Lê Đàm, bà không ngại lam lũ cực nhọc, chỉ buồn một nỗi bà con chung quanh có chạy đi chạy lại, bà cũng không thề hé răng bàn bạc cùng ai. Nỗi thương nhà, nhớ nước, những điều lo âu thầm kín chứa chất trong lòng đêm

¶

---

(1) Nghĩa là « kẻ sinh sau đáng sợ ».

đêm vò xé tâm can. Anh Võ mới lên bảy, nói sao cho thấu hiểu những điều uẩn khúc! Đôi khi vô tình, chú còn khơi lại nỗi đau xưa...

– Ngày xưa, cha con làm gì hả mẹ?

– Cha làm thầy đồ đi dạy học.

– Cha con vì sao chết đi, để một mình mẹ phải nuôi con?

– Thôi con ơi, đừng hỏi nữa... Mẹ đã chẳng nói với con bao nhiêu lần là cha ốm bệnh rồi chết đó sao.

Những lúc đó Anh Võ thường áp sát đầu vào bộ ngực gầy guộc, chú chỉ nghe hơi thở ấm áp mà không nhìn thấu những giọt nước mắt đang lăn trên gò má nhăn nheo của người mẹ đáng thương. Chú lại tò mò hỏi:

– Thế Anh Võ có giống cha không hả mẹ?

– Giống chứ! Con chẳng giống cha thì giống ai!

– Còn anh Đàm nữa, con quên mất nét mặt anh ấy rồi... Mẹ, anh Đàm có giống cha không?

– Ừ, anh Đàm cũng giống cha.

– Thế con và anh Đàm thì ai giống cha nhiều hơn?

– Anh Đàm giống nhiều hơn...

Tức thì Anh Võ hờn dỗi, hụi đầu vào nách mẹ, phụng phịu:

– Không, mẹ nói thế nào ấy... Tại sao anh Đàm lại được giống cha nhiều hơn con? Con không thích thế đâu, Anh Võ phải giống cha nhiều hơn kia...

Người mẹ không nén nổi xúc động. Nước mắt bà Phạm lại giàn giụa. Bà thè đầu lưỡi nhấm vị mặn chát trên vành môi, rồi gượng cười, lấy tay xoa nhẹ vào lưng Anh Võ mà vỗ về:

– Ừ... thì... con giống cha nhiều. Giống cái mắt này, cái mũi này, cái tai này, cái mồm này... (chú bé lại đặc chí tươi hân nét mặt). Nhưng mẹ nói anh Đàm giống cha nhiều là ở chỗ ngày xưa cha con hay chữ, bây giờ anh Đàm cũng hay chữ.



— Thế tại sao con lại không hay chữ như cha và anh Đàm?

— Ô hay... muốn hay chữ thì trước hết phải đi học chứ!

— Thế tại sao con lại không được đi học? Ngày mai mẹ cho con đi học ngay đi, để cho con hay chữ bằng anh Đàm, hơn anh Đàm nữa kia, mẹ nhé!

Ngày mai, rồi nhiều ngày mai tiếp theo nữa, bà Phạm chỉ biết hẹn lần hẹn lữa với con. Ở rẻo đất quanh năm gió thét mưa gào tận nơi biên thùy xa xôi hẻo lánh này, bói đâu ra được một người biết chữ! Nhưng bà Phạm không phải tuyệt vọng: Lê Đàm, Cao Nhuệ và các đồng môn từ lâu đã bàn tính đến việc đưa Anh Võ về nước ăn học.

★

Lam kinh nổi tiếng là đất cố đô danh thắng, cũng là nơi văn vật tụ hội đủ hạng tao nhân mặc khách. Những vị hưu quan thanh liêm, những cung tần mỹ nữ trở về già, những bậc tài hoa nghệ sĩ nhiều năm lưu lạc giang hồ, cho đến những ông tú « kếp »<sup>(1)</sup>, những bác khóa sinh suốt đời lặt đặt vì bước đường khoa cử, đều thích trở về Lam kinh sống những ngày cuối cùng của đời mình trong không khí yên tĩnh của rừng già, sơn lãng cổ kính bên dòng sông Chu hiền hòa. Một ông già, chẳng rõ tên thật là gì, thường quen gọi « ông già họ Cao » cũng về đây dựng ba gian nhà nhỏ, mở trường dạy học.

Trường ông ban đầu không đủ chỗ rải chiếu cho môn sinh nằm tập viết nhưng về sau bớt đông dần, rồi đến một lúc vắng hẳn. Các bậc phụ huynh chép miệng nói nhỏ với nhau: « Ông già họ Cao hay chữ thật, nhưng chúng ta đành phải

---

(1) Nghĩa là đi thi nhiều lần vẫn chỉ đỗ tú tài, không chiếm được bằng vàng cao hơn.

đề cho con em mình đi tìm thầy khác thôi. Đề chúng nó theo học ông thì có ngày bọn ta mang vạ!»

Chẳng là ông đồ này, ở giữa đất «tai mắt» của nhà vua vẫn dám ngang nhiên giảng dạy những bài văn, bài thơ quốc cấm. Một lần, sau khi bắt tất cả cùng học thuộc lòng một đoạn trong bài «Bình Ngô đại cáo» (của Nguyễn Trãi thay lời vua Lê Lợi vâng soạn) ông bảo một trò lớn nhất lớp đứng dậy, hỏi:

– Vì sao vua Lê Thái Tông đã đánh thắng quân nhà Minh? Môn sinh này trả lời một cách văn hoa dài dòng:

– Thưa thầy, đức Thái Tông Cao hoàng đế Lê Lợi đánh thắng quân Minh cũng như vua Ngô Quyền trước đây đánh đuổi quân Nam Hán cũng như vua Lê Đại Hành chinh phạt dẹp yên quân nhà Tống; cũng như đức Trần Hưng Đạo ba lần đánh bại lũ rợ Nguyên... Ấy, bởi vì các tiên đế và các tiên bối đều là những bậc anh minh lỗi lạc nhất một thời...

Thầy đồ lại chỉ vào một trò khác:

– Anh hãy nói cho biết nếu một mình vua Thái Tông nhà Lê anh minh lỗi lạc thì có thắng nổi được giặc Minh không?

– Thưa thầy, vua sáng phải có tôi hiền – trò vừa được gọi tên ngồi thẳng dậy rần rỏi đáp – nếu vua Lê Thái Tông không có những người bề tôi tài giỏi thì một mình đức vua không thể gây nên nghiệp lớn!

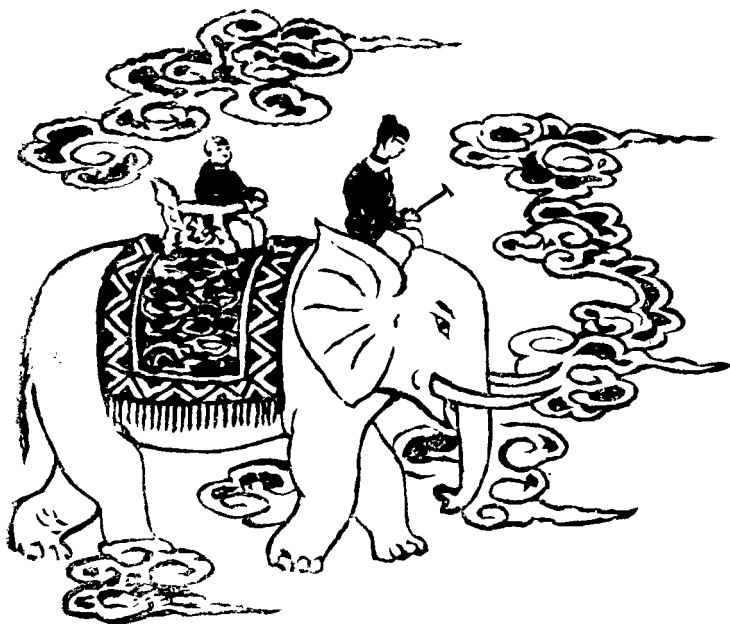
– Khá lắm! Đúng! – Thầy gật đầu khen rồi hỏi tiếp: – Anh hãy thử kể với các bạn những người bề tôi tài giỏi của vua Lê Lợi mà anh từng nghe tên tuổi?

– Thưa thầy, vâng... đó là... ví dụ như... (người môn sinh đang nói lưu loát, tự nhiên trở nên lúng túng)... như quan Tư mã Lê Lai, quan Nhập nội kiểm hiệu bình chương sự Lê Văn, quan Đại Tư mã Lê Ngân, quan Tư không Lê Lã, các quan Thiếu úy Lê Bí, Lê Sát, Lê Lỗi...

Thầy đồ đang vui vẻ, bỗng vút đen đét chiếc roi mây xuống chiếu, giọng dần dỗi:

– Thế còn quan Thừa chi Nguyễn Trãi thì sao? Các anh không dám nhận người bề tôi tài giỏi, người công thần bậc nhất của vua Thái Tông à? Hừ... các anh học thuộc lòng « Bình Ngô đại cáo » như thế đó... Các anh có biết « bình Ngô » là công của ai không? « Đại cáo » là lời của ai không?

Cả lớp im phăng phắc, không ai dám nói đi nói lại hay xì xào bình phẩm lấy nửa lời. Nhưng tan buổi học hôm ấy đến ngày mai trường bỏ trống nhiều hàng chiếu, và đến những ngày tiếp theo thì thấy thưa thớt dần, rồi không còn một trò nào tới theo học thầy đồ hay chữ nữa. Từ đấy, ở



*...ngất ngểu ngồi trên bành voi.*

Lam kinh người ta tưởng ông già họ Cao đã bỏ hẳn nghề gõ đầu trẻ. Họ không biết rằng trường ông vẫn mở, đặc biệt ba năm nay trường chỉ có một thầy, một trò. Coi bộ chú trò nhỏ độc nhất này được thầy dò chăm sóc, âu yếm lắm. Tuy nhiên ngoài giờ học, thầy cho phép chú chỉ được quanh quẩn trong mấy gian trường và mảnh vườn chật hẹp nhà thầy chứ không được bước chân ra khỏi cổng. Thậm chí những ngày hội hè vui nhất, như ngày hôm nay nghe nói xa giá vua Nhân Tôn và Tuyên từ hoàng thái hậu sắp về bãi yết tiên đế ở Lam kinh, thầy thức dậy sửa soạn từ sáng sớm, thế mà trước khi ra đi, thầy vẫn không quên giao hẹn:

— Anh Võ chớ có bỏ đi đâu. Nhớ ở nhà tập viết, rồi chờ chốc nữa thầy về bình giảng. Phải nghe lời thầy, con nhé!

Mãi mực xong, chép hết mấy trang văn sách, chú trò nhỏ Anh Võ tựa lưng vào tấm cửa bức bàn, suy nghĩ vẩn vơ rồi thiếp đi lúc nào không biết..

Anh Võ thấy mình đang ngất ngheo ngồi trên bành voi đi về phía kinh sư. Tỉnh thoảng chú ngoài đầu về phía sau, neho mắt nhìn rặng núi Trường Sơn mờ nhạt rồi lại hỏi người quản tượng:

— Chúng ta vượt biên giới được bao nhiêu dặm rồi, thưa bác?

— Hỏi làm gì? Tốt nhất cháu cứ nhắm mắt ngủ đi một giấc cho đỡ sốt ruột.

Anh Võ không tài nào chợp mắt được. Chú lại giục:

— Bác quản tượng ơi, bác giảng búa thúc cho voi bước nhanh nữa đi đề cháu chóng được gặp anh Đàm. Gặp anh ấy thì bác cháu mình và cả chú voi nữa, muốn gì cũng có.

Con voi dường như hiểu ý, cúi đầu xuống, lẳng voi về phía trước nhắc mình rào bước... Chẳng mấy chốc đã đến kinh sư. Đi qua rất nhiều phố phường, voi dừng lại trước cổng một tòa nhà cao ngất. Người quản tượng bảo Anh Võ:

– Đây là phủ Bình Nguyên vương. Cháu muốn gặp quan Thân tỳ Lê Đàm thì vào trong đó!

Anh Võ sướng quá, từ trên mình voi nhảy tọt xuống đất, dướn cõ gọi to:

– Anh Đàm ơi... Anh Đàm! Em Võ về tìm anh đây, mau ra đón em vớ... í... í...

Chú hồi hộp chờ đợi... Lát nữa thôi, trông thấy mình, anh Đàm sẽ bế thốc lên, hôn đầu, hôn trán. Mình sẽ kê cho anh nghe tin tức về mẹ, về bà con sống trên đất Bồn Man, về những người bạn cũ của anh bên đó như thế nào, và phải nói cho anh biết cả tấm lòng tốt của bác quân tượng và chú voi rất hiền lành kia nữa... Nhưng người ra cổng đê gặp Anh Võ lại là một con người hoàn toàn khác hẳn. Trông hẳn thật dễ ghét. Mặt lăm lăm, môi thâm sệt. Không biết hẳn là lính hay quan mà tay cứ luôn luôn xoay tít cái roi vắn vèo giống hệt đuôi con rắn. Hắn ngạo nghễ nhìn chú bé, gật gật cái đầu bảo cứ chờ ở đấy. Lát sau hắn trở ra, chẳng nói chẳng rằng, vẫy vẫy chiếc roi làm hiệu cho Anh Võ đi theo.

Càng đi sâu vào trong, Anh Võ càng ngỡ ngác, ngại ngùng. À, té ra vương phủ là nơi như thế này đây... Tòa ngang dãy dọc nguy nga, bóng lộn; tầng cao, tầng thấp găm vóc ê hề. Nhưng ở đâu cũng rặt thấy những tấm thân lõe loẹt xiêm áo, những bộ mặt béo bự, những cái nhìn băng nửa con mắt. « Anh Đàm của ta ngồi ở chỗ nào? Anh có giống bọn người dễ ghét kia không? » Anh Võ còn đang phân vân thì phía dãy hành lang bên trái có tiếng nói vọng ra:

– Ai cần gặp, quân bay cho vào. Ta là quan Thân tỳ Lê Đàm đây!

Anh Võ ngập ngừng bước tới... Chưa kịp nói năng gì, người vừa tự xưng là Lê Đàm đã hát hàm hỏi luôn:

– Nào... thằng bé con kia, mày từ đâu đến? Họ hàng thân thích quen biết với ta như thế nào mà dám dưng dọt vào đây, hứ?

Hai vành tai Anh Võ đỏ tía, cánh mũi chú phập phồng và ở cuống họng như có vật gì chẹn lại. Chú không còn đủ bình tĩnh để trả lời. « Mẹ ơi, mẹ cứ khen anh Đam tốt lắm, anh nhớ mẹ, thương em lắm... nữa đi! Mẹ có biết không, người ta mặc áo đội mũ ông quan vào thì còn thiết gì tình nghĩa anh em nữa? ». Sự bức tức làm cho Anh Võ trở nên ngang bướng. Chú nói thẳng một hơi:

— Thưa ông, tôi với ông là anh em nhưng đã hàng gần chục năm chưa gặp nhau. Bây giờ nghe cách ông thăm hỏi, tôi không muốn nhìn thấy mặt ông nữa! Chào ông, tôi đi đây...

Rồi chẳng cần biết sự việc tiếp theo sẽ như thế nào, chú quay lưng cõ cẳng chạy miết một mạch ra khỏi tòa nhà, để tìm người quản tượng.

Lát sau, Anh Võ lại ngất ngầu ngồi trên bành voi trở về theo lối cũ. Không khí trong lành bát ngát của trời mây cây cỏ thoát xua tan đi hình ảnh nặng nề nơi tòa thành vương phủ. Chú cảm thấy lòng vô cùng khoan khoái. Con voi đưa chú đi qua các vùng đồng ruộng, làng mạc. Đây kia những nóc nhà gianh nhè nhẹ bốc khói... Vài tiếng gà xáo xác nghe thương nhớ mênh mang. Trước mắt chú hiện ra những cánh cò trắng, những lũy tre xanh. Và lơ lửng trên bầu trời cao một con diều no gió, tiếng sáo êm ru... Chú buột miệng thì thầm: « Ôi, đất nước của ta, đất nước Đại Việt muôn vàn yêu dấu! » Anh Võ ước ao có được đôi cánh như chim bay vút lên tầng cao để nhìn thấy khắp cả dải đất hùng vĩ thiêng liêng của quê cha đất tổ, dải đất mà những ngày sống bên mẹ, mỗi khi nhắc đến, chú từng thấy mẹ rung rung mi mắt...

Ồ... lạ chưa! Giống như trong truyện cổ tích, từ trên cao một con cò trắng đang sà xuống. Chập chờn... chập chờn... Đôi cánh nó lướt quanh mình Anh Võ mới thần tình làm sao! Chú voi tung vòi mấy lần không quơ nổi. Anh Võ thấy đôi cánh trắng ngập ngừng rồi trải rộng ra ngay trước bành

voi. Và một giọng nói kỳ diệu lọt vào tai chú: «Đừng sợ gì cả! Bạn cứ ngồi lên đây. Hai chúng ta sẽ đi thăm khắp mọi miền đất nước».

Thật là cầu được, ước thấy, Anh Võ sướng mê người đi. Chú cười lên thân chim. Người nhẹ hẫng... Khoảnh khắc, từ trên tầng mây xanh nhìn xuống, chú thấy con voi chỉ còn bằng hạt đỗ.

Qua mỗi miền, cò trắng đều kè cho Anh Võ biết tên sông, tên núi, tên làng. Cứ thế cò bay mãi, bay mãi... đến một vùng không còn trông thấy bóng dáng nhà cửa xóm mạc đâu nữa, Anh Võ bỗng reo lên: «A... dường biên giới Bờn Man và Đại Việt kia rồi. Bên kia thung lũng là nhà mẹ ta ở. Không biết giờ này mẹ đang làm gì? Bạn cò trắng ơi, bạn có thể đưa ta về bên ấy chốc lát được không?»

Đôi cánh cò lại lướt gió vút về phía trời tây, đảo một chập rồi vòng lượn hẹp và thấp dần... «Chao ôi. – Anh Võ nhoai người xuống phía dưới cố nhìn cho rõ – Đúng là mái nhà của mẹ ta, mái nhà lợp bằng cỏ gianh nép bên cây bồ kết mọi khi ta vẫn treo lên ngắt quả, phơi khô để cho mẹ ngâm nước gội đầu. Bạn cò trắng, bạn hãy đỡ xuống ngọn cây kia cho ta ghé vào thăm mẹ, chỉ một lát, một lát thôi mà... Tội nghiệp, chắc mẹ không khỏi sưng sốt. Mẹ ơi con về thăm mẹ đây. Mẹ lại cho con áp đầu vào lòng mẹ lắng nghe hơi thở ấm áp và hít mùi mồ hôi quen thuộc». Anh Võ nhoai thêm người xuống phía dưới, càng nhoai càng phải níu chặt lấy thân cò làm cho đôi cánh triềng đi. Chú bé bị buột cả hai tay, chói với, chói với... Chú kêu thét lên một tiếng: bùng mắt dậy, mồ hôi ướt đầm lưng áo...

Anh Võ phải ngồi tựa lưng vào vách cửa một lúc lâu nữa mới tỉnh hẳn. Tỉnh rồi, chú càng thấy nhớ mẹ da diết. Tỉnh đến nay, mẹ con xa nhau vừa tròn ba năm. Hôm chia tay, mắt mẹ sưng mọng lên mà mẹ vẫn gượng cười an ủi: «Chim có tổ, người có tông. Lúc còn trứng nước, con ở

bên mẹ, nay dù lòng cánh, con phải bay theo tiếng gọi đàn phương đông là quê hương tổ phụ của con đó. Mẹ ở bên này tiếng rằng cách núi ngăn sông, nhưng có bác quản đây, — mẹ vừa nói vừa hướng về phía người quản tượng, — hàng năm đi đi về về vẫn thường gặp gỡ anh Đàm bên đó, con đừng lo vắng bật tin xa...

Hằng năm các tù trưởng Bồn Man vẫn giữ tục lệ cử người đem lễ vật sang giao hiếu với nước Đại Việt, kết tình thân giữa hai nước. Chính trong hoàn cảnh đó, Lê Đàm đã làm quen được với người quản tượng và nhờ bác ta thu xếp lo liệu việc mang Anh Võ về nước. Lê Đàm được biết ở Lam kinh, Cao Nhuệ có người bác ruột là một bậc nhân giả, Lê bàn với Cao quyết định gửi gắm Anh Võ cho ông già ấy dạy dỗ.

Lần đầu tiên rời cánh tay ôm ấp của mẹ, có nhiên Anh Võ phải chịu đựng những nỗi buồn nhớ không tránh khỏi. Tuy nhiên, tự lúc nào không biết, thời gian đã mang đến cho chú những nguồn vui mới. Thiếu tình mẫu tử, chú đã được bù đắp bằng một thứ tình cảm khác của người thầy dạy dỗ, có thể không gần gũi triu mến bằng, nhưng lại sâu xa rộng lớn hơn.

*Ngày nào em bé còn con*

*Bây giờ em đã lớn khôn : thế này*

*Ơn cha, nghĩa mẹ, công thầy...*

Nhiều lúc nhớ lại lời mẹ ru, Anh Võ thấy công ơn thầy cũng không kém công ơn cha mẹ.

Từ ngày về nước, nhờ thầy giảng dạy, chú đã bắt đầu hiểu được nguồn gốc cái nghĩa tổ tông, cái tình đất nước. Trong lúc chưa được thỏa lòng đi đó đi đây, thầy lại như người có phép lạ chỉ ngời một nơi mà có thể chỉ cho chú thấy khắp cả đất trời quê hương cũng như cánh cò trong mộng đã chờ chú đi thăm đủ mọi miền. Đầu óc chú cùng với



những trang sách của chú ngày một giàu có thêm nhờ những bài thầy giảng về quốc sử. Bài nào chú cũng thấy chứa chan hồn nước: phú Bạch Đằng giang, thơ Nam quốc sơn hà, hịch Trương Sĩ Văn, và thích nhất là bài « Bình Ngô đại cáo ». Nhưng bài này thầy không cho chép, thầy bảo: « Phải cố học nhập tâm thôi vì người soạn ra Bình Ngô đại cáo là quan Thừa chi Nguyễn Trãi bị khép vào tội giết vua, triều đình cấm lưu trữ tất cả những di cáo của ông ».

Thật là khó hiểu: người viết nên áng hùng văn ca ngợi chiến thắng của đất nước và nêu cao công đức nhà vua lại là người bị khép vào tội phản nước, giết vua? Sống giữa nơi cố đô văn vật, đâu không mấy khi được đi ra khỏi cửa, Anh Võ vẫn không lạ gì những chuyện người ta đồn đại về nghi án của vườn Lệ Chi! Cả cái tin một bà Phạm nào đó tự tử ở làng Đoài, Anh Võ cũng có lần nghe loáng thoáng. Chú giật mình nghĩ thầm: sự đời éo le thật, ngẫu nhiên con người xấu số kia lại trùng họ, trùng tên với mẹ mình sao? Cũng có lúc do hăm mộ văn tài, chú thấy bản khoán muốn tìm khảo cuộc đời vị lão thần oan khuất. Nhưng biết tìm đọc ở đâu? Làm gì có sử sách nào còn dám viết về « nghịch thần » Nguyễn Trãi! Mà hỏi thầy, câu trả lời của thầy lại làm cho chú thêm khó hiểu:

— Sau này gặp anh Lê Đàm, con sẽ rõ ngọn ngành. Còn bây giờ, con chỉ nên biết gắng sức dùi mài kinh sử!

Biết sau này là đến bao giờ kia chứ? Cứ mỗi lần xin phép thầy cho lên kinh sư thăm anh Đàm, thầy lại can ngăn:

— Đường đất xa xôi, con đi một mình sao tiện...

Hôm nay nghe tin vua Lê Nhân Tôn sắp ngự về Lam kinh bãi yết Vĩnh Lăng <sup>(1)</sup> và Hựu lăng <sup>(2)</sup>, lại có cả anh Đàm cùng theo hộ giá, dịp này thầy không đề cho anh em

---

(1) Lăng Lê Thái Tổ.

(2) Lăng Lê Thái Tôn.

gặp nhau thì còn có dịp nào thuận lợi hơn nữa? Ôn lại giấc chiêm bao vừa rồi, Anh Võ tự thấy xấu hổ: Có bao giờ mình có ý nghĩ không hay về anh Đàm đâu, tại sao lại có cuộc chạm mặt kỳ lạ đó? Chắc chỉ là chuyện mộng mị vợ vờn mà thôi.

Nhưng rồi chú lại cảm thấy ruột gan nóng cồn cào. Thầy đi khỏi nhà từ sáng sớm, có thật thầy đến hành tại (1) đón vua không? Lần này ta thử trộm phép thầy lên tới đó, may ra gặp anh Đàm...

Bo... o... ng... bình... boo. . ng... b... o... o... n... g...

Bì... nh... boo... ng... boong...

Tiếng kim thanh và tiếng trống mừng bắt đầu rộn lên. Xe vua đã tới rồi chẳng?

\*  
\*\*

Anh Võ tới hơi muộn. Chú khom ngoan vượt lên trước đám rước, đến nấp sau gốc cây nghiêng trên một mô đất riêng rẽ. Ở đây, chú có thể quan sát tỉ mỉ mà không phải chen lấn với ai.

Đạp vào mắt trước tiên là hai chiếc lọng vàng khác hẳn những lọng thường ngày chú vẫn thấy ở các ngôi đình thờ thần hoàng. Cái tán nó không hiệu lợp bằng thứ vóc gì mà ánh nắng chiếu vào, làm lóe lên màu mỡ gà sáng rực như ráng mặt trời chiều lúc sắp lặn.

Trông thấy người ngồi dưới hai chiếc tán lọng đó, chú đoán ngay là Tuyên từ thái hậu Nguyễn Thị Anh và Nhân Tôn hoàng đế. Nhà vua ngự ở bên trái, thái hậu ngự ở bên phải, cách nhau một cỗ hương án. Hai quan cận thân mặc áo thụng đỏ đứng hầu vua, còn Tả hình Tạ Thanh thì lấp

---

(1) *Chỗ ở tạm của vua khi đi ra ngoài kinh thành.*

lố sau lưng thái hậu. Đằng sau hai chiếc lọng vàng, còn có hàng chục chiếc lọng khác nữa, màu sắc khác nhau, sắp đặt theo ngôi thứ các thân vương. Gần năm trăm quan quân đi hộ giá, với những mũ, áo, ngựa, xe, kiệu, tàn, cờ quạt, binh khí... chõng chát, chói chang cả một vùng trời. Anh Võ đã nhận ra được chỗ ngồi của Bình Nguyên vương Lê Tư Thành (có cắm biển đề chữ hân hoai). Chú vẫn nghi ngại không biết người đeo gươm mặc áo văn quan – dáng lẽ phải là võ quan mới có vũ khí tùy thân chứ – đứng cạnh vương có đích xác là anh Lê Đàm không ?

Đợi cho các quan chức sở tại vào sụp lạy trước hương án bái mạng xong, bấy giờ các trò vui mới lần lượt ra mắt. Từ sau khi vua Thái Tôn băng hà, vừa đúng một chục năm, đến nay dân Lam kinh mới có cuộc đón mừng long trọng rộn rịp như thế này. Cho nên, có vô số tiết trò : nào là múa sư tử, múa kỳ lân, nào là rước thuyền rồng, kéo co, đánh vật, chọi gà... Nhưng xem ra tất cả những thứ ấy đều tẻ nhạt đối với nhà vua. Hội hè ở kinh sư thiếu gì những cái đẹp, cái vui gấp mười, gấp trăm lần như thế ! Duy có một trò lạ mắt, lạ tai, đó là điệu múa hát cổ truyền của làng Di Mã<sup>(1)</sup>. Bên con trai chít khăn đầu rìu, mình trần, hông cài dao quắm. Bên con gái mặc áo buộc tà, thắt lưng màu hoa lý, trên vai trái vắt một một dải lụa đào. Thoạt đầu hai bên nam nữ cùng nắm tay quay vòng tròn mà hát. Sau đó dàn thành hai tốp quay mặt lại nhau, cứ mỗi lần mười lăm người con trai ra múa thì mười lăm người con gái đứng vỗ tay, và ngược lại. Điệu bộ bên nam khỏe khoắn, điệu bộ bên nữ uyển chuyển. Giọng hát trầm cũng như cao, đều ấm áp thiết tha gợi nên khung cảnh êm đềm nơi đồng nội và niềm hạnh phúc bình dị của những dân lành chăm chỉ.

---

(1) Xã Thọ Lão, huyện Thọ Xuân Thanh Hóa ngày nay.

Xem diễn trò này, Nhân Tôn hoàng đế rạng hân nét mặt lên. Có lúc nhà vua khoái trá quá, quên mất cả mình đang mặc áo long bào ngồi ngự lãm, hồn nhiên đúng như một chú bé, lấy ngón tay gõ gõ vào cán lọng, môi mấp máy hát theo... Lời ca vừa dứt, nhà vua quay về phía thái hậu :

— Tàu mẫu hậu, con muốn được xem diễn lại tiết trò kia vài lần nữa tại khu hí viện của hoàng cung. Chẳng hay mẫu hậu có vừa lòng không ?

Tuyên từ hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh chưa kịp đáp, Tả hình Tả Thanh đã thò đầu ra ri tai :

— Muôn tâu đức bà, thuở hàn vi thần đã từng trà trộn với đám ngu dân ở vùng ven sông Mã, sông Chu, thần biết rõ cái tập tục kia tên gọi là bài ca « ri ren », nghĩa là, muôn tâu... một trò nhảm nhí do bọn nông phu chân lấm tay bùn, đôi rách ngồi nghĩ ra để lúc buồn tình hát lượn với nhau cho khuây khỏa đấy thôi. Nếu cứ để cho bọn chúng tiếp tục trò tài, e rằng hoàng thượng còn nhỏ tuổi, tâm trí cao minh sớm tiêm nhiễm phải những điều không tinh khiết <sup>(1)</sup> !

Thái hậu lập tức truyền lệnh đình chỉ cuộc vui, dù trong lòng biết làm như vậy, đức vua con phật ý. Đứng sau góc nghiêng, quan sát Nhân Tôn, Anh Võ nhận thấy từ đấy trở đi nhà vua mất hẳn vẻ linh hoạt. Đến nỗi khi quan Lễ nghi đến rước hoàng thượng đi bái yết sơn lăng, Nhân Tôn cứ ngồi ngây người ra, không buồn nhấc tay, nhấc chân nữa. Hai vị cận thần phải đỡ dành mãi mới nâng được nhà vua đặt lên cỗ xe. Anh Võ « xuyt » lưỡi một tiếng thật mạnh : gớm, gan lì khiếp ! Đà..., nhưng mà đối với mẹ như vậy, ai mà không đối được ?

Lần này nếu vượt lên trước đám đông sợ dễ bị lộ (thầy trông thấy thì khốn !), Anh Võ hòa lẫn vào dòng người

---

(1) Thực ra điệu « ri ren » là một vũ khúc dân gian lành mạnh rất thịnh hành ở trấn Thanh Hóa vào thời Trần, Lê.

huyền nào chạy theo sau xa giá. Đến một chỗ cách khu lăng chừng nửa dặm, dòng người phải đứng ùn cả lại. Có lệnh cấm thường dân không ai được bén mảng đến nơi an nghỉ của các tiên đế.

Mãi đến giờ mùi mới thấy vua và thái hậu trở ra. Nhân Tôn đi chung với Tuyên từ một lọng, nét mặt hoàng đế trông không còn vẻ gì cấu kính nữa. Ông vua con lại trở lại hồn nhiên như con nít rồi. Anh Võ nghe rõ cả tiếng đức vua đang líu ríu :

— Có phải bây giờ mẫu hậu định dẫn con lên chơi trên cái gò ở trước mặt, cái gò có cây đại thụ chực vòng tay ôm không xuê kia không ? Mẫu hậu hãy truyền lệnh cho quan Lỗ bộ kê cho mẹ con ta nghe xem cái cây da cò thụ ấy mọc từ đời nào mà gốc của nó lại to hơn cả gốc cây da ở cửa Thái miếu thế ? Bọn cung nữ đã có lần nói đến tai con nhiều chuyện thần linh về cây da ấy, hôm nay con muốn biết tận nơi. Đi, mau lên mẫu hậu...

Quan Lỗ bộ chuyên việc nghiên cứu các dấu tích phong thổ của tiền triều đã lược thảo sẵn một bản biên thuật sự tích cây da Lam kinh. Lúc này chỉ có việc đọc bản đó lên cho thái hậu và hoàng đế ngự thính.

Tả hình Tà Thanh nấp sau lưng quốc mẫu, đôi mắt hần lim dim mơ màng như đang lơ đãng thả hồn theo những ý nghĩ xa xôi. Nhưng thực ra tâm trí hần không bỏ sót một chữ nào. Hần muốn ngay cả trong việc này hần cũng phải tỏ ra xứng đáng là tai, là mắt của thái hậu. Nhắc thấy điệu bộ tên nịnh thần, quan Lỗ bộ đã cụt hứng. Ông rủa thầm hần trong bụng : « Tai mắt mày là tai mắt loài cú vọ ! Mày chỉ thích bói lông tìm vết. Mày nghe thanh hóa đục, nhìn trắng hóa đen... Mày đã giầy vào đầu là người ta nơm nớp ở đây sắp xảy ra điều dữ ». Điều dữ quả đã đến ! Cây da là vật vô tri vô giác cũng không thoát khỏi cái nọc đầu lưỡi độc địa của Tà Thanh.

— Muôn tâu thái hậu, — Tạ Thanh không buồn dè cho quan Lỗ bộ đọc dứt lời, cứ mặc nhiên dậm ngang vào sự việc — theo ý ngù thần thì triều đình nên bắt dân địa phương dẫn ngay cây đại thụ kia xuống làm củi mới phải, vì trong lá cành thân rễ của nó từ lâu đã ăn náu cái mầm phản nghịch!

Cái mầm phản nghịch mà Tạ Thanh bươi ra ở đây là một dòng chữ đã có từ lâu: «Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần<sup>(1)</sup>».

Thái hậu từng nghe nói lúc sự nghiệp còn gian nan, muốn thu phục lòng người, theo mưu kế của Nguyễn Trãi, Bình Định vương Lê Lợi đã sai quân lấy mật, mỡ viết vào lá và vỏ cây rừng dòng chữ trên. Sâu, kiến tìm thức ăn, đục lá và vỏ cây tạo thành những nét chữ lỗ chỗ, khiến người qua đường tình cờ trông thấy có thể nghĩ đến cái diềm trời báo trước cho thiên hạ biết vận số của dân nước...

Khi đoàn người vác rìu đến tề tựu đứng dưới gốc cây da, người ta mới thấy có một ông già từ trong đám đông tách ra tiến bước đến trước mặt thái hậu. Không hề run sợ, ông đứng thẳng mình ung dung chờ bà mẹ đức vua ngược nhìn lên rồi mới cất giọng:

— Tôi thay mặt cho tất cả mọi người ở đây, có lời khàn cầu thái hậu và đức vua, xin thái hậu và đức vua đừng ra lệnh cho triệt hạ cái cây cò thụ vô tội kia!

— Vì có gì vậy?... — Thái hậu cười gằn lừ lừ nhìn ông già một cách khinh bỉ — Hỡi con người gàn dở kia, người có biết chữ không? (Ông già khẽ gật đầu) Ừ, tốt đấy, người hãy nhìn lên thân cây kia và đọc to cho bọn dân chúng nghe xem người đã thấy những gì ở trên đó?

— Muôn tâu thái hậu, dân cả nước ai chẳng biết sự tích cây da Lam kinh với dòng chữ thay cho mệnh trời ấy! Xin cứ hỏi một đứa bé còn dè chòm nó cũng có thể đọc lên vanh vách, lộ là triều đình phải thách đố đến cái lão đồ gàn này!

---

(1) Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm thần (bày tời.)

Tuyên từ dang nhếch mép cười bỗng sạm mặt lại, mi mắt trái giật thon thót... Tuy nhiên bà vẫn tìm được mình.

— Hừ...m... Thế là nhà ngươi đã hiểu rồi đó! Nhưng bọn các ngươi thích lý sự, hãy nghe đây: « Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần », đó là mệnh trời ứng vào lúc Cao hoàng đế mới dấy nghiệp. Ngày nay, Trãi đã làm ma không đầu, cái thân cây mang tên kẻ nghịch thần ấy cứ đề ngang nhiên đứng trên gò cao thì còn gì là phép vua, mệnh nước? Ngươi đã bạc tóc, bạc râu, lại thông hiểu nghĩa lý thánh hiền, đáng lẽ phải biết khuyên bảo lũ con cháu triệt hạ cây đại thụ kia trước khi ta và hoàng đế qua đây mới phải chứ... Ngươi trả lời đi!

— Muôn tâu thái hậu... Càng già càng thông hiểu nghĩa lý, càng phải biết răn bảo con cháu làm điều minh chính, chứ có đâu lại bắt họ làm ngược lại lẽ phải. Tôi trộm nghĩ, nếu đích thực ông Trãi là người có công lao với tiền triều, với dân nước, thì dù có chặt hết cả cây rừng cũng không xóa nổi tên tuổi của ông! Phương chi lời « Bình Ngô đại cáo » còn truyền đó, tấm bia Vĩnh Lăng còn đặt gần đây, những lời văn hùng tráng do ông Trãi vâng soạn, triều đình đã cho khắc vào biển đồng, bia đá dựng thờ ở nơi tôn lăng, thái miếu. Hôm nay đến bãi yết Vĩnh Lăng, hẳn đức bà vẫn còn thấy tên tuổi Thừa chi Nguyễn Trãi rành rành ghi ở hàng chữ cuối đấy?<sup>(1)</sup> Triều đình chưa truyền lệnh đập vỡ tấm bia ấy, hà tất lại ra lệnh bắt dân Lam kinh chúng tôi triệt hạ cây đa chi còn đề lại dấu vết một hàng chữ ở lớp vỏ bên ngoài?

Nghe những lời đối đáp cứng cỏi, dân chúng ai cũng lấy làm mát gan mát ruột. Họ không biết lúc đó tính mạng ông

---

(1) Cuối tấm bia Vĩnh Lăng đặt ở Lam kinh có ghi rõ: « Thuận Thiên năm thứ sáu, Quý Sửu tháng 10 ngày tốt, Vĩnh Lộ đại phu nhập nội hành khiển Trị Tam quán sự, thần Nguyễn Trãi vâng soạn »

già đang treo đầu sợi tóc. Bà mẹ đức vua chớp chớp đôi mắt khác lạ, thét lên lạc cả giọng :

– Tả hữu đâu ? Lôi thẳng già ngổ ngược này ra chém cò tức khắc cho ta.

Từ lâu, đứng lùn trong đám đông, chú bé Anh Võ vẫn hỏi hớp dỗi theo từng cử chỉ, lời nói của thầy.

Phải, ông già kia chính là người đã nhận trách nhiệm với Cao Nhuệ và Lê Đàm nuôi nấng, dạy dỗ Anh Võ. Xưa, ông đã từng nổi tiếng một thời về tài tạc tượng và tô tượng. Những đền đài danh thắng ở kinh kỳ hiện nay nhiều nơi còn ghi lại dấu vết bàn tay tinh tế của ông. Sau khi người em trai là thợ sơn Cao Sư Đăng bị chết oan trong dịp xây chùa Báo Thiên, ông chán ghét thế sự, rũ áo rời bỏ Thăng Long đi phiêu bạt. Phưởng bụn cố tình tìm cách lưu con người tài hoa ấy lại, nhưng không ai làm ông xiêu lòng. Ông đi lang thang đây đó, đem tiền của dành dụm cả một đời thợ giỏi ra làm những việc từ thiện. Ngày ghé về Côn Sơn thăm Cao Nhuệ, ông được cháu ruột nói cho biết tình cảnh của mẹ, con Phạm phu nhân, ông lóe lên những niềm hy vọng mới... «Ta hằng băn khoăn về nỗi oan thác của quan Thừa chỉ. Thì ra ở hiền lại gặp lành, dòng họ ấy còn có người nối dỗi. Nhờ đám môn sinh giàu lòng nghĩa khí, Anh Võ được sống sót đến ngày nay nhưng vẫn phải lưu lạc ở nơi biên viễn. Mà ở đây thì đám môn sinh lại lo rằng chú bé sẽ bị thất học. Họ đang bí kế, muốn nhờ ta góp sức, ta sẽ nói với đứa cháu của ta như thế nào đây...» Bỗng ông già mừng rỡ vỗ vào vai Cao Nhuệ :

– Nay, bác chợt nghĩ ra, sau vụ làng Đoài ở Sơn Nam, cho đến lúc này, các anh đã hoàn toàn bịt mắt được bọn gian thần rồi còn e ngại gì mà không đón Anh Võ trở về ?

– Thừa bá phụ... – Cao Nhuệ trong bộ nâu sòng đã quen với phong độ kẻ tu hành, chấp hai bàn tay đưa lên ngang mũi – các thân hữu của cháu cũng đã nghĩ tới điều đó, nhưng



vẫn phải đề phòng mọi sự bất trắc. Đón Anh Võ về thì dễ, song còn việc rèn cặp cho em nên người... và lại thừa bá phụ..., «bức vách có tai», không thể để Anh Võ sống chung với cháu hoặc Lê Đàm được!

Ông già cười hề hả:

— Thế thì có gì là khó... Bác sẽ đảm trách hộ các anh việc đó.

Rồi, từ già Cao Huệ, ông không đi lang thang nữa, lại trở về Lam kinh chờ đón dạy người học trò mới duy nhất...

...Giờ đây đứng trước cái chết, ông già trông vẫn bình thản. Đố ai biết trong lòng ông đang xao động những gì «... Ròng rã ba năm trời, ngày dạy Anh Võ, đêm loay hoay nhào nặn, tô, vẽ... mãi đến ngày hôm qua ta vừa hoàn công pho tượng quan Thừa chỉ. (1) Thế là ta đã giữ được lời hứa với Cao Huệ. Người đời sau đến văn cảnh chùa Tư Ân, nếu ai chưa có may mắn chiêm ngưỡng dung mạo quan Thừa chỉ lúc sinh thời, thì những ngón tay tài nghệ của dòng họ Cao này, ít ra cũng giúp họ mừng tượng được khí cốt của bậc đại nhân, đại nghĩa. Ta có nhắm mắt cũng được, chỉ còn ân hận một điều: chưa kịp nói gì với Anh Võ... Lần này, định gặp Lê Đàm sẽ bàn riêng cách cho thằng bé cùng thầy kinh một thầy; ta hết chữ rồi, và cũng đã đến lúc cần cho con chim non tung cánh. Vì lẽ đó, sáng nay mới không tiện để nó đi theo. Ngờ đâu gặp cơ sự này...» Trên vầng trán cao, mồ hôi lấm tấm bắt đầu đọng thành giọt, ròng ròng chảy xuống những sợi râu bạc. Ông già định giơ ống tay áo lên quệt nhưng rồi lại đứng im, ngàng đầu cao hơn, đưa mắt nhìn khắp lượt như muốn gửi lời chào vĩnh biệt mọi người.

Nhìn vẻ mặt thầy, Anh Võ tưởng như có trăm ngàn mũi kim đang chích vào tim gan mình. Chưa bao giờ chú phải chứng kiến một cảnh đau lòng như vậy. Chú không thể bỏ

---

(1) Hiện nay ở chùa Tư Phúc (Hải Hưng) còn giữ tượng Nguyễn Trãi và Trâu phu nhân.

mặc thầy sống, chết. Cần phải lăn xả vào giữa vòng guồng giáo, thét vào mặt con mụ đàn bà độc ác kia những lời nguyên rủa thậm tệ nhất, rồi sau đó đến ôm lấy chân thầy, có cùng chết với thầy cũng hả dạ. Trống ngực đập liên hồi cái giận làm máu chuyển động bưng bưng cơ thể, Anh Võ nhắm thẳng phía chiếc lọng vàng bước tới. Bỗng một bàn tay giữ chặt lấy vai chú :

– Anh Võ chớ hấp tấp, dè mặc anh xử trí!

Ngoài đầu lại, hai ánh mắt gặp nhau, linh tính báo cho Anh Võ biết người đang đặt bàn tay rắn chắc trên vai mình là ai rồi. Chú trở mắt : «Ơ... anh Đàm!» nhưng chợt hiểu ý, chú sững người lại, đứng im. Thời khắc lúc này thật vô cùng quan trọng. Hai anh em chỉ kịp nói với nhau mấy lời thật vắn tắt. Sau đó Lê Đàm thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra, tiến đến trước chỗ ngồi của bà mẹ vua, diềm tĩnh quỳ xuống :

– Tâu thái hậu, cả vùng này ai cũng đều biết lão thầy đồ Lam kinh là một kẻ đọc nhiều sách nên sinh ra cuồng chữ, si thư, tâm thần bất định.

Bấy giờ những người đứng vòng trong, vòng ngoài đồng thanh nói :

– Chúng tôi cùng một ý như quan Thân tuy đấy! – Lê Đàm nói tiếp :

– Giết lão chẳng khó gì, nhưng, – Lê Đàm hạ giọng – xin thái hậu cũng nên cân nhắc kỹ một chút...

Những điều quan Thân tùy vừa tâu, quả có làm cho bà mẹ vua chột dạ. Bà suy nghĩ : trong hai điều, ta chỉ nên chọn một, chỉ chặt gốc cây kia mà hãy khoan chặt đầu thằng già...

Thái hậu đưa mắt nhìn Tạ Thanh. Tên này trông thấy tướng mạo oai vệ của Lê Đàm – nhất là hán dã từng biết đến võ công hiển hách của chàng dịp bắt sống tướng giặc ở Châu

Hóa – tự nhiên dăng sau gáy hấn ớn ớn nời da gà... Hấn không dám hấp tấp buông lời gièm pha mà ranh mãnh làm bở đồng tình với Lê Đàm :

– Muốn tâu thái hậu, cao kiến của quan Thân tùy cũng hợp với ngụ ý hạ thần. Cờ nhân nói, giết một con ong thôi, không khéo, còn có thể bị cả bầy đốt cho sưng mày sưng mặt, huống hồ định hạ sát một tên đầu đen máu đỏ ! (Hấn tự khoái chí cho rằng câu nói học mót của hấn là vô cùng thâm thúy). Song thần trộm nghĩ, tha bổng lão già kia tức là thả cáo về rừng. Vậy nên chọn một cách khác. Mà cách này thì không ai biết giỏi bằng người đã từng am hiểu gốc gác, tâm bệnh kẻ phạm tội. Xin thái hậu hãy giao toàn quyền việc đó cho quan Thân tùy quản xét...

Bà mẹ vua không cần cần vặn gì hơn, uề oải nhắc lại câu nói của tên gian thần :

– Được, ta giao toàn quyền việc đó cho quan Thân tùy quản xét.

Rồi mục lẳng lẳng đi về phía gốc đa, nơi đó mười hai người thợ rừng vừa được gọi đến, trong tay đang lăm lăm dụng cụ, sẵn sàng đợi lệnh...

Khi thân cờ thụ bị những nhát rìu đầu tiên chặt vào làm ứa ra sắc nhựa nâu thẫm đặc quánh, ông già cảm thấy chính lòng mình đang rỉ máu... Nghe lệnh tha tội chém mà ông vẫn nhơn nhơn. Sống, chết cũng một lần. Mặc ! Phải nói, nói nữa, cho lương dân thấy được việc làm hiểm độc xấu xa của con mục lọng quyền kia.

Ông ngang đầu nhìn lên ngọn cây đa, ở đấy bày quạ đen và đàn chim sáo sậu đang lượn quanh nháo nhác hình như chúng muốn nguyện rửa những kẻ sắp cướp mất tổ ấm của chúng. Rồi ông già ngang nhiên ôm ngực ngâm thơ Nguyễn Trãi như những lúc ông cao hứng thực sự. Dân Lam kính nhìn nhau ứa nước mắt lắng nghe điệu ngâm quen thuộc của thầy đồ cường chữ.

Thái hậu từ gốc đa quay gót trở lại... Sợ cơn thịnh nộ mới lại có thề nờ ra, Lê Đàm nhanh nhẹn mở dải thắt lưng lụa trói hai tay ông già lại, vừa dồng đi vội, vừa giả bộ quát tháo :

– Đi! Mau lên lão già cường chữ! Về vương phủ, ta sẽ nhốt lão vào một chỗ và mỗi ngày chỉ cho lão nửa bữa thôi, xem có còn đủ sức ngâm nga nữa không?

Trước cảnh ấy, Anh Võ lưỡng cuống không biết mình nên làm gì? Phép nước bất chấp tình thân, anh Đàm đã dặn đề mặc anh xử trí cơ mà! Đầu óc chú cũng bối rối vì cái tin anh Đàm mới nói nhờ bạn này: sắp sẵn những thứ cần dùng đề trầy kinh sư với anh. Đi kinh sư! Đề đó Anh Võ hằng trông đợi từ bao lâu nay. Nhưng niềm vui đến cùng một lúc với tai biến... Chú bồi hồi nhớ lại cảm giác mơ hồ trong giấc chiêm bao... Ta sống ở kinh sư đề rồi hằng ngày phải trông thấy những bộ mặt đáng ghét kia ư? Không! Ta có anh Đàm và còn có... bần phẫn đối với người thầy kính mến nữa chứ! Nghĩ vậy, chú phẩn chấn bước vội về nhà.

\*  
\*\*

Người ta giải ông già về kinh sư. Ở đây, ông không phải giam hãm trong nhà ngục tăm tối, cũng không bị gông cùm hành hạ gì cả. Trái lại, ông là một hạng phạm nhân đặc biệt, được đối đãi như thượng khách. Phủ Bình Nguyên vương dành cho ông ở hẳn một gian trong nhà khách. Sáng sáng có Anh Võ đóng vai tiêu đồng pha nước hầu trà. Ngày hai bữa, không cao lương mỹ vị, cũng dâng hoàng cơm bưng nước rót tận nơi. Anh Võ thuộc khẩu vị của thầy, chú đã mách nhà bếp làm những món ăn thanh đạm mà ngon miệng. Ngoài ra, có đủ những đàn, sách, rượu, cờ... rất nhiều thứ cho ông tiêu sấu giải muộn, ông không phải ngồi đếm từng chiếc lá rụng, tính ngày tháng trôi đi... ९



— Đi! Mau lên lão già cường chử!

Tả hình Tạ Thanh mang máng đánh hơi biết những tin tức không thú vị đó. Hắn lại mon men đến ton hót với thái hậu:

– Tàu đức bà... tên Thân tùy của Bình Nguyên vương đối đãi với thằng già cuồng chữ còn hơn cả ngu thần cung phụng bố già ở tư thất...

Thái hậu ngoảnh mặt đi nơi khác, cười khây:

– Khanh đã xúi ta giao phó hẳn cho Lê Đàm, bây giờ sự thế thế nào, chẳng lẽ khanh không có cách xử trí hay sao, còn muốn ta phải bận tâm

– Dạ muốn tâu... Trước đây ngu thần hiến kế như vậy là có dụng ý muốn chờ cơ hội kết tội cả lão đồ già lẫn tên Lê Đàm qui quyết một thề...

– Thôi đi, hãy dề cho ta yên tĩnh!

Lần đầu tiên, Tả hình Tạ Thanh bị thái hậu xua đuổi, chắc hôm ấy bà mẹ đức vua đang có điều gì bức bối nên không muốn nghe tên gian thần lái nhai nhiều lời.

Ở bên vương phủ, ngay từ đầu, Lê Đàm cũng đã lưu ý nhắc nhở Anh Võ:

– Em phải ghi nhớ điều này: không có lệnh của anh, nhất thiết em không được hỏi han ông già họ Cao điều gì nhé.

Đã nửa tuần trăng, từ lúc theo gót anh Đàm về đây, chú bé chỉ được săn sóc, hầu hạ thầy lãnh lạng như một cái bóng. Những lúc anh Đàm đến gặp riêng thầy, chú còn phải làm người đứng canh, đề phòng có kẻ thóc mách rình mò.

Nhiều lần ông già tỏ vẻ lo lắng, bảo Lê Đàm:

– Anh phải thận trọng, chớ vì bác (ông đã coi Lê Đàm như Cao Nhuệ nên lúc vắng người thường xưng hô một cách thân mật) mà sa vào cạm bẫy của thái hậu, và bọn gian thần! Anh cứ đòi thái hậu, buộc mụ ấy phải trao thẳng bác cho tòa hình viện xét xử.

Lê Đàm không nỡ làm theo cách của ông già. « Ta đã kéo được một con người ra khỏi miệng hùm, lẽ nào lại dè cho con người ấy dẫn thân vào hang sói ? » Trong khi chưa tìm ra mưu kế giải thoát, chàng vẫn lưu ông già ở nhà sảnh, vẫn ngày ngày cho Anh Võ quanh quần hầu hạ và sai người cung đốn mọi thứ cần thiết. Chàng không ngờ sự tận tụy của chàng lại dẫn đến một kết quả thảm khốc. Một đêm, Anh Võ và mọi người ngủ say rồi, ông già còn ngồi tư lự trước án thư khá lâu. Chỉ có ngọn bạch lạp (1) mới được thắp sáng những ý nghĩ bi phẫn cuối cùng của ông...

Trưa ngày hôm sau, viên hình quan đi mình xác vụ bất trắc ở khu vườn cấm của hoàng cung bên cạnh phủ Bình Nguyên vương về trình lại với Tả hình Tạ Thanh rằng, hắn đã làm đầy đủ mọi việc khám xét, nhưng không phát lộ được điều gì khả nghi.

— Bẩm thượng quan.. dạ... đây đúng là một vụ tự tử, đương sự dùng dải lụa bạch tự treo cổ lên cành cây mộc lan, hiện còn để lại một phong thư lời lẽ kỳ lạ.

Như con thú dữ phạm ăn vừa vồ hụt mồi, Tạ Thanh giật ngay lấy mảnh giấy, lắp bắp đọc :

*« Hỡi những người trung thực ! Khi nhìn thấy ta ngủ thiếp trên cành cây, đầu ngoảnh về hướng sao Bắc Đẩu, đừng sợ hãi, hãy đến vuốt mắt cho ta !*

*Hỡi những kẻ manh tâm độc ác ! Khi sờ vào ngực ta thấy không còn thoi thóp, đừng vội nghĩ đến việc hãm hại thêm những người vô tội !*

*Ta vĩnh biệt dương thế mà vẫn mang theo tia sáng mặt trời. Mãi mãi ta còn nhìn thấy ánh mắt yêu thương của những tâm hồn ngay thẳng.*

*Mãi mãi ta còn nhìn thấu lòng dạ sói lang của bọn lộng quyền dè tiện!...*

---

(1) Nến trắng.

Quảng mảnh giấy vào mặt viên hình quan, tên gian thần lặng hẳn người đi một lúc. «Đúng là thằng già cường chữ ngu xuẩn!»

Bỗng hắn bật dậy và như một con đười ươi, hắn cứ đứng ngửa cổ ra phía sau, cười rất man rợ. Viên hình quan thừa dịp, cúi nhặt vụn mảnh giấy rơi, chuồn thẳng. Còn lại một mình tên gian thần ôm đầu nói lầm nhảm...



Sau cái chết của ông già họ Cao, Tạ Thanh giảm hẳn uy tín đối với Tuyên từ hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh. Bị thất sủng<sup>(1)</sup> hẳn lại vùi đầu vào các cuộc cờ đen. Suốt ngày đêm, hắn chui rúc dưới Vạn An lộ, lê la hết chiếu bạc này đến chiếu bạc khác. Đến đâu, hắn cũng vợ tiền như rác. Hầu bao của Tả hình đeo trước bụng căng phồng lên như con cóc mẹ, bọn đồ bác<sup>(2)</sup> trông thấy thèm nhỏ dãi. Chúng càng thua càng ham gỡ. Càng gỡ lại càng thua đau. Trong bọn chúng chưa có tên nào địch nổi ngón cờ bạc bịp của Tạ Thanh, trừ quan Giám ti, người anh em con dì với thái hậu.

Hôm nay hai tên tham quan, hai con bạc khét tiếng sát phạt lẫn nhau. Thoạt đầu chúng còn làm ra bộ lịch sự.

Tả hình:

– Ngài cao tuổi xin mời ngài «bắt cái» trước!

Giám ti:

– Dạ không dám... Ngài cao chức hơn, xin rước ngài...

Rồi chỉ một thoáng, chúng đề lộ ra các thủ đoạn gian lận. Mặt cửa mướp đấng gặp nhau, chẳng đứa nào chịu lép

---

(1) *Thất sủng*: không được yêu mến, tin cậy nữa.

(2) *Bọn cờ bạc*.



đưa nào. Bị thua ba ván liền, tên Giám ti bắt đầu cay cú. Vừa thấy Tạ Thanh lét mắt về phía mình, hần phát khùng:

– Sao ngài lại nhòm trộm bài của tôi?

Bất đồ hần bị Tả hình chửi mạt:

– Ngài yên trí, tôi đang nhìn tên kẻ trộm giấu bài trong ống tay áo chứ tôi đâu dám nhìn trộm nước bài của ngài?

– À, ông này giỏi, ông bảo ai là kẻ trộm?

– Tôi bảo anh đấy. Chính anh là thằng cướp cá, là phường ăn quýt, phường kẻ trộm...

– Nói láo! Chính mày mới là phường cờ gian bạc lận.

– Có giỏi mày cứ giữ ống tay áo cho mọi người xem nào? Thách đấy?...

– Mày liệu hồn, đợi đấy... rồi tao sẽ giữ luôn cả bộ xương mày một thè...

Một đẳng ý thế là anh em với thái hậu, một đẳng ý thế là chức quan hầu cận thân tín nhất của mẹ vua. Hai cái thế ấy đều rắn như đá cuội, nên càng xô xát càng tóe lửa. Đến lúc không còn moi móc đâu ra được những lời tục tĩu hơn đề si mạ nhau, bọn chúng bèn vút bỏ cả ngôn ngữ loài người, nhảy xô vào nhau bằng sức hung dữ của loài dã thú. Những quả dấm tới tấp giáng vào mặt, vào ngực Giám ti. Chỉ cần chạm trể thêm một chút nữa có lẽ tên hoàng thích này phải chết gi hoàn toàn. Nhưng đột nhiên, Giám ti ngòì thụp xuống, dùng toàn lực húc đầu vào bụng đối thủ. Tả hình bị mất thăng bằng, ngã ngửa ra. Cả tấm thân nặng nề của hần đổ xuống và cứ thế hần ngất lịm đi. Người ta tưởng hần chết giả vờ đề dòi ăn vạ. Không! Hần chỉ còn có thể ú ớ kêu lên vài tiếng rồi vĩnh viễn không bao giờ ngòì dậy được nữa. Bởi vì, chiếc lá lách của hần – vốn đã sưng to lâu ngày vì bệnh nghiện rượu – vừa bị giập vỡ trong ổ bụng, là nguyên nhân kết thúc cuộc đời xấu xa của hần một cách nhanh chóng.

Chưa cần đợi Tạ Thanh tất thờ thực sự, bọn đồ bác đã xúm vào lột hầu bao, tranh nhau «con cóc mẹ», mặc cho tên Giám ti đứng đó, sững sờ...



Giám ti lên về nhà nằm đắp chăn rên ư ừ. Một tiếng xích cửa rất nhẹ, tiếng gió lay rèm trúc, thậm chí tiếng chân chó nhón bước ngoài thềm, cũng làm cho hắn giật mình. Lúc nào hắn cũng nơm nớp sợ người ta đến bắt giải hắn đi. Hắn nhằm trước những lý lẽ đề biện bạch khi phải ra đứng trước tòa hình viện. Một là Tả hình và hắn từ lâu không có mối hằn thù gì với nhau. Hai là khi xảy ra sự xung đột, Tả hình là người khởi dả trước, đương nhiên hắn phải có hành động chống đỡ đề bảo mạng. Ba là... Bốn là... Tất cả những lý lẽ của hắn đều nhằm bào chữa rằng việc hắn húc chết Tả hình là không may ngộ sát <sup>(1)</sup> chứ không phải cố sát <sup>(2)</sup>. Tuy nhiên, tự biện bạch thế nào, hắn thấy mình vẫn là kẻ phạm tội giết người. Mạng đời mạng, khó lòng mà hắn thoát nỗi phen này! Người hắn trông mong cứu được nhiều nhất là thái hậu thì chắc chắn lần này bà lại là người trị tội hắn thẳng tay nhất. Bởi vì hắn giết Tả hình tức là hắn chặt cụt mất một cánh tay vốn đặc lực của thái hậu...

Càng nghĩ hắn càng sinh quẫn, càng rối trí. Hình như có một bàn tay ma quỷ nào vừa đặt vào hộp sọ của hắn những tầng ong. Hắn cố trấn tĩnh đề tìm ra một kế gì sáng sủa hơn mà đầu óc cứ u u... o o... không ra làm sao cả. Giữa lúc tâm thần đang hoảng loạn như vậy thì có tin

---

(1) Vô tình phạm tội giết người.

(2) Cố ý giết người.

Lạng Sơn vương Nghi Dân muốn vờ hẳn đến tư thất đàm đạo riêng.

Bình nhật, Giám ti và Lạng Sơn vương ít đi lại với nhau, nhưng Giám ti vốn biết Nghi Dân là kẻ cơ mưu, nằm ăn đợi thời, dù bị giáng chức không được làm thái tử nữa, vẫn là một trong những kẻ có vây, có cánh trong triều.

Xưa nay, Nghi Dân chưa từng giúp đỡ ai một cách khảng khái. Nhưng Giám ti lúc này cần gì biết điều đó. Hẳn đang chết đuối, miễn là vớ được cọc, hãy bám ngay vào cọc cái đã. Hẳn lồm cồm ngồi dậy, khăn áo chỉnh tề, đi thẳng đến nhà người con trai trưởng của vua Thái Tôn<sup>(1)</sup>

Vừa gặp mặt Lạng Sơn vương hẳn đã được nghe những lời vổ về phẩn khích:

— Ông Giám ti, đã « có gan ăn muối, phải có gan lợi hồ ». Nếu ông tin ở tôi, tôi sẽ giúp ông cái kế biến nguy thành an, biến bại thành thắng...

Tên Giám ti mừng rơn, tay vái lia lịa, miệng nói liền thoảng:

— Trong cơn hoạn nạn này, cha mẹ dè ra tôi, tôi cũng không tin, không quý bằng người giải nguy cho mình. Tôi đã thực bụng đến cửa vương, dám xin vương mở lòng chỉ giáo.

— Xin đừng dạy quá lời — Lạng Sơn vương xua tay — nhưng cũng phải tin nhau như thế mới được. Chúng ta đều đang cần đến nhau cả mà.

Nghi Dân lưu khách ở lại bên mình, suốt đêm trao mưu bày kế. Khi cáo biệt, Giám ti không trở về nhà nằm đợi lệnh bắt, y nhờ gia nhân của Nghi Dân trói tay mình lại rồi tự dẫn thân đến trước tòa hình viện.

---

(1) Tức Nghi Dân, vì mẹ Nghi Dân không được vua Thái Tôn lúc sinh thời yêu dấu, nên Nghi Dân không được nhận làm thái tử.

Nửa tháng sau, khi bản án chính thức loan bố, nhiều người có chức quyền bắt tin đến tòa hình viện: «... Đành rằng cũng là đáng đời Tả hình Tạ Thanh, nhưng tội Giám ti như vậy mà xử hấn chỉ có sáu năm tù thì quá nhẹ. Trong khi mang án, lại cho hấn vẫn được tự do ra vào cung cấm, như thế còn gì là luật pháp của hoàng gia nữa!»

Chẳng những họ mà cả thái hậu cũng không hiểu nổi rằng trong vụ án này có bàn tay bí mật của Lạng Sơn vương thò vào.

## PHẦN HAI

Tin Lạng Sơn vương Nghi Dân giết vua, cướp ngôi loan đi khắp nước, bay về Côn Sơn một sớm một chiều. Sự thật ghê rợn quá! Các vị bô lão di đón sắc chỉ của vua mới, xấu hổ, phải lấy quạt che mặt, nước mắt ướt đầm vạt áo. Không, chắc chắn là các cụ không khóc vua Nhân Tôn, không xót thương Tuyên từ hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh mà khóc cho nước, cho nhà, khóc vì vua Thái Tổ, vì quan Thừa chỉ. Chao ôi, bao nhiêu năm trời gọi mưa dầm gió, máu đổ xương phơi mới dựng lại được tôn miếu... Gió nức nở trên cánh đồng xơ xác. Mười hạt có đến chín hạt lép, đang giữa vụ gặt mà cánh đồng vắng lặng như tờ. Lạnh ít, dữ nhiều, đã lo cái đói cầm tay, lại hết hoảng vì những tin đồn đại: Lạng Sơn vương Nghi Dân mới làm việc bất nhân, vô đạo, cũng tập tành phái sứ giả sang nhà Minh cầu phong, cũng học đòi xuống chiếu đại xá cho thiên hạ! Chính sự triều chế thay đổi như bóng mây mà giọng lưỡi kẻ bạo ngược thì bao giờ nghe ra cũng đầy nhân nghĩa. Lời văn đại xá bố cáo khắp nơi càng thêm ngán ngẫm lòng người.

Ở Côn Sơn mấy ngày nay người ta xé có tới hàng chục tờ cáo có dấu ấn của « nhà vua ». Quan sở tại trông thấy đành phải làm ngơ. Chỉ có dân Côn Sơn mới dám táo tợn

như thế. Họ nói trắng ra rằng: «Nghị Dân có nhiều tham vọng, nhưng lại là kẻ tài đức hèn mọn nhất trong những người con của vua Thái Tôn». Đó là chuyện ở người lớn. Còn lũ trẻ mục đồng thì cứ cưỡi lên lưng trâu là vỗ tay đánh nhịp hát xai xải:

*Xúc xắc, xúc xẻ...*

*Ai dẻ ra người?*

*Đội lốt con trời*

*Thác lời thặng Cuội (1)*

*Việc làm ám muội*

*Gây tội, kết bè*

.....

*Lừa nòi tứ bề*

*Rời người biết nhẽ!*

*Xúc xắc, xúc xẻ...*

Ấy thế mà lời lẽ bài cáo cứ trắng trắng: «Trẫm nhờ trời mền yêu, tổ tông giúp đỡ, các vương hầu và các đại thần cùng các quan văn võ trong, ngoài suy tôn xin trẫm lên nối đại thống. Hai ba lần khuyên mời, không thề đừng được, ngày mồng bảy tháng mười năm nay, trẫm phải lên ngôi vì phúc ấm của trẫm họ...»

Tờ cáo này xé đi, tờ cáo khác lại hiện lên... Người dân Côn Sơn nhìn thấy nó như nhìn thấy vết chàm xấu xí làm vấy bẩn gương mặt quê hương. Không thề dẻ như thế này được! Không thề chịu như thế này được! Đây là đất anh linh của các bậc trung liệt, đất của Trần Hưng Đạo, đất của Nguyễn Trãi...

---

(1) Ý nói: Không xứng đáng ở ngôi vua, chỉ là kẻ nói dối như cuội.

Ở quán nước bên gốc đa đêm nay lại có cuộc hội kiến của dân làng. Một trai đình vừa trở về sau mấy ngày đi kinh sư dò xét tình hình, đang kể lại với mọi người những điều tai nghe, mắt thấy. Thì ra những tin đồn đều đại để có thật.

« Nhân một đêm mưa gió, Nghi Dân được tên Giám ti và bọn mưu phản trong tòa hình viện làm nội ứng, đã cho hai tên hung đồ là Phạm Đồn, Phan Ban dẫn hơn trăm đao phủ bắc thang dằng phía cửa Đông hoàng thành, lên vào cung cấm giết vua Nhân Tôn và Tuyên tử hoàng thái hậu. Cùng một lúc, bọn quan tùy tùng trong phe cánh đến trợ lực buộc quan Đô quản phải ra lệnh cho cấm binh không được chống cự lại quân phiến loạn. Do đó bọn Đồn, Ban chiếm được thành trì, cung điện một cách dễ dàng và tôn Nghi Dân lên ngôi vua... »

Không khí cuộc họp sôi lên phút chốc rồi lại lắng hẳn xuống. Có ai đó vừa thấp lên mấy nén nhang. Những vòng khói thơm lớn vờn vây quanh những mái đầu nặng trĩu. Chưa có người nào muốn bày tỏ ý kiến của mình đầu tiên. Cụ chủ quán thúng thảng ho mấy lần rồi đứng dậy nói ra một điều không ai lường trước được :

– Có lẽ ta nên phái người đi mời quan Thân tùy Lê Đàm về đây thôi bà con ạ! Người tín nghĩa mà sống cùng với bọn sói lang e có khi bị hại. Chi bằng cứ trở về nơi lều cỏ, nước suối...

Một giọng gay gắt cướp lời :

– Cứ ai cũng đi tìm lều cỏ, nước suối cả thì lấy ai cứu nạn cho nước, cho dân? Mà chắc đâu đi ăn đã thoát. Lão trượng quên mất rằng quan Thừa chỉ xưa kia chẳng đã có thời ăn dật đó sao? Thói đời, lúc không thịnh trị thì người trung thực, tài ba ở đâu cũng khó thoát nổi con mắt soi mói, ghen tị, rình mò của bọn tiểu nhân đắc thế! Cháu mà như ông Đàm ấy à, thì cứ về đây cũng được, nhưng về không

phải ở ăn mà cốt đề dạy võ nghệ cho chúng ta, rồi chóng  
chạy tất cả kéo thẳng lên kinh, trị cho bọn chúng một mẻ...

Một bác trung niên ngồi bên cạnh vội vàng ngăn lại:

— Ấy chết! Ấy chết! Càn dỡ... Càn dỡ... Nói liều như vậy  
có khi mất mạng cả người nói lẫn người nghe.

Người nói đang đà hăng, nổi xung:

— Đừng có dọa! Đây không sợ, không sợ đâu nhé!

Cụ chủ quán phải lựa lời dàn xếp:

— Thôi cái chuyện đại sự ấy không phải do bọn ta quyết  
định ở đây được. Nhiều vị cao minh có công dựng nước từ  
thời tiền đế hãy còn sờ sờ ra đấy!

Người trai tráng vừa nêu ý kiến ban nãy có dịp bốt nóng  
đi một phần nhưng vẫn còn tỏ ra vẻ sốt ruột:

— ... Nhưng mà các bậc cao minh cứ đề cho bọn lộng  
quyền che mắt vua mà vua lại dựa vào bọn lộng quyền thì  
làm thế nào mà biết được ý dân, mà thấu được nỗi cực khổ,  
uất ức của đám đầu đen máu đỏ chúng ta. Ý cháu, nghĩa là  
ta cứ phải ra tay một phen...

Bỗng có một bàn tay nhẹ nhàng kéo anh ta ngồi xuống.  
Mọi người quay lại và cùng «ồ» lên một tiếng: Sư Huệ!

Từ bao giờ không ai biết, sư Huệ đến, và nhà sư đã  
lắng nghe hết mọi chuyện. Cảm thấy cần nói với dân làng,  
sư Huệ khoan thai:

— Thừa cùng bà con... Đất Côn Sơn chúng ta được vinh  
hạnh là quê hương của quan Thừa chỉ và các bậc trung liệt.  
Chúng ta nguyện suốt đời noi theo gương sáng tiền nhân,  
giữ bằng được khí tiết trung tín nhân nghĩa. Nay kẻ bạo  
nghịch lừa ngoài, dối trong, dùng manh tâm giết vua đoạt  
ngôi, việc làm đó không thể gọi là «nổi đại thống», không  
thề coi là «vì phúc ấm của trăm họ». Nhưng sự thề đã đảo



điền như vậy, một mình bản hạt ta với một nhóm dân đình cũng không cứu nguy nòi cho xã tắc !

Sư Nhuệ đưa mắt nhìn mọi người như dò xét rồi nói tiếp:

— Theo ý bần tăng, chúng ta hãy cùng nhau làm tờ trình đệ lên các bậc đại thần nói rõ gan ruột của chúng ta, đưa trước cho quan Thân tùy Lê Đàm xem qua. Lê vốn là người nghĩa khí, có tài thao lược, tuy không nắm vận mệnh bá quan nhưng vẫn là người tin dùng dưới trướng thân vương có thể nhìn xa thấy rộng, biết được cơ trời vận nước đề mách bảo cho chúng ta. Đến lúc cần phải ra tay thì gần xa, trên dưới một lòng, « nhất hô vạn ứng », bấy giờ dân Côn Sơn chúng ta sẽ cấp giáo đi đầu giành lại thịnh vượng cho nước tở. Bà con thấy thế nào ?

Gian nhà tranh bỗng huyền não hẳn lên. Những hàng chữ của tờ trình cứ như được soạn sẵn từ trước, lời theo lời tuôn ra. Ai cũng muốn cho văn khí bộc lộ được hết tâm huyết của mình. Đến tận cuối canh ba, văn bản mới thảo xong. Người chấp bút là Cao Nhuệ, còn người xướng đọc là cụ chủ quán. Tiếng rằng đọc lên cho bà con cùng nghe, cùng bàn nhưng xem chừng không có một ý nào phải sửa chữa. Cuối cùng những người có mặt trong cuộc họp nhất tề cử sư Nhuệ lên kinh sư gặp Lê Đàm. Sự chọn lựa ấy là chí phải. Bởi vì họ Cao là người tu hành, việc đi lại cũng dễ che mắt bọn gian nịnh. Mà đối với quan Thân tùy, trong lớp đồng môn, có lẽ Cao cũng là người tâm phúc nhất.

\*  
\*\*

Từ sau cuộc biến, cảnh vật ở kinh sư lạnh lùng như khoác màn tang. Sau buổi chiều, các quan ai ở nhà nấy. Đám cung nữ không dám lộ đầu ra khỏi hoàng cung. Phố xá đóng

cửa im im. Mấy quán nước cửa Đông xưa òn ã là thế mà giờ này chỉ thấy mấy cấm binh vũ khí lăm lăm lảng vảng tuần tra. Thịnh thoảng, một con ngựa trạm <sup>(1)</sup> tung bồm cuốn vó trên đường quốc lộ làm bốc lên một dải bụi mù, rồi tắt cả lại khuất vào im ắng.

Khó khăn lắm, Cao Nhuệ mới tìm ra được chỗ ở mới của phủ Bình Nguyên vương Lê Tư Thành. Thì ra, sau khi cướp ngôi Nhân Tôn, đề kiềng chế các thân vương, Nghi Dân tuy phong cho Lê Tư Thành làm Gia vương nhưng lại bắt Gia vương phải vào ở bên cạnh nội điện của mình. Lúc này triều chính nằm ở trong tay Phạm Đồn, Phan Ban. Các đại thần không ai muốn bước chân tới sân rồng. Buidi thiết triều đầu tiên vắng ngắt. Nghi Dân lo sợ cưỡng cưỡng. Y vội vàng cho tay chân đến tận nhà các quan Đinh Liệt, Nguyễn Xí, Lê Niệm... thuyết dụ, nhưng các quan đều thoái thác xin cáo châu. Đồn, Ban nổi giận tâu với Nghi Dân:

— Muốn tâu bệ hạ, chúng ta cần gì phải vờ bằng được mấy lão già ương bướng ấy mới trị được nước? Vua vững thì nước thịnh! Theo ý bọn ngu thần, bệ hạ cứ thẳng tay trị tội một lượt cho cái đám ngông nghênh kia không dám khinh nhờn và phải chịu uy của bệ hạ.

Sợ cả nước oán hận, Nghi Dân chưa dám đụng đến các bậc lão thần, nhưng cũng từ hôm ấy, y không vờ các quan cũ vào châu nữa. Được thế, bọn Đồn, Ban cùng bè lũ chia nhau nắm hết quyền hành, tự tiện lấy tiền trong ngân khố ra dùng, âm mưu trừng trị những người không ăn cánh với chúng. Bệ rồng trở thành nơi tụ hội của một bầy sói lang mới cũng không kém phần hung ác so với lũ đầu trâu mặt ngựa Tạ Thanh trước đây...

---

(1) Ngựa mang thư hoặc mệnh lệnh của vua, quan.

Sư Nhuệ tìm được vương phủ Lê Tư Thành thì trời đã về chiều. Khăn khăn mãi với hai người lính canh cổng, nhà sư mới được dẫn vào gặp Lê Đàm. Chỉ mới thoáng nghe tiếng, Lê Đàm đã vội vàng bỏ dở công việc, lật đật chạy ra đón tận hành lang.

– Cao huynh! Cao huynh! Sao anh thượng kinh mà không hề tin trước cho em hay? Em không kịp báo với anh chỗ ở mới, thật là có lỗi lớn. Ôi chao! Có phải vì mới đi đường xa hay vì ăn chay khổ hạnh mà trông anh võ vàng hơn lần gặp trước nhiều lắm? Thế cụ chủ quán và bà con anh em cũ ở bên Cồn Sơn vẫn được bình yên cả đấy chứ anh? Chà! Em và Anh Võ ở trên này nóng ruột và nhớ bà con dưới ấy biết chừng nào!

Chàng vừa nắm vạt áo cà sa hăm hở mời sư Nhuệ về tư thất vừa luôn miệng hỏi han làm cho nhà sư không khỏi bối rối cảm động. Khi hai anh em đã ngồi đối diện bên khay trà, sư Nhuệ mới khẽ hỏi Lê Đàm:

– Chú Lê, liệu chừng ở đây chúng ta có thể tự do bàn luận được không?

Lê Đàm cười vui vẻ:

– Anh cứ yên lòng. Bọn phản nghịch lúc này còn đang chuyên tâm vào những việc hệ trọng hơn ở nơi khác. Nhưng ở đâu chẳng tai vách mạch rừng, ta cứ nên đề phòng, nói vừa đủ nghe thôi.

Cao Nhuệ đòi giọng, thì thăm:

– Sau cuộc đại biến vừa rồi, dân tình khắp nơi nhao nhác. Kẻ sĩ thì nồn nóng, thấp thòm trông chờ... Tôi phải gác mõ xếp kinh bước ra khỏi nơi rừng xanh núi đỏ mà về đây. Sao tôi cảm thấy ở đây trầm lặng thật là khó chịu, thật là khó thở. Không hiểu ở bên trong, ý của Gia Vương và các bậc huân cụ, những bậc đồng triều, đồng



∴ nhà sư mới được dẫn vào gặp Lê Đàm.

liều xưa của Thầy ta ngẫm tính như thế nào? Tôi cho rằng đây là lúc rối ren nhất nhưng cũng là thời cơ có một không hai để báo ơn nước, trả nghĩa Thầy. Cách đây không lâu, người nghĩa khí chưa phải tốn một giọt máu mà tên nội quan Tạ Thanh rồi đến cả đờ nhà mụ ác phi Nguyễn Thị Anh đều đã bị trừ khử. Tuy nhiên Thầy ta chắc chưa thể ngậm cười được ở nơi chín suối. Ngôi thiên tử và lộc nước lại rơi vào tay một lũ thất đức, bất tài. Không nhân lúc này mà dẹp yên bọn chúng thì kỷ cương triều đình sẽ đổ nát, dân chúng rồi sẽ còn làm than gập bội, và những người thân thích còn sống sót của Thầy ta cùng với linh hồn ba họ nhà Thầy chưa biết đến đời nào mới được minh oan. Tôi trộm nghe Gia vương Lê Tư Thành là người nhân đức, thông tuệ khác thường, có bao giờ chú Lê nghĩ rằng con người ấy sẽ lên nối nghiệp tiên đế, cầm cương thiên hạ không?

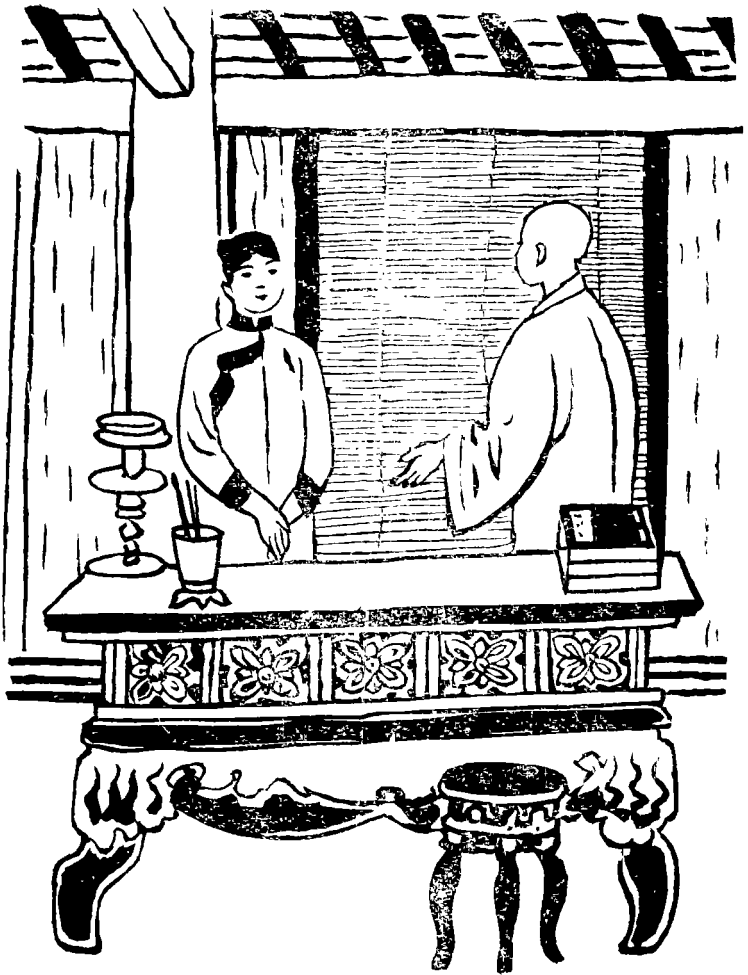
Lê Đàm cúi đầu chăm chú nghe không bỏ sót một lời. Hồi lâu mới ngẩng lên nhìn Cao Huệ, tỏ vẻ biết ơn và dè dặt đáp:

— Việc lớn, đề rồi em xin bàn kỹ với anh sau. Chỉ mừng là anh đến với em lúc này quả là một sự dun dủi đúng lúc...

Nhà sư gật đầu hiểu ý, nói lảng sang chuyện khác. Ngược nhìn quanh gian phòng xếp đầy sách, nhà sư đề ý thấy trên giá trước mặt có một cuốn sách gáy trông rất quen thuộc. Lại gần, Cao Huệ sững sốt reo lên:

— Ô... chú cũng dám chứa sách của Thầy cơ à? Cuốn «Quân trung từ mệnh tập» này, chú kiếm được ở đâu mà còn nguyên vẹn thế này?

— Đố anh biết đấy? — Rồi không đợi cho Cao Huệ phải hỏi thêm nữa, Lê Đàm bí mật khoe — : Chính Gia vương tìm thấy ở trong bí thư các, mang về bảo em giữ lấy mà đọc rồi có dịp bàn luận thêm với vương. Của quốc cấm,



— Chú cũng dám chứa sách của Thầy cơ à ?

nhưng nhận từ tay vương thì cũng không sợ. Mà điều này mới lạ nữa chứ anh Cao! Vương rất thích nghe thơ của Thầy. Hôm nọ em vờ ngẫu hứng đọc lên một đoạn bằng quơ trong bài *phú Chí Linh*, không ngờ vương cứ xoắn xuýt bắt em đọc cho nghe lần nữa và còn bảo em chép lại mà em chưa dám làm.

– Ở... văn chương của Thầy còn cảm hóa được quân địch nữa là người như Gia vương... Chính vì vậy, bao năm nay bọn đắc thế mới cấm ngặt lưu trữ các di cảo của Thầy như vậy. Tôi muốn nói thêm một điều nữa: Gia vương Lê Tư Thành là người có khí phách, nhưng tôi khuyên chú cần phải hết sức ý tứ trong khi nhắc đến văn từ của Thầy, kẻo cả lúc chỉ có một mình chú với Gia vương. – Lê Đàm vội thưa:

– Em xin lĩnh ý.

Cao Nhuệ lại hỏi sang việc học hành của Anh Võ và tin tức Phạm phu nhân ở Bồn Man.

Lê Đàm bùi ngùi nói:

– Cách đây không lâu, em được bác quản tượng báo cho biết phu nhân hồi này gầy sút, già yếu đi nhiều, nhưng khi nghe nói Anh Võ từ ngày về nước được vô sự và văn bài tấn tới, phu nhân mừng rơi nước mắt. Anh ạ, thường mỗi lần gửi thư sang bên đó, những chuyện buồn phiền, em đều giấu kín, thế mà phu nhân vẫn rõ chuyện bác Cao xấu số...

Nhà sư nên một tiếng thờ dài. Ngày ông già họ Cao tự tử trên thân cây mộc lan, vì không muốn dè cái chết của ông liên lụy đến những người thân thích, chôn cất ma chay cho ông xong, Lê Đàm mới tin cho sư Nhuệ; lúc nhà sư lai kinh thì cỏ trên mồ bá phụ đã bén rễ xanh ngọn. Cảnh ngộ Cao Nhuệ ai biết đến mà không xót xa ái ngại! Những bất

hạnh khủng khiếp kế tiếp nhau, tang cha <sup>(1)</sup> tang thầy, tang bác, như ba quả núi đau thương đè lên số mệnh. Ấy thế mà Cao ít khi lộ ra vẻ buồn nản. Cao thường tâm sự với Lê:

– Cho dù đi tu – trừ những kẻ trốn việc quan ở chùa – con người ai cũng phải chọn một mục đích cho cuộc sống của mình. Mục đích của tôi là mượn cửa Phật để suốt đời thấp sáng bó đuốc ĐẠI NHÂN ĐẠI NGHĨA của Thầy.

Vì mục đích ấy, Cao sẵn sàng chịu đựng mọi nỗi khổ riêng và tìm nguồn an ủi trong cuộc đời bằng những việc làm có ích. Đi gặp Lê Đàm lần này, ngoài cái trọng sự vì đại nghĩa của dân làng giao phó, nhà sư còn muốn biết tường tận về tình hình Anh Võ. Uống cạn tuần trà, Cao Nhuệ mới hỏi Lê Đàm:

– Thế việc nuôi giấu Anh Võ, bây giờ chú định liệu như thế nào? Tôi e vương phủ lúc này không phải là nơi dung thân cho con thầy học chúng ta...

Ngăn ngừa giây lát rồi Lê Đàm quả quyết:

– Nếu việc bại lộ thì Anh Võ dù ở đâu cũng nguy hiểm cả. Anh cứ yên tâm, ở đây không sao cả. Vì Gia vương rất tin em, từ lâu, vương và gia nhân chung quanh đều nghĩ rằng Võ và em là ruột thịt.

– Vâng thì tùy chú, tùy chú. Tôi biết không bao giờ chú phụ ơn thầy, phụ lòng ủy thác của anh em đồng môn, chỉ ngại chú bận, lỡ có khi..

Câu chuyện đang dở cuộc thì có lính hầu vào báo Gia vương Lê Tư Thành cho mời quan Thân tùy đến bình văn. Lê Đàm vội vã tạm biệt Cao Nhuệ.

\*  
\*\*

---

(1) Tức Cao Sư Đăng, người thợ sơn bị bêu đầu trong lúc xây tháp Báo Thiên.



Mặt trời chiều hè lặn từ lâu mà màu nắng nhạt vẫn còn vương trên các lùm cây. Từ xa, một luồng gió thổi về mát rượi, xua tan nhanh chóng khí oi bức của hồ Dâm Đàm. Thời tiết này, đầm này dễ được mùa cá, nhưng triều đình cấm ngặt thường dân không được phát tiếng động và ánh sáng ban đêm, nên không có bóng một chiếc thuyền chài buồng câu hay gõ nhịp. Trời sao chỉ chút không làm giảm bớt vẻ cô quạnh bí ẩn của không gian. Chung quanh vương phủ và dọc theo hoàng thành, từng tốp, từng tốp lính canh vác giáo đứng giới nghiêm như phỗng đá, mắt dăm dăm nhìn về khoảng tối xa xa... Tiếng đàn hát từ trong nội điện vọng ra nghe mơ hồ lạc điệu. Sư Nhuệ đi đi lại lại bên song cửa ngắm trời sao, lòng dạ cứ như gửi ở nơi đâu. Lê Đàm đi bình văn ở phủ Kinh Diên vẫn chưa về. Những dòng chữ tâm huyết của dân làng giấu kín trong tay áo cà sa lúc nào cũng như muốn bốc lửa... Tình cờ sư Nhuệ cao hứng ngâm :

*Bát nhân vô số nhà hào phú  
Của ấy nào ai từng được chầy (1).*

Chợt nhận ra mình sơ ý, nhà sư thở dài rồi im bặt. Nhưng lời văn của Thầy cứ làm sôi động tim gan :

*Làm người mà cậy khi quyền thế  
Có thuở bàn cờ tốt đuổi xe (2).*

Đến tận đầu canh hai, Lê Đàm trở về, thấy Cao Nhuệ vẫn còn thức đọc sách, đợi mình. Hai anh em đều giục nhau đi ngủ. Kỳ thực lúc đã tắt đèn lên giường nằm cạnh

---

(1) Báo kinh cảnh giới — thơ của Nguyễn Trãi.

(2) Trần tình — thơ của Nguyễn Trãi.

nhau, bấy giờ họ mới thò lộ những điều quan trọng. Càng nghe Lê Đàm nói, Cao Nhuệ càng vỡ lẽ. Nhà sư không đến nỗi phải thất vọng vì cái «trăm lạng thật là khó chịu, thật là khó thờ». Đó chỉ là cảm giác ban đầu. Ở đây – nơi đã từng chứng kiến bao cuộc phế hưng của bao nhiêu triều đại – cái trăm lạng đối với lịch sử và con người văn vật đất kinh sư là cái trăm lạng có ý nghĩa. Nhà sư muốn biết nhiều hơn nữa về Gia vương Lê Tư Thành...

Con người ấy có một đặc tính hiếm có, là hết sức ham học. Khác hẳn với những người anh em cùng cha khác mẹ, từ lúc lên bốn, lên năm, Thành đã nhớ nhập tâm nhiều bài thơ trắc vận. (1) Lớn lên, biết rõ cảnh ngộ mẹ con mình bị vua cha hắt hủi, Thành lại càng yêu mến sách. Trên đời, Thành chỉ tôn thờ hai thứ : Mẹ, và sách thánh hiền. Đã có người nói đến tai nguyên phi Nguyễn Thị Anh : «Lê Tư Thành tướng mạo trông khôi ngô, nhưng sự nghiệp sau này, bất quá cũng chỉ thành một ông văn quan là cùng. Đáng lý «con nhà tông, không giống lông, cũng giống cánh», đàng này chỉ ru rú bên mẹ và vùi đầu vào chõng sách, chẳng quan thiết gì đến chính sự, chẳng đoái hoài gì đến cảnh sống của một bậc vương giả!»

Bấy giờ Thành đã 14 tuổi. Nghe những lời đàm tiếu đó, nguyên phi Nguyễn Thị Anh lại mừng thầm trong bụng: bà đã thật sự an tâm cho rằng mẹ con Ngô Thị Ngọc Dao không có ý định nhòm ngó chiếc ngai vàng của vua Nhân Tông là đứa con ruột thịt của bà. Còn đối với Thành, ai bình phẩm mặc ai, vương vẫn cứ giữ nguyên nét cũ. Đúng là vương không ham đua ngựa, không thích rượu chè, không mê hát xướng, không muốn đàm luận về việc triều chính, nhưng chỉ một câu thơ hay cũng đủ làm vương mất ngủ, thao thức suốt đêm. Một buổi chiều, vương đang dạo gót trên lầu, vừa nghe lọt vào tai một giọng ngâm không

---

(1) Trắc vận : thơ vần trắc, khó thuộc.

hay nhưng tứ thơ đầy cảm khái, vương làm nhằm nhập tâm thuộc ngay. Đó là một bài thơ « bát cú » thể thủ vĩ ngâm (1):

*Góc thành Nam, lều một gian  
No nước uống, thiếu cơm ăn  
Con đòi trốn, dễ ai quyến  
Bầy ngựa gầy thiếu kẻ chăn  
Ao bờ hẹp hòi khôn thả cá  
Nhà quen xuế xóa ngại nuôi oản  
Triều quan chẳng phải, ăn chẳng phải  
Góc thành Nam, lều một gian.*

Vương chạy bỏ đi tìm thử xem ai vừa ngâm bài thơ đó. Xướng lâu, vương chỉ thấy người lính canh cửa quen thuộc. Té ra cái giọng ờ ờ kia là giọng anh này. Vương muốn nghe lại một lần nữa xem mình nhớ có đúng không, nhưng anh ta trả lời lau lấu bằng một câu hình như đã nhằm thuộc sẵn từ trước:

— Tôi đứng canh đối bụng, nghề ngao mấy câu cho khuấy khóa, cũng chả biết là thơ của ai làm và mình vô tình nhớ tự bao giờ. Xin Gia vương tin rằng tôi nói thật...

Lê Tư Thành cố gạn hai ba lần cũng vô ích, người lính một mực chối từ. Đến khi hỏi Lê Đàm, vương mới biết đó là thơ của Nguyễn Trãi được truyền tụng trong dân gian từ hồi giặc Minh còn chiếm đóng thành Đông Quan. Từ đó, hình ảnh Nguyễn Trãi thường lớn vồn trong đầu óc vương. Nhân một buổi được phép đến thăm vương mẫu Ngô Thị Ngọc Dao, Gia vương Lê Tư Thành đánh bạo hỏi:

— Thừa mẹ, ngày trước có bao giờ mẹ gặp Thừa chi Nguyễn Trãi không? Nghe nói ông ta thơ hay lắm, đến bây giờ những kẻ thất học cũng nhớ lâu lâu...

---

(1) Lối thơ 8 câu, câu đầu và câu cuối giống nhau.

Lời nói động đến một vết thương sâu trong lòng, Ngọc Dao lặng lẽ quay đi, giấu giọt nước mắt lăn trên gò má. Sợ hãi, vương vội quỳ xuống:

– Cúi xin mẹ tha tội cho con! Phải chăng con đã làm cho mẹ buồn phiền. Con hứa với mẹ sẽ không bao giờ nhắc đến kẻ đã giết cha con...

Ngọc Dao vội vàng đỡ con dậy. Bà lau khô nước mắt, định nói ra điều giấu kín từ lâu nhưng rồi bặm môi suy nghĩ, bà lại thôi. Bà lấy tay che mặt, ấp úng:

– Không! Không! Con của mẹ không có lỗi gì. Trong việc này chính mẹ mới là người có lỗi... có lỗi với cả... thiên hạ. Mà thôi... cũng đừng nên... đúng đấy con ạ... chưa phải lúc nhắc đến chuyện cũ. Sao hôm nay mẹ thấy chóng mặt thế này...

Lê Tư Thành xếp mọi chuyện, lật đật đỡ mẹ đi nằm. Suốt buổi, vương ở lại hầu hạ săn sóc, chờ cho mẫu thân thật sự bình tâm rồi mới dám ra về. Lòng vương đầy thắc mắc.

Từ sau khi lập được võ công hiền hách, rồi được tiến cử vào làm chức quan Thân tùy ở phủ Bình Nguyên vương, càng ngày Lê Đàm càng được Lê Tư Thành yêu mến vị nề. Nói đúng ra thì cả hai bên đều yêu lẫn nhau vì tài, vì nết. Họ đều là những người hiếu học, cương trực, thảo hiền. Họ đều có tâm hồn phóng khoáng, cao thượng. Từ chỗ tâm đắc với nhau trong thơ văn, họ càng xích lại gần nhau trong những cảm nghĩ về tài năng, về cuộc đời. Một hôm tại phủ Kinh Diên, nhân đọc lại những sách binh pháp của các triều vua trước, Bình Nguyên vương lựa lúc vắng người, bảo nhỏ quan Thân tùy:

– Ta vẫn phục ông có trí nhớ mãnh liệt. Ông sống đồng thời với Thừa chi Nguyễn Trãi, ông có thể đọc riêng cho ta nghe một vài đoạn thơ văn của Thừa chi nói về phép



*Lòng vương đầy thối mắc.*

trị dân, dựng nước được không? Ông đừng ngại, ở đây chỉ có ta với ông.

– Thưa Bình Nguyên vương, tôi sợ rằng những lời văn của kẻ mang tội phản nghịch khó lọt tai vương. Mà lỡ có ai nghe thấy đem chuyện thóc mách thì lại phiền cho cả vương và tôi. Còn thuộc thơ văn Nguyễn Trãi thì dân chúng thiếu gì người thuộc.

Bình Nguyên vương im lặng một lát rồi thở dài:

– Rủi cho ta, giá phải ta sinh ra đã là con nhà thường dân thì có phải ta biết được nhiều hơn không? Tiếc thay..

Lê Đàm chợt thấy khước mắt vị vương trẻ tuổi long lanh ướt ướt. Cảm kích trước tấm lòng ái mộ đó, Lê Đàm không nỡ đề cho vương phật lòng:

– Thưa Bình Nguyên vương... Nếu vương thề tất cho, Đàm này xin đọc hầu vương một đoạn trong bài phú Chí Linh vậy. – Rồi người đọc dằng dằng hắng lấy giọng:

*Nhiều hoạn nạn là nền dựng nước*

*Làm lo toan là gốc trị vì*

*Biển cỏ trải nhiều thì suy nghĩ sâu*

*Mọi việc lo trước thì thành công kỳ.*

Giọng đọc dù rất trầm, lời phú vẫn toát ra khí phách hào sảng làm âm vang cả phủ vắng. Vương sững sờ kêu lên:

– Trời ơi, ta như vừa được trông thấy đức Thái Tồ cao hoàng đế và các tiên vương thuở hàn vi, ăn cơm hầm, uống nước suối, đang ngồi trên tảng đá trong rừng sâu, chụm đầu nhau bàn việc nước. Ta lại trông thấy biển cả sóng cồn, bọt tung trắng xóa... lúc ta còn là cái thai trong bụng mẹ, mẹ ta đã từng phải ôm dạ quặn đau bên bờ cát trắng... Mà hình như vừa có tiếng voi lồng, ngựa hí đầu đây.. một rừng cung nô đang mai phục trong tim ta, chờ một lệnh

truyền và chỉ cần một lệnh truyền... khoan, hãy chờ đến lúc đó ba quân mới được xung trận. Trời ơi! Lời văn chân chất mà sắc hơn giáo gươm, mạch văn dĩnh đạc mà ý tứ sâu xa, bao quát. Sao con người ấy... quan Thân tày! Cờ nhân có dạy rằng «xem văn ắt biết người». Đúng như Trãi đã viết nên những lời văn này, có lẽ nào Trãi lại là quân phản nghịch, bất trung?

Nhìn thẳng vào mắt Lê Đàm, vương khàn khản:

– Quan Thân tày hãy nói cho ta nghe, muốn đọc văn thơ của Trãi thì ta tìm ở đâu? Trong bí thư các chi vền vền còn sót lại một cuốn «Quân trung từ mệnh tập»... Các di cáo khác thì đã bị bọn hoạn quan vô học đốt hết sạch rồi!

Lê Đàm nhác quanh tứ phía, chần chừ vì chưa tìm được câu trả lời thích hợp. Gian phòng phảng phất mùi trầm và mùi mực thơm mà hai người đều cảm thấy ghệt thờ. Bình Nguyên vương sốt ruột:

– Quan Thân tày còn sợ ta sao? Sống với ta bao năm rồi, ông chưa đủ hiểu lòng dạ của ta hay sao?

Lê Đàm không chủ động được nữa. Chàng quý xuống nắm lấy hai bàn tay vương:

– Tôi xin nhận tội chết vì mãi đến lúc này mới dám nói thật... Tôi... trước đây... là một môn sinh nhỏ bé của Thừa chi Nguyễn Trãi. Thấm nhuần đạo lý của những năm đèn sách, tôi cũng chỉ dám nhắc lại điều vương mới nói vừa rồi; tôi không thể tin rằng thầy học của tôi là một kẻ phản nghịch, bất trung. Dù có phải bỏ vào vạc dầu sôi hay quý trên bàn chông sắt, tôi cũng không quên được những áng văn bất hủ của Thầy.

Nói đến đây, hai hàng nước mắt Lê Đàm tự nhiên chan chứa.

Bình Nguyên vương cũng không nén nổi xúc động. Đỡ Lê Đàm đứng dậy, vương nói giọng run run:

– Không sao cả! Từ nay... ta càng hiểu nhau hơn...

... Qua lời trần thuật của Lê Đàm, Cao Nhuệ như vừa được soi tỏ hơn những nhận định của mình về Gia vương Lê Tư Thành. Nhưng Lê Đàm vẫn chưa dám động gì tới thái độ của vương đối với bọn phản loạn Nghi Dân. Nhà sư tìm cách gọi chuyện :

— Chú Lê này, Gia vương có biết thỉnh thoảng chú vẫn lui tới nhà các quan Á quận hậu <sup>(1)</sup> đó không ?

— Có chứ !

— Gia vương có hay hỏi han gì đến các vị ấy không ?

— Cũng chỉ là những lời hỏi thăm sức khỏe mà thôi.

— Thế các vị cụ thể có nhắc nhở gì đến Gia vương không ?

Lê Đàm nở một nụ cười thăm hóm hỉnh, tự nghĩ : « Cao huynh ghê thật ! Anh ấy đã dẫn ta đến mức phải nói... » Lê bấm vào cõ tay Cao ra hiệu :

— Sự việc đã xếp đặt đâu vào đấy cả rồi. Các đại thần đã bàn kín việc quyết định số phận bọn phản loạn, và nhắm vào... anh Cao đoán khá đấy, người cầm cương thiên hạ sẽ là Gia vương...

Lê Đàm còn nhớ như in và kể lại nguyên văn lời đàm nghị của các quan hôm ấy cho Cao Nhuệ nghe. Nghiêm khắc nhất là ý kiến tự chỉ trích của các quan Nội hầu Lê Nhân Khoái, Điện tiền Đô chỉ huy Nguyễn Đức Trung, Nhập nội đại hành khiển Lê Vĩnh Trường, Lê Yên, Lê Giải, như sau :

« ... Bọn chúng ta là bề tôi huân cụ, mắt trông thấy việc ấy, đáng phải chết theo với xã tắc thế mà lại ở dưới kẻ bội nghịch, đứng ở trong triều kẻ cướp ngôi giết vua, vậy là người tội nhân của muôn đời, còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở tuổi vàng nữa ? »

---

(1) *Chỉ Nguyễn Xi và Đinh Liệt là hai cụ thể nhà Lê đồng thời với Nguyễn Trãi.*



Cao Nhuệ hả lòng, hả dạ reo lên :

– Có thể chứ ! Có thể chứ ! Cả trời, đất, thần, người, trông vào các vị ấy, chẳng lẽ các vị ấy cứ bung tai bịt mắt ? Thế còn chú Lê, trong kế sách chuẩn bị và hành sự, chú được các đại thần giao nhiệm cho việc gì ?

– Em ấy à ? – Lê Đàm mim cười khiêm tốn – Lúc hữu sự, em sẽ nhận làm một tên quân vác giáo đi đầu, còn bình nhật thì vẫn đeo gươm quan Thân tùy nhưng thực chất lại là người lính trạm liên lạc giữa lực lượng dân chúng và nội diện chi huy bí mật của triều đình.

Cao Nhuệ sung sướng ngồi nhồm dậy :

– Vậy thấp đèn lên ngay ! Có tin liên lạc của dân chúng với nội diện chi huy của triều đình đây !

Cao Nhuệ nhanh nhẹn rút tờ trình ra khỏi tay áo. Dưới ánh sáng hồng, những hàng chữ giấy trắng mực đen hiện lên thành hình ảnh đoàn quân rùng rùng gươm giáo. Đó là những người nghĩa binh Côn Sơn, dẫn đầu là cụ chủ quán, đang tiến về phía kinh sư, và họ lại sẽ điểu qua lối Tràng An nơi mà cách đây gần hai chục năm trước trong bọn họ đã có người « gọi sương đội nắng chôn chân ở ngoài trời... mấy ngày đêm đề đòi nhà vua phải trả thi hài Nguyễn Trãi ». Hình ảnh hùng tráng này lại gọi cho Cao Nhuệ và Lê Đàm nhớ tới câu thơ của Thầy trong bài « Quan hải » :

*« Lật thuyền mới rõ dân như nước »...*

Sáng hôm sau, cơm nước xong, Lê Đàm cho gọi Anh Võ vào gặp sư Nhuệ. Đợi Anh Võ tới, Lê Đàm bèn ra ngoài đề hai người nói chuyện với nhau...

Anh Võ bây giờ đã là một thiếu niên dấp dề, trông ra dáng thư sinh dòng dõi. Hôm nay lên gặp khách quý, Võ mặc áo dài lụa màu tím nhạt, đầu chít khăn nhiễu tam giang, lại cài thêm chiếc bút lông bên vành tai, bước đi

khoan thai, nho nhã. Thoạt trông thấy Anh Võ, sư Huệ chợt dạ nghĩ thầm: «Chà! Gương trán và cái cằm... Chú bé càng lớn càng giống Thầy như tạc một khuôn!» Anh Võ chưa kịp vái chào, nhà sư đã chỉ chiếc ghế bên cạnh, bảo ngồi xuống và phá tan mọi ngăn cách bằng một câu mở đầu rất tự nhiên:

– Sống ở đây với anh Đàm và Bình Nguyên vương, em có thấy dễ chịu không?

– Dạ!

– Em vẫn được mọi người trong vương phủ yêu mến đấy chứ?

– Vâng...

– Lần trước ta lên viếng mộ bá phụ, <sup>(1)</sup> việc tang bối rồi không tiện gặp em. Nhưng khi bá phụ ta còn sống..., ờ... những năm ấy em cũng đã bắt đầu khôn lớn rồi..., chắc người đã có lần giảng giải cho em biết về tình nghĩa khăng khít giữa anh em chúng ta?

Anh Võ chớp chớp mắt cố moi óc nhớ lại những việc đã qua. Cho đến nay cũng chỉ mới biết sư Huệ là cháu ruột của ông già họ Cao và là bạn thân thiết của anh Đàm. Nào khi còn sống, có bao giờ thầy học mình hé răng nói một điều gì về người cháu đâu? Sao con người này lại nói là có tình anh em khăng khít với mình?

Anh Võ đang phân vân, lại nghe nhà sư giục:

– Đúng như thế, phải không em?

– Dạ...

Nhà sư cười lớn:

– Chú em của ta khá lắm. Ai hỏi gì cũng chỉ «dạ» với «vâng». Như vậy là kiệm ngôn <sup>(2)</sup>, chíu chẩn. Nhưng ta

---

(1) *Bá phụ*: anh của cha, gọi nôm là bác. Ở đây chỉ ông già họ Cao.

(2) *Kiểm ngôn*: ít lời.

muốn hỏi em câu này – nhà sư bỗng dõng giọng nghiêm trang – Anh Võ, có bao giờ em nghĩ về cha không?

«Trời! Tạo hóa đã sinh ra con người ta, có mẹ, phải có cha. Mình có phải gõ, đá đầu mà nhà sư lại đặt ra câu hỏi như thế?» Lòng tự ái trỗi dậy. Anh Võ dò bưng hai vành tai, nín thở trả lời:

– Tôi là một đứa bé mồ côi cha. Xin ông đừng chế giễu!

Cao Nhuệ đứng bật dậy, chấp hai tay trước ngực:

– Mồ Phật! Xin thề với Đức Như Lai... nếu con có ý chế giễu những người côi cút, cồ quả thì đừng bao giờ Phật tử cho con mở mắt nhìn thấy chúng sinh.

Anh Võ cũng đứng dậy làm theo:

– Tôi không biết thề, nhưng xin có lương tâm chứng giám: từ lúc biết làm người trông thấy trời đất là từ lúc tôi phải chịu đựng mối hoài nghi vô lý. Cuộc đời không ai chịu nói cho tôi biết cha tôi là ai? Nếu Người đã chết rồi thì cũng phải chỉ cho tôi nắm mồ Người an nghỉ, dề hàng năm đến tiết thanh minh, Người khỏi phải chịu cảnh khói lạnh, hương tàn chứ? Tại sao? Tại sao? Cả mẹ tôi, cả anh Đàm... – Anh Võ ngược nhìn lên về mặt hồi hận của nhà sư – và cả ông nữa..., các người đều giấu kín tông tích cha tôi? Tôi càng hiểu biết nhiều thì tôi càng thấy đời mình vô nghĩa. Mà tôi đâu có phải là kẻ bất hiếu, bất mục, vô thủy, vô chung... Các người tốn công, của cho tôi ăn học làm gì nữa...

Anh Võ càng nói giọng càng tấm tức, ai oán.

Nhìn gương mặt đau khổ của chàng thiếu niên cương trực, Cao Nhuệ như nhìn thấy hiện thân oan trái của người thầy tôn kính. Nhà sư lặng người đi, không làm chủ được mình nữa, lão đảo bước tới đặt tay lên đôi vai của Anh Võ đang run lên dưới làn ác lủa mỏng:

- Thôi được, đáng lý ta phải biết dẫn đo hơn nữa, và em cũng phải biết nhẫn nại hơn nữa. Hay ít ra ta cũng phải bàn bạc với anh Đàm trước. Nhưng nói cho cùng, những điều dù bí ẩn đến đâu, dù đau khổ đến đâu, đến một lúc nào đó con người cũng cần phải biết, biết đề chịu đựng, đề vượt qua, đề rồi lại tiếp tục chịu đựng và vượt qua những điều thử thách lớn lao hơn. Kinh Phật gọi đó là nổi khổ khôn cùng của kiếp trăm luân... Còn đạo lý của Thầy ta thì nói: đó là cuộc đấu sức giữa cái tà và cái chính, và cuối cùng cái chính phải thắng cái tà. A di đà Phật! Đạo của nhà Phật và đạo của Thầy, đều không có gì trái với đạo của trời đất!

- Ôi! Nhà sư... - lúc này Anh Võ đã trở lại bình tĩnh, nhưng giọng của em có vẻ chua chát, lạnh lùng - người nói những điều gì cao siêu quá, đầu óc kẻ tiều sinh này không tài nào hiểu nổi! Người hãy trả lời thẳng vào nỗi khát khao mong mỏi của đứa bé tội nghiệp này đi: Cha tôi là ai? Cha tôi là người như thế nào?

Bấy giờ Cao Nhuệ mới chịu nói thẳng:

- Cha em là thầy học của ta, thầy học của anh Lê Đàm. Người có nhiều đệ tử ở kinh sư, và hầu khắp mười lăm đạo trong cả nước. Cha em là người đã giúp đức Thái Tông Cao hoàng đế dấy nghiệp, là bậc đệ nhất khai quốc công thần của tiền triều. Cha em là... là quan Hành khiển Thừa chỉ Nguyễn Trãi Tri tam quán sự Gián nghị đại phu... Là người bị bọn xièm nịnh trong triều khép tội giết vua nên bị tru di ba họ, chỉ còn đề lại giọt máu duy nhất, là...

Nghe tới đó, Anh Võ chỉ kịp kêu lên mấy tiếng: «Cha! Cha ơi!» rồi gục đầu xuống mép án thư lặng ngắt...

Lê Đàm bước vào trông thấy cảnh ấy, biết ngay mọi chuyện. Chàng nhìn Cao Nhuệ có ý trách móc. Hồi lâu, Anh Võ mới

bật lên tiếng nức nở. Nhà sư ra hiệu cho Lê Đàm im lặng, rồi giả bộ bất bình, lên tiếng :

— Nước mắt! Ta đã nhìn thấy nước mắt chúng sinh chảy nhiều rồi. Thật là vô ích, thật là vô nghĩa! Nếu nước mắt mà làm thay đổi được số mệnh, rửa sạch hết oan khiên, hà tất phải đợi đến lúc này ta mới nói cho em rõ những điều bất hạnh? Nếu nước mắt mà làm cho máu ngừng chảy, đầu ngừng rơi, làm cho những kẻ bạo tàn độc ác tình ngộ, thì người tráng sĩ không còn phải mài gươm rèn chí, kẻ trượng phu không còn phải nằm gai nếm mật, và ta, Cao Nhuệ này, không còn phải khoác áo cà sa, giam hãm học vấn của mình nhiều năm trường trong am thanh động vắng! Ôi! Ta đã nhàm chướng, vì đã vội giải bày gan ruột của ta trước một tâm hồn yếu đuối! Không! Ta không thề nhàm được! Chẳng lẽ chàng thiếu niên đang ngồi trước mặt ta mang cốt cách khí tiết dòng máu anh hùng của thầy học ta, lại là một người làm cho ta thất vọng?

Những lời đánh thép đó như có sức kéo Anh Võ ra khỏi cơn ác mộng khủng khiếp. Võ nuốt nước mắt, ngẩng lên nhìn hai môn sinh của cha mình — cũng là những người anh thân thiết nhất — bằng cái nhìn rực lửa: -

— Vậy thì các anh bảo em phải làm gì bây giờ? Phải làm gì để trả thù cho cha em, cho nỗi oán ba họ?

— Khoan đã! — Cao Nhuệ lại trở lại giọng từ tốn bình thường — Trả thù? Trả thù kẻ nào? Những kẻ đầu têu chủ mưu giết cha em thì chúng đều đã bị quý thần trừng phạt. Tuy nhiên, phe cánh của chúng, những kẻ thâm độc bạo tàn như bọn chúng vẫn còn nhan nhản trong triều. Bọn này là kẻ thù không đội trời chung của dân lành. Chúng luôn luôn bày đặt ra những mưu chước đại gian đại ác để chống đối với **ĐẠI NHÂN ĐẠI NGHĨA** là cái chí lớn cao vòi vọi của Thầy ta. Nếu em biết nổi chí, nổi nghiệp cha, cố gắng dù mài kinh sử, đem tài đức ra thực hiện cái đạo lý cao cả

của cha, của Thầy ta, các anh nghĩ rằng, không những em trả được mỗi thù riêng, rửa được nỗi oan riêng cho cha, cho ba họ, mà còn rửa được mỗi thù chung cho muôn cuộc đời đau khổ, báo đền cho trăm họ mai sau.

Trong cuộc đời tu hành, đây là lần đầu tiên Cao Nhuệ nói nhiều đến thế. Không phải nhà sư thuyết pháp về đạo Phật, mà nói về những con người tôn sư trọng đạo, những người bạn đồng môn son sắt của mình, nói cho Anh Võ hiểu thấu cái lý sâu xa, cái đạo lý đã thấm sâu vào lòng dân, mạch đất – cái đạo lý :

*« Lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn  
Lấy chí nhân mà thay cường bạo »...*

*(Bình Ngô đại cáo)*

Ngày Anh Võ nhận ra nỗi đau lớn nhất cũng là ngày Võ được tiếp xúc với những tình cảm lớn lao về lẽ làm người, về tình yêu đất nước. Em tưởng như mình vừa bị rơi xuống một vực thẳm, lại từ đáy vực mà nhìa lên một bầu trời lung linh với những dải mây ngũ sắc, và kỳ lạ thay những dải mây ấy như đang sà xuống thấp và có một sức kỳ diệu, cuốn em ra khỏi lòng vực để cùng bay bổng lên khoảng thanh cao...

Chàng thiếu niên đau khổ ấy từ nay bước vào một cuộc sống đầy ý nghĩa. Chàng không còn là một chú bé mồ côi cha náu mình trong vương phủ, ngày đêm chỉ bán khoai vì chưa rõ gốc tích của đời mình. Chặt đứt những hoài nghi, tuyệt vọng, chàng quyết theo gót những bậc đàn anh, thực hiện cái chí lớn của người đã khuất. Ngay hôm ấy, Anh Võ đòi Lê Đàm cho phép chàng được đi Côn Sơn cùng Cao Nhuệ.

Những ngày ở Côn Sơn là những ngày Anh Võ cảm thấy tâm hồn thanh thoát nhất! Không có gì ràng buộc chàng.

Chàng không phải dè dặt giữ ý những khi ra vào, những khi ăn nói như cung cách trong phủ Bình Nguyên vương. Cảnh sống tĩnh mịch ở đây với sự Nhuệ khác hẳn với cảnh sống náo nhiệt ở chốn kinh sư. Chùa Tư Ân và núi rừng Côn Sơn là thế giới riêng của nhà sư. Nhà sư trân trọng nói cho Anh Võ hiểu từng di tích một. Nước suối, hoa rừng, mây trời, gió núi, cái kho thiên nhiên vô tận ấy từ xưa đã được chọn làm nơi di nhàn ăn dật của Nguyễn Trãi và các bậc tồ phụ, bây giờ và mãi mãi về sau này, lại trở thành nơi di dưỡng của những tâm hồn phóng khoáng. Hàng ngày, trên đường từ chùa đến nơi mộ phần của cha, đi dưới những rặng thông già cồ kính, Anh Võ không dám bước chân mạnh. Chàng sợ làm lay động giấc ngủ người quá cố. Chàng lắng nghe tiếng nước chảy, tiếng lá reo rì rào và lắng nghe cả hồn mình:

*Côn Sơn suối chảy rì rầm*

*Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.*

Lời thơ của cha lúc này như lời ru ngọt ngào gọi lại cho chàng những nỗi niềm quá khứ. Nhưng càng đi sâu vào quá khứ, chàng càng thấy cay đắng, xót xa. Tiếng suối chảy dâu còn là tiếng đàn cầm êm ái! Chàng nghe nó như tiếng than vãn hờn oán, như một lời trách móc, như một sự thúc giục trả thù... «Bọn chúng là kẻ thù không đội trời chung của dân lành. Chúng luôn luôn bày đặt ra những mưu chước đại gian, đại ác để chống đối với ĐẠI NHÂN ĐẠI NGHĨA là cái chí lớn cao vòi vọi của Thầy ta...»

Từ hôm được Cao Nhuệ cho biết sự thật về đời mình, Anh Võ suốt ngày đêm mơ tưởng đến cha. Chàng cố hình dung ra một nét mặt hiền từ, có vầng trán rộng, có cái nhìn yêu thương sâu thẳm, có chòm râu bạc như cước ẩn giấu một nụ cười độ lượng. Có lần chàng nắn nét vẽ thăm trên trang giấy trắng nét mặt mà chàng hằng tưởng tượng

Lần đó – mới mấy ngày trước tại chùa Tư Ân này thôi – Cao Nhuệ bắt gặp. Anh Võ lúng túng giữ lấy tờ giấy toan giấu đi, chú bé hay dấu nhà sư đã mang đến cho mình một nỗi mừng lớn bất ngờ. Thời còn mẹ con vua Nhân Tôn và bọn hoạn quan Tạ Thanh, ông già họ Cao – vì giữ trọn lời hứa với cháu ruột là Cao Nhuệ – đã hoàn công xong pho tượng Nguyễn Trãi. Sau khi biết bá phụ bị lâm nạn, Cao Nhuệ đã lặn mò về Lam kinh, tìm nơi giấu pho tượng rồi đưa về Côn Sơn giữ làm pháp bảo <sup>(1)</sup> chùa Tư Ân...

Qua những nét phác thảo còn non nớt của Anh Võ, Cao Nhuệ nhận thấy cái tranh có vẻ gì phảng phất giống khuôn mặt của thầy. Bất giác nhà sư bình luận:

– Mồ phật! Lòng ái mộ giúp con người hiểu được cái chân, cái thiện. Nhưng cũng phải có tài nghệ nữa, thì con người mới diễn tả đúng được cái chân, cái thiện ấy.

Rồi nhà sư dẫn Anh Võ đến trai phòng <sup>(2)</sup> của mình. Nhà sư mở then cài cửa sau, hai người bước theo những bậc đá thấp dần và đi xuống một chiếc am xây hình bán nguyệt, bên trong tối như bưng. Khi ngọn nến vừa được thắp lên, Anh Võ thấy hiện ra trước mắt mình hai pho tượng uy nghi ngồi đối diện nhau. <sup>(3)</sup> Linh tính báo cho em biết ngay pho tượng phía bên trái là... cha mình. Quan Thừa chỉ ngồi tựa lưng vào một chiếc kỷ có tay ngai, đầu đội mũ cánh chuồn, nét mặt trầm tĩnh, hai lòng bàn tay để giữa trên hai đầu gối; từ những chi tiết nhỏ đến hình khối toàn bộ toát ra một phong thái ung dung tự tại, một sự cân đối tuyệt mỹ. Anh Võ ngàng lên nhìn Cha. Pho tượng ngồi im phăng phắc... Bỗng những nét răn như bắt đầu nhú lại trên vầng trán rộng, đôi mắt dang mơ màng nhìn vào cõi

---

(1) *Vật quý của nhà chùa.*

(2) *Phòng riêng của người tu hành.*

(3) *Tượng Nguyễn Trãi và Trâu phu nhân.*



hư vô vụt trở nên sống động lạ thường. Đôi mắt như nhìn thấu cõi sâu thẳm của tâm hồn, đọc rõ từng ý nghĩ và có phép màu nhiệm làm sáng tỏ tất cả những điều u ẩn chứa chất bấy lâu...

Phút xúc động qua đi, Anh Võ trở về với thực tại. Chàng tỏ vẻ băn khoăn, hỏi nhà sư:

– Anh Cao, em không thể không biết tên tuổi người đã dùng tài nghệ thâm lặng của mình làm cho thân phụ em trở nên bất tử... là ai?

– Đó là một bậc thầy tạc tượng, người bác ruột xấu số của ta. Em cũng đừng nên nhắc đến nữa.

– Trời! Em muốn thầy học của em, ông già họ Cao ấy cũng trở nên bất tử. Tiếc rằng ba năm đèn sách bên thầy, em không học được những ngón tay tài nghệ đề ngày nay có thể khắc họa lại. Em biết lấy gì đề báo đáp thầy?

– Báo đáp ư? – Cao Nhụ lại lấy giọng từ tốn – Ta và anh Đàm chẳng đã có lần nói với em: trả thù cho cha không bằng nối chí, nối nghiệp cha; báo đáp cho một người sao bằng báo đền cho trăm họ. Em có biết lúc này trăm họ đang chờ mong gì ở những người quyết định vận nước hay không?

– ? ?

– Em có biết lúc này anh Lê Đàm và các bậc đại thần huân cụ đang phải chuẩn bị đề ứng phó với một tình thế gấp gáp như thế nào không?

– ? ?

– ... Và ngay kia, dưới chân núi này thôi, em có biết những người dân lành họ đang rục rịch kéo về kinh sư vào một ngày mà cả nước sẽ một phen sống mái với bọn phản loạn Nghi Dân đó không?

Giờ đây trên đường trở về chùa Tư Ân, đi dưới những rặng thông già cỗi kính, nghe tiếng suối chảy rì rầm hòa với

tiếng lá reo, Anh Võ lại tự mình lập lại những câu hỏi của nhà sư... Chàng lăm bằm: «Lạ thật! Hôm chia tay anh Lê Đàm về Côn Sơn với anh Cao Huệ, sao ta chưa thấy hé ra một điều gì? Trông phong cảnh núi sông vẫn êm ả thanh bình mà, cứ như anh Cao Huệ nói, có lẽ «đất bằng nổi sóng» đến nơi rồi chăng?»

Quả nhiên việc trọng đại đã tới. Nửa đêm hôm ấy, Cao Huệ đóng cửa động, bái biệt cảnh chùa. Nhà sư cùng Anh Võ xuống núi. Nghĩa binh Côn Sơn đã tề tựu cả ở trước nhà cụ chủ quán phía góc đa đầu làng. Đêm nay đoàn người sẽ trảy gập về kinh.



Cứ như một lệnh mà Lê Đàm đã ri tai trước với Cao Huệ thì vào giờ Thìn ngày mồng sáu tháng sáu sẽ khởi sự. Ngày hôm ấy là ngày Nghi Dân thiết triều làm lễ dâng quang, xong, ban yến hậu thưởng cho bọn có công lớn đã phò hấn lên ngai. Tên Giám ti và bọn Đồn, Ban tấp tênh sắp được mặc áo đai hồng dệt hoa kim tuyến tròn, đội mũ cao sơn, thắt đai thép bạc vào sân rồng đứng ngắt ngưỡng trước trăm quan. Cũng ngày hôm ấy ở kinh sư mở hội khánh thành dài kiềng lương. Các quan Điện tiền, Điện hậu sẽ thân hành bước lên dài đọc chúc hiền dụ dân chúng các trấn, lộ, châu, huyện hãy gắng sức đóng tăng thuế, nộp thêm lương cho nhà vua bù vào sự hao hụt của công khố. Đây lại là một dịp lư vua quan tìm cách bóp nặn, vơ vét dân lành. Chúng chỉ tin vào những điều quái gở, lo phải nhìn thấy sao Xuy Vũ (<sup>1</sup>) mọc là điềm trời oán mà chúng không hề nghĩ đến nỗi dân oán, không hề lo cho số phận của triệu người lam lũ đã phải bán vợ đợ con, nhin

---

(1) Sao Xuy Vũ giống như sao Chổi nhưng đuôi cong như lá cờ, tục gọi là sao cờ.

ăn, nhin mặc, ề cò ra gánh vác trăm thứ sưu dịch cho triều đình. Phải nhân cơ hội này vạch mặt bọn giả nhân giả nghĩa, và giúp thiên hạ đoạt lấy bát cơm manh áo...

Kế hoạch định trước là trong khi bộ chỉ huy nội diện lật đổ bè đảng Nghi Dân ở trong triều thì sẽ có hiệu lệnh đặc biệt báo cho bên ngoài biết. Nghĩa binh sau khi chiếm được các kho thóc, kho lương và kho vũ khí, đại bộ phận sẽ kéo đến bao vây khu hoàng cung chặn đường tiếp viện và đường rút lui của quân Nghi Dân. Số người còn lại được tuyển lựa kỹ càng, mặc đồng phục, đeo gươm trần, đứng túc trực ở cửa Đông, đợi lệnh sẽ đem kiệu theo các đại thần vào Gia đề<sup>(1)</sup> rước minh chủ<sup>(2)</sup> về lên ngôi. Những người nghĩa binh Côn Sơn được chỉ định dẫn đầu các cuộc hộ vệ, trợ chiến khi cần thiết...

Nhưng sắp đến ngày khởi sự thì Lê Đàm bị sa vào tay bọn gian quân. Tình thế hết sức bất lợi.

\*  
\*\*

Khác với thường lệ, sáng nay Gia vương Lê Tư Thành đã ngồi vào bên án thư đọc được hàng chục trang sách mà vẫn chưa thấy quan Thân tùy sang hầu. Vương nhìn qua song cửa... Những bông hoa mặt trời đỏ rực nở bùng tự bao giờ đang nghiêng cánh về hướng đông để rơi xuống thắm cỏ những giọt sương mai long lanh như ngọc. Vương lẳng lặng rời thư viện, dọc theo hành lang đi ra phía sau vườn. Ô! Con «hồng mao» của Lê Đàm không thấy ở trong tàu ngựa nữa! Quan Thân tùy đi đâu từ đêm hôm trước chưa về? Sách hay thì trong thư viện của vương phủ thiếu gì! Hay là... phải rồi, gần đây Lê Đàm thường hay

---

(1) Phủ đệ của Gia vương.

(2) Chỉ vào Gia vương Lê Tư Thành.

lui tới nhà các bậc huân cựu. Nhưng chẳng lẽ nói chuyện thâu đêm suốt sáng, bỏ vắng cả công đường, lại không hề xin phép ta một lời ? Vương bản khoằm quay gót trở vào... Vừa lúc đó gia nhân đến báo có tin «hoàng huynh» vờ vào chầu.

Cứ mỗi lần phải đi gặp người anh cùng cha khác mẹ, Gia vương Lê Tư Thành lại cảm thấy khó khăn lo lắng. Nghi Dân nói một đằng, làm một nẻo. Đôi mắt của y lim dim một cách gian hùng, bộ mặt dẹt trắng bệch phẳng lặng như một tờ giấy, lúc giận, lúc vui, khó mà ai đoán biết. Mờ miệng ra, một điều «vì tồ tông», hay một điều «vì máu mủ». Bỗng vì một cái ngại vàng, đã giết em là Bang Cơ dễ như trở bàn tay. Chẳng biết do kẻ nào mách lẻo, Nghi Dân mang máng biết Tư Thành thích sưu tầm thơ văn Nguyễn Trãi. Một lần – lúc Nghi Dân còn là Lạng Sơn vương đến tập bài bên phủ Kinh Diên – gặp Thành đang cúi húi trước giá sách cũ, y nói rất tự nhiên :

– Anh nghe người ta nói «Nguyễn Trãi viết thư, thảo hịch giỏi hơn hết một thời». Anh cũng đã nhọc công bới tìm kho sách cũ mà không hề thấy sót lại bút tích của Thừa chi – rồi y làm bộ khảng khái – giết xong Trãi, người ta đốt tuốt luốt mọi thứ. Hừm ! Văn tự là văn tự, có lưu lại cũng chỉ giấy trắng mực đen, sợ gì Trãi đội mồ sống dậy làm loạn một lần nữa cơ chứ ?

Lê Tư Thành nghĩ thầm : «Giấy trắng mực đen không làm sống lại người, nhưng có thể làm cho con người hiểu được lẽ sống, chết. Đó là thứ hùng văn, nó còn mạnh hơn gươm, giáo... » Tuy nhiên, biết không nên thực bụng với Nghi Dân, Gia vương trả lời quấy quá :

– Em còn trẻ người non dạ, thấy sách cũ, sách mới, đều ham đọc, tiếc rằng chưa am tường thư mục là bao ! Xin anh chỉ giáo thêm cho.

... Đến khi cướp được ngôi, quả thực có một hồi Nghi Dân chăm chú tìm đọc Nguyễn Trãi. Y hy vọng văn tài bậc lão

thần kiệt xuất ấy có thể biện hộ cho những hành động đen tối của y. Nhưng càng đọc, y càng thấy lương tâm bị tố giác, càng thấy cuộc đời không còn chỗ nào cho y bám víu :

*« Làm việc theo lối trị, thế nào cũng nên  
Làm việc theo lối loạn, thế nào cũng hỏng »*

*(Quán trung từ mệnh tập)*

Từ đấy y hoàn toàn chán ghét Nguyễn Trãi. Y xuống chiếu một lần nữa, cấm ngặt việc lưu trữ, lưu hành mọi di cáo của « kẻ loạn thần ». Lời chiếu lần này ghi rõ : « Nguyễn Trãi can tội bất trung. Kẻ bất trung làm sao có được giọng văn chính khí. Văn của Trãi còn tanh hôi hơn máu của Trãi. Vì vậy, từ quan chí dân kẻ nào còn chứa chấp, truyền bá văn thơ của Trãi là kẻ ấy rắp tâm làm loạn... »

Chi xét qua một việc làm ấy, Tư Thành cũng đủ thấu hiểu lòng người. Hôm nay Nghi Dân lại cho vùi vào cung giữa lúc Lê Đàm vắng nhà vô cố, vương cảm thấy lạnh ít, dữ nhiều. Sửa xong mũ áo, vương ra đi, lòng đầy tự lự. Tiếng là lâu nghiêm, diện cấm, nhưng chỉ có mấy bước chân là tới chỗ vua ở.

Tư Thành vào bệ kiến, thấy mẹ mình – nguyên phi Ngô Thị Ngọc Dao – đã ngồi đợi sẵn ở đấy tự bao giờ. Vương quay đầu về phía Nghi Dân chúc thọ « vạn tuế », rồi mới đến lạy tạ vương mẫu.

Từ ngày được ân xá trở về kinh sư, Ngọc Dao vẫn sống trong cảnh âm thầm của người quả phụ. Bà xin về ở chùa Huy Văn ngày đêm trông coi hương khói cho vua Thái Tôn và các tiên đế. Trải qua nhiều hoạn nạn tang tóc, cuộc đời nguyên phi của bà giấu kín những kỷ niệm tủi nhục, đau xót. Niềm an ủi duy nhất là một mụn con trai còn sống sót. Nhưng mỗi năm bà chỉ được gặp con hai lần: một lần vào ngày húy chông tức ngày giỗ vua Thái Tôn, và một lần vào

ngày sinh Tư Thành. Gặp nhau, mẹ con nói với nhau điều gì, quan lễ nghi đều biên chép cả vào sổ lưu của hoàng tộc, đề có dịp đệ trình lên hoàng thượng... Sự giám sát càng ngặt nghèo thì tình cảm càng nung nấu. Ngọc Dao theo dõi từng thay đổi rất nhỏ của con. Bà mừng thầm vì Tư Thành vừa có tư chất, vừa có hiếu hạnh. Chỉ qua cử chỉ của con, bà đoán biết Tư Thành giàu nghị lực, biết nén lòng thương mẹ đề trau dồi nghiệp lớn. Bà cũng thường đáp lại con trai bằng cử chỉ. Đến nỗi, đã thành thói quen, quan sát về mặt, ánh mắt bà, Tư Thành ngấm hiểu mẹ đang muốn nhắc nhở, căn dặn, hay ngăn cấm mình điều gì.

Lúc này đây, bà ngồi thân nhiên, kỳ thực bà đang nhăm tính cách đối đáp với Nghi Dân. Tên vua tàn bạo này vừa báo cho Ngọc Dao biết những điều bà không thể tưởng tượng được: Lê Đàm là dư đảng của Nguyễn Trãi, mới bị bắt bỏ ngục đêm hôm qua vì có âm mưu giết Tư Thành và lật đổ nhà vua mới...

Nghe tới đó, Ngọc Dao bủn rủn cả chân tay... Chao ôi! Ghe thay lũ bất nhân! Mười mấy năm trời ta chưa có dịp nói với con trai ta một lời về công ơn cứu tử của vợ chồng quan Thừa chỉ. Chưa có ai cùng ta gỡ cho ra mối oan vụ án Lê Chi viên thì nay Nghi Dân lại lấy dây oan cũ buộc thêm vào sổ phận mẹ con ta. Hẳn hạ ngục Lê Đàm hồng buộc tội con trai ta chứa chấp « dư đảng » của Nguyễn Trãi. Ôi! Hỡi hồn thiêng Thừa chỉ, xưa không nhờ có Người và Thị Lộ can ngăn lũ bạc ác, làm sao có được Gia vương Lê Tư Thành ngày nay? Ấy thế mà chúng dám bốc lửa bỏ tay người, vu cáo cho Lê Đàm – kẻ môn sinh nghĩa khí đối với Người, người thân tủy trung tín đối với con ta – rằng Đàm « đang có âm mưu giết Tư Thành... » Ta nghe điều đó lạ tai giống như chuyện trời sập vậy. Bằng có vào đâu? Bằng có vào đâu? Nghi Dân, mi tưởng ta là một mù đàn bà góa bụa, yếu đuối, mi định dùng ta đề lung lạc, ép buộc con trai ta, đưa

mẹ con ta vào cạm bẫy đó chăng? Đứng hòng! Đứng hòng!  
Rồi bọn mi thấy mẹ con Ngọc Dao này xử sự như thế nào?

Ngọc Dao điềm tĩnh và mĩa mai nói với Nghi Dân:

– Thật là ơn vạn bội! May nhờ có đức vua sớm hạ ngục kẻ manh tâm, chứ không thì Gia vương có lẽ bị thác oan rồi!  
Nhưng tôi vẫn còn phân vân lắm...

Nghi Dân lạnh lùng hỏi:

– Nguyên phi phân vân điều gì?

– Tôi muốn biết đầu đuôi, chứng cứ...

– Trăm đã nằm đây đủ chứng cứ rồi!

Một ánh mắt giận dữ vụt lóe lên, Ngọc Dao cứng cỏi thách thức:

– Nếu chứng cứ đã rõ ràng, còn đợi gì bề hạ không xử chém Lê Đàm, bêu đầu kẻ phản chủ, lừa vua cho điều tha quạ rìa...

– Ấy, ấy... – Nghi Dân lắc đầu cười khanh khách – việc nước không thể làm khuất tất như vậy được, còn phải đưa ra cho các quan đại thần và tòa hình viện nghị án nữa rồi đem hành hình mới công minh. Mà muốn làm như vậy, phải có những người cùng một ý với trăm, trước hết là hoàng đệ Tư Thành, người đã từng cấp lương, ban lộc cho Lê Đàm trong hàng chục năm nay.

– Xin bề hạ nhanh chóng cho biết đũa cọng, trai hiếu hạnh của tôi cần phải làm gì để dẹp lòng bề hạ?

– Chỉ cần... Gia vương ký một chữ, nhận làm một nhân chứng.

– Nhân chứng như thế nào?

– Nhân chứng xác nhận rằng đúng Lê Đàm là dư đảng của Thừa chi Nguyễn Trãi...

– Trời ơi! Tôi đẻ con ra, tôi hiểu con tôi hơn ai hết... Không bao giờ Gia vương lại chịu làm một việc hàm hồ đến như thế!

- Trẫm và Gia vương cùng tập văn trong phủ Kinh Diên đã bao năm tháng. Trẫm hiểu hoàng đệ phải biết chắc chắn điều trẫm đang cần biết hơn ai hết. Nguyên phi cứ chờ xem, lát nữa, lát nữa thôi mà!

Tư Thành bước vào... Ngọc Dao ý tứ mào đầu câu chuyện:

- Tư Thành con! Hoàng huynh đã cho gọi con sang, ắt có điều cần khuyên bảo. Đối với trong nhà là tình anh em, nhưng đối với phép nước là đạo vua tôi. Hoàng huynh hỏi điều gì, con phải tâu bày cho minh bạch, có thì nói có, không thì nói không, đừng vì yêu riêng, cũng đừng vì thù ghét mà bao che hay đặt điều cho kẻ khác. Con đã biết tin Than tùy Lê Đàm bị triều đình bắt bỏ ngục chưa?

-??

- Hoàng huynh bảo người đã nắm đầy đủ chứng cứ rồi đó! Mẹ trách con sao dùng kẻ thân tín lại không biết phòng thân? Đè xảy ra cơ sự này, há chẳng phải như cò nhân đã nói tự mình «nuôi ong tay áo» đó sao?

Khi đã nghe đủ biết tình hình, Tư Thành điềm tính nhìn mẹ rồi Nghi Dân, nói bằng một giọng quả quyết:

- Thưa hoàng huynh! Nếu em dám không hồ thẹn tự nhận mình là người trung tín, em cũng dám bảo lĩnh trước thân mẫu và hoàng huynh rằng Lê Đàm là kẻ vô tội. Thuở còn bình lữ, năm hàng nghìn sĩ tốt trong tay, thống lĩnh ngoài cõi, Đàm vẫn một dạ thờ vua cứu nước; lẽ nào lúc thái bình, tự nguyện về đeo gươm dưới trướng của em, vô cớ con người ấy lại sinh lòng phản trắc? Xin hoàng huynh xét lại xem những điều buộc tội cho Lê Đàm đã thực sự minh xác chưa?

Như nắm chắc phần thắng về mình, không buồn tranh cãi thêm một lời nào nữa, Nghi Dân lẳng lặng đặt lên tấm sập vàng trước mặt mọi người một quyển sách cũ.



Lê Tư Thành thốt lên:

– « Quân trung từ mệnh tập! » do Thừa chi Nguyễn Trãi vâng soạn...

– Mà triều đình đã cấm ngặt lưu hành. – Nghi Dân để thêm lời.

– Nhưng thừa hoàng huynh, hai anh em chúng ta đã cùng tình cờ tìm thấy quyển sách cũ đó ở « bí thư các », và chính hoàng huynh bảo em mang về mà đọc kia mà!

Tên bạo chúa không hề biết xấu hổ. Hắn tìm lời buộc tội:

– Ta bảo hoàng đệ mang về đọc để ngăn nghĩ sâu thêm lời văn độc địa của kẻ đã giết hại cha ta! Nào ta có xui hoàng đệ đưa cho Lê Đàm xem để hắn tán thưởng từng câu, từng chữ, mượn cớ khen văn « loạn thần », rồi âm mưu làm loạn đâu! Quan Ngự sử đài đâu?

– Dạ... ạ ạ! Muôn tâu bệ hạ... – Tên Giám ti mới được thăng chức Ngự sử đài, đứng nép kín ở đâu bây giờ mới thấy lộ ra bộ mặt béo ị.

– Người hãy lời cò kẻ làm chứng ra đây cho mẹ con Thành đừng già mòn bào chữa nữa.

– Dạ... ạ ạ!

... Kẻ được gọi làm chứng mặt xanh như chàm đỏ, hết lấm lét nhìn Tư Thành lại ngượng nghịu nhòm trộm nguyên phi Ngọc Dao. Hắn không phải kẻ nào xa lạ mà chính là tên lính canh công ở phủ Bình Nguyên vương. Nhìn thấy hắn, Tư Thành giận sôi máu. Thì ra. . Nghi Dân và bọn gian nịnh từ lâu vẫn rắp tâm theo dõi hành vi của ta và Lê Đàm. Bọn chúng bày kế cho tên lính canh giả nghêu ngao ngâm bài thơ « Vô đề » của Nguyễn Trãi để dò la thái độ Tư Thành này và biết đâu... Không, không còn nghi ngờ gì nữa cả, chắc chắn cũng tên lính canh này đã làm nội gián, thám báo hết mọi chuyện giữa ta và Thân tùy, giữa ta và Cao Nhuệ những đêm cùng nhau tâm tình bên án sách...

Vốn bản tính cao thượng, không quen đối phó với những mưu mách gian xảo ấy, lại gặp phải sự mai phục bất ngờ, Gia vương Lê Tư Thành khí uất lộ ra sắc mặt. Vương định xỉ vả một hồi cho bõ tức, nhưng bất gặp cái nhìn của mẹ – cái nhìn như nhắc nhở: « Tư Thành con! Con là người có học vấn, mẹ không muốn con xử sự như những kẻ thất phu. Dù gặp lẽ bất bình, con phải suy luận sáng suốt, đối đáp cho thông minh... » – Vương liền trấn tĩnh lại. Phải! Vì chưa đủ bằng cứ, bọn Nghi Dân chưa dám kết tội quan Thân tùy của ta. Hôm nay chúng định dùng cách ép ường, dọa nạt... mượn tay Gia vương này trừ khử Lê Đàm trước, sau đó mới truy bức đến mẹ con ta. Chúng thâm hiểm lắm! Còn gì là tình anh - em, tình vua - tôi nữa. Nhưng, ta không thêm đối chất với tên lính canh hèn mọn, không thêm nhiều lời với Nghi Dân.

Wương tỏ vẻ lơ đãng và bản khoản đi đến trước cỗ sập vàng, cầm lấy quyển « Quân trung từ mệnh tập ». Vương nói với sách như nói với người thân:

– Sách ơi! Ta chẳng trách ai viết nên người, chẳng trách ai trông giữ người, cũng chẳng trách ai vờ vập hay lẩn tránh người. Ta chỉ trách ta ngây thơ nhẹ dạ! Hoàng huynh ta đã có lần bảo ta rằng « văn tự là văn tự, có lưu lại cũng chỉ giấy trắng mực đen, sợ gì Trãi đội mồ sống dậy làm loạn một lần nữa », cho nên ta mới mang người từ « bí thư các » về vương phủ. Quan Thân tùy của ta thấy người nằm lẩn lóc trên án thư, vui miệng cùng ta bình luận về người. Việc đó ta cũng coi tự nhiên như việc ta nghe tên lính canh vô học kia ngâm bài thơ xa lạ... Ta có ngờ đâu, sách ơi, chính người lại là nguyên cớ gieo tai họa cho Lê Đàm, gây phiền lụy cho mẫu thân ta, làm cho tình huynh đệ của ta nổi cơn sóng gió...

Nghe những lời bóng bầy đó, nguyên phi Ngọc Dao rất mát gan mát ruột. Tên lính canh thì im thin thít. Ngự sử

dài chạy tọt vào sau ngai. Còn Nghi Dân, bộ mặt vốn trắng bệch bây giờ nom lu xù như tờ giấy bị nhúng ướt. Nhưng hắn vẫn cố trang tráo bào chữa:

— Hoàng đệ nhớ sai rồi... Chưa bao giờ, chưa bao giờ... trăm... phán truyền như vậy cả. Chẳng thế, trăm đã xuống chiếu cấm lưu trữ, truyền bá thơ văn của Trai! (Từ đây Nghi Dân đổi giọng) Cả nước đều y lệnh trăm, duy có Lê Đàm và người... Gia vương Lê Tư Thành! Rồi liệu mẹ con người có được thoát tội mà bênh vực cho Lê Đàm hay không? Ta sẽ đưa việc này ra tòa hình viện. Có nhân chứng hay vô nhân chứng, tòa hình viện cũng phải xử theo ý của ta. Ý của ta là ý của hoàng đế Nghi Dân! Không có tiên liệt nào, không có đại thần nào, không có hoàng thân, hoàng thích nào vượt lên trên ý ta được. Mẹ con người phải nhớ lấy điều đó...

Một kẻ đắc thế bạo ngược, lăng loàn đến như thế, có lấy tình nghĩa khuyên can hay năn ni hắn, cũng bằng vô ích! Hai mẹ con Gia vương nhìn nhau như ngậm bảo hiệu cho nhau biết: phải vững vàng, tinh táo hơn nữa. Nghi Dân nói một đằng, làm một nẻo. Dừng nao núng trước những lời dọa nạt của hắn.

\*  
\*\*

Vừa ở nhà quan Kiểm hiệu quân quốc Lê Lăng về, Á quận hầu Đinh Liệt đã nghe gia nhân báo cho biết có một nhà sư đến từ lâu chờ xin yết kiến. Hầu xem qua danh thiếp, không kịp nghĩ ngơi thay mũ áo, vội vàng đi thẳng vào nhà sảnh.

— Xin chào tướng công!

— Chào nghĩa hữu!

Chắc hai bên đã biết nhau từ trước và coi nhau thân tín lắm nên vừa gặp mặt khách, Á quận hầu đã nhỏ to thò lộ ngay :

— Tất cả sẵn sàng rồi, chỉ còn chờ nghĩa hữu mang tin sốt dẻo về..

Đình Liệt vẫn quen gọi các bạn đồng tâm của mình bằng cái tên đầy tin yêu : nghĩa hữu. Nghĩa hữu đang ngồi đối diện với hầu lại là nhà sư Cao Nhuệ, môn sinh của Nguyễn Trãi, người bạn đồng liêu oan khuất mà hầu hằng kính phục và suốt đời không người thương tiếc. Cách đây mấy hôm, khi vừa đặt chân trở lại kinh sư, biết tin dữ về Lê Đàm, Cao Nhuệ liền tức tốc tìm đến lầu chỉ huy nội điện. Hôm ấy tại, nghị sở bí mật, cũng Á quận hầu Đình Liệt đã giảng giải cho Cao Nhuệ thấy trước hướng đối phó với tình hình mới.

— Như vậy... qua tên lính canh công ở phủ Gia vương, bè đảng Nghi Dân đã đánh hơi thấy chủ trương của ta. Chúng âm mưu cho kẻ gian chằng dây dào hồ rình Lê Đàm một buổi chàng đi thăm các nghĩa hữu về khuya, thỉnh lĩnh bắt sống cả người lẫn ngựa. Tuy nhiên, hạ ngục Lê Đàm, chúng không bắt được chàng cung khai nửa lời. Dù dõ, dọa nạt mẹ con Gia vương, chúng không moi được thêm bằng chứng gì. Thế tất chúng còn xoay sở bàn mưu tính kế, nhưng chắc chắn bọn Nghi Dân chưa đoán biết nổi binh tình lực lượng và kế hoạch hành động của ta. Cho nên phương sách tốt nhất vẫn là ta cứ xưng nghĩa khởi sự vào đúng ngày, giờ như cũ, để bọn chúng trở tay không kịp. Chỉ e rằng Lê Đàm bị nhốt kín trong ngục thất, có thể phán đoán khác tâm ý của ta, lỡ khi hỏng việc ! Giá có ai tìm cách liên lạc được với quan Thân tùy...

Việc ấy Cao Nhuệ đã tính đến, nhưng muốn liên lạc với Lê Đàm ở trong ngục, phải qua chín vòng diêm canh, chín lần xét nhân dạng, cũng khó khăn như việc nói chuyện với người trên cung trăng vậy. Bỗng nhớ tới lời thầy năm xưa

«Người nghĩa sĩ lúc lâm nạn, dầu cùng đường không chịu bó tay». Cao tự thấy lòng thêm tin tưởng..

Lúc này biết Á quận hầu đang mong đợi mình, nhà sư mừng rỡ báo tin :

— Thừa tướng công, có lẽ vận nước đến nơi rồi nên nhiều sự xoay vần tốt, thuận kỳ lạ lắm! Nhờ cụ chủ quán dò tìm manh mối, không ngờ người coi ngục lại là con trai viên xã trưởng thôn Đoài ở Sơn Nam. Bố y vốn người nghĩa khí, đã có lần lập mưu cứu thoát Phạm phu nhân trong chuyến đi Bồn Man, do đó rất có cảm tình với Lê Đàm. Lần này ông ta cũng mang quân tải thóc về dự hội kiếm lương ở kinh sư. Biết rõ sự tình, ông ta đã vui lòng đảm nhận, tìm cách thuyết phục con trai giải thoát cho...

— Nếu con ông ta không ưng thuận, sự việc bại lộ thì sao? — Á quận hầu hỏi dồn dập tỏ vẻ lo lắng. "

— Thừa tướng công, đâu vào đấy cả rồi, chắc người có thể yên lòng...

Nhà sư mỉm cười lấy ra một phong thư nhỏ giấu kín dưới nếp áo cà sa, cung kính trao tay cho Đinh Liệt.

Á quận hầu giờ ra thấy ghi văn tắt: «Kế hoạch xin cứ tiến hành như cũ. Nghe hiệu lệnh chung, tức khắc nạn hữu (1) sẽ có mặt ở nơi đã định. Chúc vạn sự thành công».

Ở góc bên trái phía dưới lá thư, điền thêm: «Lê Đàm báí bút». Á quận hầu rạng rỡ gương mặt, nhưng liền đó lại tỏ vẻ băn khoăn:

— Nghĩa hữu này, sáng nay Á quận hầu Nguyễn Xí hội kiến ở nhà Quân quốc Lê Lăng đều chột nghĩ trùng một ý với nhau rằng: Nghi Dân là tên trí xảo gian hùng, biết đâu trước ngày thiết triều làm lễ dâng quang, hắn chẳng mặt sai tay chân thủ tiêu Lê Đàm? Rất có thể xảy ra như thế lắm chứ, nhất là Nghi Dân vừa bị mẹ con Gia vương lam cho một mẻ xấu mặt!

---

(1) Nạn hữu : người bạn tù.

Cao Nhuệ liền đứng dậy ghé sát vào tai Đinh Liệt thì thầm :

— Bọn Nghi Dân sẽ không dám liều lĩnh đến như vậy, nếu chúng ta... Xin Á quận hầu cứ cho làm như thế, như thế...

Sáng sớm hôm sau, dân chúng mấy phố quanh hoàng cung mới thức dậy đã nghe ngửa binh ngoài dường tùm năm, tùm ba bàn tán về cái tin «Thân tỳ Lê Đàm bị hoàng thượng xử trảm, bêu đầu ở cửa phủ Gia vương vì can tội đọc trộm văn thơ quốc cấm».

Chẳng mấy chốc, tin đó truyền lan đi nhiều ngả... Kè sĩ và những người hiếu kỳ lại ùn ùn kéo về mạn Tràng An đông nghịt như hồi nào triều đình hành hình Nguyễn Trãi. Người ta xì xào. Người ta khóc lóc. Người ta la hét inh ỏi. Thật là đại gian ác! Thật là đại bất công! Chỉ can tội ấy thôi mà nhà vua nỡ bêu đầu một con người từng có công đánh đông dẹp bắc thì còn gì là nhân luân nữa!

Những tin đồn ấy được phao lên do mưu kế của nhà sư Cao Nhuệ. Thực ra ở phủ đệ Tư Thành vẫn như mọi ngày, không có hiện tượng gì khác lạ. Lê Đàm vẫn nhẫn nại đeo gông, mang cùm ngồi trong ngục thất. Tin đến tai Nghi Dân. Y thất kinh! Cố nhiên mới lên ngôi, dù có muốn thủ tiêu Lê Đàm, lúc này y cũng phải tự «thủ tiêu» ý nghĩ của y đi đã. Nghi Dân vội sai quân dân tờ cáo thị to bằng chiếc chiếu ở ngay cửa phủ Gia vương:

«Đến sáng ngày mồng sáu tháng sáu này, hoàng đế mới ngự tọa nghe triều thần nghị án tội trạng Lê Đàm. Hiện nay Thân tỳ Lê Đàm vẫn còn nguyên vẹn tính mạng. Cáo thị cấm ngặt mọi người không được phao tin đồn nhảm và không được tụ hội làm huyền não trước công môn...»

Ngày mồng sáu, Nghi Dân dời lễ đăng quang thành buổi nghị triều xử án Lê Đàm. Gia vương, vì liên can không được mời tới tham nghị. Á quận hầu Nguyễn Xí, Á quận hầu Đinh Liệt, cùng các quan đại thần như Quân quốc Lê Lăng, Tư mã Lê Niệm, Ngự tiền hậu quân Lê Nhân Thuận, Tổng tri

trung quân Lê Nhân Khoái, Thiết đột tả quân Nguyễn Yên. Nhập nội Hành khiển Lê Vĩnh Trường... đều có mặt đông đủ.

Nghi Dân mặc áo rồng ngồi chễm chệ trên ngai. Phía sau vua, lấp ló Ngự sử đài và đội quân túc vệ của hoàng gia. Tả, hữu có Phạm Đồn, Phan Ban, cùng vây quanh là mấy chục võ quan khí giới tùy thân, nai nịt gọn gàng.

Tiếng hô « Hoàng thượng vạn tuế » từ miệng bọn gian thần gào lên toang toác rồi lại dội lên liên tiếp ba lần làm rung chuyển cả chân ngai. Nghi Dân ngã ngựa tấmlưng ngăn ngụt về phía sau, dang còn lim dim đôi mắt tận hưởng dư vang của một thứ khoái lạc kiêu hãnh như nghe một thứ men nồng râm ran chạy khắp cơ thể, thì Ngự sử đài quan trịnh trọng bước ra trước triều thần, quỳ xuống, xướng đọc nghị định tòa hình viện và tờ cung của tên « phản quốc » Lê Đàm. Toàn là những lời vu cáo ! Toàn là những chứng cứ vu vơ ! Thế mà khi quyết án, hàng trăm cái lưỡi thuộc bè đảng Nghi Dân đều đồng thanh « chém ! », « chém ! »

Các đại thần huân cự đã dạn nhau khi vào cuộc, đề cho Á quận hầu Nguyễn Xí « nò » trước.

Nguyễn Xí bắt đầu đồng dục nói lớn : — Chúng thần kháng nghị bản án Lê Đàm !

Nghi Dân dướn mình ngồi thẳng dậy. Bọn gian nịnh nhấp nhòm chưa kịp múa môi thì Á quận hầu Đinh Liệt lại lên tiếng tiếp theo :

— Bản án không minh bạch ! Xin cho diệu Lê Đàm và nhân chứng ra đối chất.

Các vị đại thần khác liền nhất tề nhắc lại :

— Cứ cho diệu Lê Đàm và nhân chứng ra đối chất công khai ! — Ngự sử dài lúng túng. Phạm Đồn, Phan Ban nói nhỏ vào tai Nghi Dân :

— Nếu ra đối chất với Lê Đàm, tên lính canh ở vương phủ sẽ bị núng thế. Bệ hạ nên bác lời nghị vừa rồi đi !



— Chúng thần kháng nghị bản án Lê Đam!



Không cần ngẫm nghĩ, Nghi Dân phán truyền luôn :

— Trăm bác lời nghị của Á quận hầu Đinh Liệt và những lời nghị tương tự.

Nguyễn Xí đứng phất dậy :

— Thưa các bậc đại thần huân cựu, ý kiến của chúng ta không được đếm xỉa đến, chúng ta còn ngồi đây làm gì nữa !

Tức thì phía đại thần — trừ có Tổng tri trung quân Lê Nhân Khoái và Thiết đột tả quân Nguyễn Yên là còn ở nán lại theo kế đã bàn —, tất cả gần năm mươi vị rũ áo lục tục kéo nhau sang Nghị sự đường.

Đội quân túc vệ và bọn võ quan ngờ ngác nhìn nhau. Cửa đáng tội, bàn tay bọn chúng vẫn nắm chặt đốc kiếm, nhưng đầu gối đã bắt đầu run run. Trước mắt chúng toàn là những vị lão tướng lừng danh thao lược, có máu sát nhân đến như hoàng thượng còn phải gờm nữa là...

Những người còn lại nhón nhác... Thế này thì triều nghị còn ra thề thống gì nữa ! Nghi Dân giận tái mặt, nhảy xò từ trên ngai xuống. Đồn, Ban vội lấy chiến bào khoác cho nhà vua, rồi át cả quyền vua, chúng tự cầm lấy nghị trượng hồ lớn :

— Có biến ! Có biến ! Ngự lệnh : bao vây Nghị sự đường, rấp lối cửa Sùng Vũ không cho một tên phản loạn nào chạy thoát !

Nhưng... muộn mất rồi ! Ba tiếng pháo lệnh nổ vang xé vòm không khí... Bè lũ Nghi Dân chưa kịp xung trận thì đã nghe tiếng hò reo dậy đất. Nghĩa binh theo lối cửa Sùng Vũ tràn vào như nước cuốn, rồi nhanh chóng đổ đi nhiều ngả bao vây lấy hoàng cung. Đồn, Ban liền ra lệnh đóng kín tất cả các cửa chính, phụ. Bọn vua tôi Nghi Dân lấy kế bảo mạng làm thượng sách. « Thành trì này xây bằng đá tảng, mỗi phiến nặng tới ngàn cân. Giá có cho đàn voi trận đi bên trên cũng không lún móng, trái lại, con

kiến bò cũng khó lọt. Sợ gì dám giặc cỏ ấy nhí nhỏ vành ngoài ! Cứ đề cho Nguyễn Xi, Đinh Liệt... đốc cạn lương ra cho quân ăn, chúng bao vây bảy ngày, bảy đêm - nửa tháng đi chẳng nữa - cuối cùng không làm gì được rồi cũng phải kiệt sức. Bảy giờ ta mới phản công ». Nghe Đồn, Ban phác tâu như vậy, Nghi Dân thấy êm tai. Y lại bắt đầu trấn an bọn quần thần bị giam bằng những lời khoác lác :

- Trẫm xem ra trong số các khanh ngồi đây có nhiều kẻ còn yếu bóng vía hơn cả đàn bà. Thời kỳ trẫm chưa thu phục được giang sơn, có những lúc còn nguy khốn gấp trăm, gấp nghìn lần thế này. Những lúc đó - các khanh biết thế nào không ? - trẫm đều dùng mưu cao trí cả đề...

Đ ó ó ó p p... Đ... o..., à... a... ng !

Bỗng hai tiếng nổ bất ngờ đình tai, tung khói ra mù mịt, không trông thấy gì nữa ; Nghi Dân không kịp ngậm miệng, thu mình chui vào gầm ngai. Ngự sử dài yếu bóng vía thật, lăn đùng ngay ra giữa sân rồng. Bọn Đồn, Ban và quan quân thì cứ nguyên cả mũ áo choáng choàng nằm chổng lên nhau...

Tồng tri trung quân Lê Nhân Khoái và Thiết đột tả quân Nguyễn Yên là những nghĩa hũu vừa gây ra hai tiếng nổ ấy. Có gì đâu ! Chỉ là những quả pháo hơi làm bằng vỏ chai, bên trong lèn diêm sinh thật chặt... Đó là mưu kế dùng hỏa mù để tạo cơ hội cho nghĩa binh bên ngoài trèo lên nóc long cung dỡ mái rồi thả thang dây leo xuống... Khi màn khói đen dày đặc vừa tan, quần thần mở mắt ra, ôi chao ! Họ chứng kiến một cảnh tượng mới còn trăm lần sùng sốt hơn : Lê Đàm hiện ra như « xuất quý nhập thần », đầu đội mũ kim khôi, tay cầm thiết lĩnh dài hai trượng đứng hiên ngang đối diện với trăm quan ; cách đấy không đầy một bước. Phạm Đồn, Phan Ban nằm chết gí. Hai tên đều bị trói nghiêng quay lưng áp giò vào nhau, mồm tọng đầy giẻ rách tự bao

giờ... Số là đang ở trong ngục, nghe ba tiếng pháo lệnh, Lê Đàm vùng dậy giắt tung gông xiềng – thực ra những thứ này lâu nay chỉ gá hờ vào thân thể. Người coi ngục giúp Lê Đàm vượt qua chín vòng điểm canh, trả quan Thân tù về với tự do. Bên ngoài, Cao Nhuệ, Anh Võ và một toán nghĩa binh Côn Sơn đã đứng trực sẵn. Lê Đàm chỉ kịp nói với Anh Võ :

– Em về ngay khu vực cũ cùng bà con chuẩn bị lễ rước Gia vương...

Rồi chàng lĩnh nhận mũ áo, binh khí cùng Cao Nhuệ, dẫn nghĩa binh đi gặp Á quận hầu Nguyễn Xí và Đinh Liệt ở cửa Tây-cung. Đến đây, nghe hai tiếng nổ từ bên trong vọng ra, biết là hai tướng Lê Nhân Khoái và Nguyễn Yên đã bắt đầu tung hỏa mù. Không hề chậm trễ một khắc – bằng đường thang dây – các Á quận hầu và Lê Đàm nhanh chóng đột nhập long cung, phá tan « kế bảo mạng » của bè đảng Nghi Dân.

Trước cảnh tượng kinh hoàng ấy, vua tôi Nghi Dân chưa kịp hoàn hồn, đã nghe giọng oang oang quen thuộc như chuông đồng của Nguyễn Xí nổi lên :

– Các ngươi có chạy đằng trời cũng không thoát! Trên nóc, dưới sân, ngoài thành, trong cung, đâu đâu cũng đã có quân ta cả. Khôn hồn thì quy hàng ngay lập tức, bằng không cứ trông kia. – Á quận hầu Nguyễn Xí vừa dứt lời, ngọn thiết lĩnh từ tay Lê Đàm đã vung lên đập nát sọ hai tên Đồn, Ban.

Ngự sử dài sớ mắt mặt, vừa lồm cồm ngồi dậy lại lăn kèn ra, dùm bốn vó rên ư ừ. Trí nhớ hần mụ mẫm mất rồi. Hần không tài nào nhận ra được vị tướng tài mang thiết lĩnh kia lại là chú bé thuyền chài nghèo khổ bên hồ Dâm Đàm ngày xưa đã từng bị hần – khi còn làm Giám ti – chặn đường cướp cá.

Từ nãy đến giờ, Nghi Dân cố nín thở nằm trong găm ngai. Đã đến lúc cùng đường, tên vua hèn hạ biết không

còn cách nào khác nữa, hẳn đành phải cời hết mũ, măng, chiến bào, rồi hai tay tự vả đôm đốp vào miệng, lặc liếng đi bằng đầu gối đến trước mặt lão thần Nguyễn Xí và nấc lên từng hồi:

— Ng.. h... i... D... a... n... nà... y... hư... hư... d... áng... ch... ết... ch... ém... m... u... ấc... Nay... biết... t... ội... xin... nhường... lại ngôi báu... cho... A... Á... qu... ận... hầu...

Lê Đàm giậm chân, trò tay quát lớn:

— Câm ngay! Đồ càn dỡ. Á quận hầu là bậc nghĩa khí chứ không phải hạng người hám danh, hám lợi như lũ bay. Các ngài chỉ làm việc trừ khử bọn lừa trời dối dân. Còn ngôi báu của thiên hạ phải do triều thần định đoạt.

Bấy giờ các đại thần đã trở lại đông đủ. Sân rồng hóa thành nơi nghị tội bè lũ gian nịnh. Số phận Nghi Dân thật thảm hại! Á quận hầu Nguyễn Xí chưa nêu hết tội ác của y, cả quần thần đã « ò » lên như sấm: « Trảm »! « Trảm »! duy chỉ có Lê Đàm đứng lặng suy tư. Á quận hầu Đinh Liệt thấy vậy, hỏi:

— Sao, quan Thân tỳ?... Giết em, cướp ngôi, kẻ ấy chưa đáng chịu tội chết hay sao?

— Quần thần xử trảm Nghi Dân, điều đó không oan uổng chút nào. — Lê Đàm thông thả nói — Nhưng tôi trộm nghĩ: ngày xưa Đức Thái Tổ Cao hoàng đế, lúc đã ha hết các thành kéo cờ đại thắng, vẫn còn cấp năm trăm thuyền và mấy nghìn ngựa cho bọn Phương Chính, Mã Kỳ, Vương Thông, Mã Anh, giúp chúng phương tiện về nước. Ấy cũng là vì giặc « đã sợ chết xin hàng, thực thà cầu sống »<sup>(1)</sup> cho nên tiên đế mới « lấy khoan hồng thè bụng hiếu sinh »<sup>(2)</sup>. Nghi Dân mang khí huyết của tiên đế, cùng ruột rà với Gia vương.

---

(1) và (2) Trích Bình Ngô đại cáo do Nguyễn Trãi soạn.

Nay đành rằng hấn trót nhúng tay vào máu, nhưng kẻ cầm tay hấn lại là bọn Đồn, Ban. Xin triều thần nghĩ đến phúc ấm tổ tông, tha tội chết cho hấn mà giáng hấn xuống làm «Lê đức hầu»<sup>(1)</sup>.

Quần thần lại hỏi:

— Còn ông Ngự sử đài, quan Thân tùy bảo nên xử hấn tội gì?

Lê Đàm trầm ngâm một lúc mới đáp:

— Khi còn ở chức Giám ti, hấn đã từng đánh nhau với nội quan Tạ Thanh trong chiếu bạc. Bấy giờ đối với luật pháp triều đình, hấn mắc tội sát nhân, mà đối với trăm họ hấn lại có công trừ khử được một tên đại gian, đại ác. Sau đó, vì tham sống sợ chết, hấn lại rập riu cùng Nghi Dân làm phản. Hấn chính là kẻ nhờ gió bẻ măng, đục nước béo cò... Nhưng xét cho cùng, bố mẹ vợ con hấn mấy đời nay làm ăn lương thiện, không cây thày, cây thế... Đề giảm bớt khổ đau cho những người đó, ta chỉ nên bắt hấn nhận án đi đày ở một vùng biên viễn. Kia! Các vị cứ trông bộ dạng «quan Ngự sử» run sợ dúm dỏ như thế kia, dù biết hạng như «ngài» đây chỉ xứng đáng ngang hàng với loài giun dế...

Mọi người trong, ngoài nghe nói đều không nhịn được cười. Cả quần thần vui vẻ chấp nhận ý kiến của quan Thân tùy. Nhiều nghĩa hữu trăm trờ: «Lê Đàm thật đáng bậc môn sinh Thừa chi Nguyễn Trãi. Việc làm, lời nói, nhất cử nhất động đều thấm sâu đạo đức, hào khí của thầy».

Buổi nghị tội vừa dứt. Tiếng loa đồng từ nội điện vang đi bốn phía:

«Ngôi trời là khó khăn, của báu rất quan trọng, nếu không phải là người có đức lớn, không thể đương nổi. Nay Gia vương, tư trời thông tuệ, tài lược trăm hùng, hơn hấn mọi

---

(1) Đại Việt Sử ký toàn thư chép: khi đã giết bọn phản nghịch rồi, Quân quốc Lê Lăng lấy lụa đưa cho Nghi Dân, bắt phải tự thắt cổ chết.

người, các vương không ai bằng, lòng người đều thuật thuật, dù biết ý trời đã giúp...»

Sau khi chiếm xong các công khổ, nghe tiếng loa truyền, nghĩa binh nô nức kéo nhau vào hoàng cung đợi giờ đón nhìn tận mắt đức vua mới. Trước còn từng đám, từng đám, đứng vào khu vực của mình: trấn Thanh Hoa - khu Thái Giám, trấn Sơn Nam - khu Đoan Môn, trấn kinh Bắc - khu cửa Tả... Về sau họ cứ dần dần lấn tới, tấn tới... Lê Đàm cũng chạy vội lên đài Sùng Vũ, thấy dưới đường người, ngựa, xe cộ dang dờ dờ về phía ngã năm cửa Đông. Ở đấy đã đặt sẵn chiếc kiệu rồng sơn son thếp vàng. Lần này rước vua không phải chỉ có quan quân triều đình đầy đủ nghi vệ mà còn có những người nghĩa binh mặc đồng phục, gươm tuốt trần. Lê Đàm nheo mắt... nhận ra cụ chủ quán và viên xã trưởng xã Đoài đứng ở hai đầu hai bên cỗ kiệu. Những vành khăn nhiễu đỏ làm nổi bật mái đầu trắng như bông và những chòm râu bạc phất phơ trước gió. Quan Thân tùy nghĩ thầm: « Gia vương Tư Thành nổi tiếng là người khiêm nhường, ở đâu cũng chú ý kính trọng các bậc tuổi tác. Lần nay tân hoàng đế <sup>(1)</sup> nhìn thấy các vị bô lão di đầu ghé vai khênh kiệu, chắc Người cảm kích lắm! ». Và, trước không khí tung bừng của giờ phút lịch sử trọng đại, chính Lê Đàm cũng không kìm nổi xúc động: quên bẵng rằng mình cũng đã được dành riêng một cỗ xe song mã rất sang trọng để cùng các bậc cụ thân lát nữa vào ra mắt minh chủ, Lê Đàm từ trên đài Sùng Vũ chạy bổ xuống đường, nhập vào đám đông. Anh Võ trông thấy chàng từ xa, mừng quýnh, gọi líu cả lưỡi:

- Anh Đàm ơi! Anh Đàm! Mọi việc anh giao, em lo xong cả rồi, nhưng... anh Đàm này, làm sao triều đình không loan bố trước cho thần dân biết tên hiệu của đức vua mới?

Lê Đàm sung sướng thân mật vỗ vào vai Anh Võ:

---

(1) Đức vua mới, chỉ Lê Tư Thành.

— Em nhớ lấy nhé, Gia vương chúng ta từ nay được suy tôn là Lê Thánh Tôn hoàng đế.

Vì đường vào cửa Đông bị nghẽn lối, mãi đến giờ Ngọ, chiếc kiệu rồng mới lọt được vào cửa phủ Gia vương cũ và túc trực ở đấy. Trừ các bậc đại thần, huân cựu, còn tất cả các văn quan, võ tướng giờ phút này, không ai có may mắn như quan Thân tùy Lê Đàm, được đặc cách theo vua hộ giá vào tận chính cung. Khi điệu nhạc báo hiệu lễ rước mừng bắt đầu, những chiếc đèn kiệu từ từ nâng lên, và bức rèm ngọc được cuốn cao để lộ khuôn mặt rồng rạng rỡ — thì tiếng hô chúc tụng của thần dân từng loạt liên tiếp nổi lên: «Thánh Tôn hoàng đế vạn tuế!», «Thánh Tôn hoàng đế vạn tuế!»! tưởng như không bao giờ dứt.

Đất nước từ đây mới thật sự bước vào những ngày thanh bình tươi sáng.



Năm thứ năm đời Lê Thánh Tôn. Thấm thoát lại sắp đến ngày sinh lần thứ hai mươi ba của hoàng đế. Mưa thuận, gió hòa, biển thùy yên ổn, nhà nước mở khoa thi kén chọn hiền tài. Lê Thánh Tôn nổi tiếng là ông vua hay chữ, đề công rất nhiều vào việc xây đắp nền quốc học. Đề khuyến khích sĩ tử, nhà vua tự ra đề bài thi. Hôm treo bảng vàng làm lễ xướng danh<sup>(1)</sup>, nhà vua lại thân ra ngự trên lầu Khuê văn giám sát việc ban thưởng.

Mấy đời mới có một vị vua hiền, mấy năm mới mở một khoa thi, nên kinh kỳ những ngày rày đông vui vô kể. Suốt một rẻo từ Trường Thi chạy xuôi xuống đường Đại La, trường Giảng Võ, chạy ngược lên phường hàng Vôi, Lò Sũ, tỏa ra ở Quan Chưởng đến tận làng Hoàng Mai, hàng quán mới mọc lên nhan nhản. Thế mà vẫn không đủ chỗ để chứa

---

(1) Lễ gọi tên những thí sinh trúng tuyển. Những thí sinh này được vào nhận mũ áo vua ban.

học trò dằng trong, dằng ngoài lều chõng về dự thi. Cụ chủ quán ở Côn Sơn cũng đã rời quê cũ, lên dựng ngôi hàng bên cạnh Thái Miếu từ mấy năm nay. Hàng cụ gần nơi trường thi, sạch mát lại khá thơm mát, nhưng ngày thường cũng như ngày hội, cụ chỉ mở cửa bán nước, tuyệt nhiên không nhận một người lạ nào ở trọ. Cụ sống chung với một chàng thư sinh. Hai người – một già, một trẻ – ăn ở với nhau xem chừng hòa hợp lắm, còn quan hệ ruột thịt hay họ hàng dây mơ rễ má như thế nào, bên ngoài không ai rõ. Gần đây, hay lui tới hàng cụ có một người đàn bà mái tóc đã nhiều sợi bạc, ăn mặc xuềnh xoàng, nhưng dáng vẻ cao quý, và nét mặt hiền từ luôn luôn phảng phất buồn. Người đàn bà đó lúc thì đến một mình, lúc thì cùng đi với một nhà sư. Chiều nay bà ta lại đến. Vừa nhắc thấy bà, cụ chủ quán chạy ra cung kính... Bà mới bước vào nhà, cụ hỏi hỏi nhỏ ngay:

– Phạm phu nhân đã nghe quan trường xưng danh đến Anh Võ chưa?

Người đàn bà khẽ gật đầu, sáng lên một nụ cười đã lâu lắm mới thấy nở trên vành môi héo hắt:

– Cụ hãy mừng cho Anh Võ đi! Cháu đỗ nhất tam trường (1) rồi cụ ạ! Đã thấy ghi rõ tên tuổi ở bảng vàng, chỉ còn chờ xưng danh vào lĩnh mũ áo nữa thôi!

– Có thể chứ... Ô, lão biết mà, lão biết mà, thế nào Anh Võ cũng đỗ thủ khoa. – Cụ chủ quán bây giờ mới khoái trí cười rung cả chòm râu bạc, nói chắc – Nay nhớ, kỳ đệ nhất năm bài thi tứ thư, kinh nghĩa, cậu ấy làm được cả. Kỳ đệ nhị ra chế biểu, dùng tứ lục thì rõ ràng Anh Võ rất sợ trường lối văn cổ thế ấy; đến kỳ đệ tam, thi Đường luật... nghe cậu ấy thuật lại khó quá, lão không hiểu thế nào, nhưng lão biết mà, ò, lão biết mà... thế nào Anh Võ cũng phải đỗ cao!

Nghe cụ chủ quán tấm tắc khen con mình, bà Phạm (chính người đàn bà đó là bà Phạm Thị Mẫn, mẹ của Anh Võ, đã

---

(1) Còn gọi là đồ thủ khoa, khoa thi hương.



được Lê Đàm và Cao Nhuệ đón về nước từ một năm nay nhưng vẫn phải trú ngụ nhờ một người bà con ở làng Bồ Khê, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, thỉnh thoảng mới ghé kinh sư thăm con) cúi đầu ngượng nghịu, và bà lại trở lại giọng nói buồn buồn mọi khi:

— Cháu Anh Võ được nên người như ngày nay là nhờ có các bậc nghĩa khí như cụ và các môn sinh của bố cháu hết lòng nuôi giấu, cứ như tôi, biệt biệt bao năm, nuôi tấm thân còn khó, nói gì đến chuyện dạy dỗ con...

Cụ chủ quán liền đỡ lời:

— Phạm phu nhân đừng nên dạy thế. Quan Thừa chỉ ngày xưa cứu cả nước, bây giờ bọn chúng tôi phải có nghĩa vụ xúm tay nhau lại để nuôi giúp một mình Anh Võ, đã thấm vào đâu so với công lao trời bè của Ngài. Mà dù đồ đạc, Anh Võ cũng đang còn phải sống ăn náu, đã mở mày mở mặt được đâu...

Nhớ ra điều gì hệ trọng, cụ chủ quán dè dặt hỏi bà Phạm:

— À... phu nhân đã nhất quyết chọn dịp này ra mắt đức vua và hoàng thái hậu <sup>(1)</sup> chưa? Thú thật, lão chưa lường trước được lòng người, nên ngày đêm vẫn lo ngay ngáy.

— Xin cụ cứ vững dạ. — Bà Phạm nói, giọng đầy tự tin — Anh Lê Đàm và anh Cao Nhuệ đã suy tính mãi rồi, nếu như Anh Võ đỗ kỳ này thì... chọn cách ấy là hay hơn cả. — Rồi bà nấn lại vành khăn nở nụ cười sáng bừng gương mặt — bây giờ cháu đã đỗ rồi, tôi còn đợi gì nữa mà không làm theo cách ấy hả lão trượng?

\*  
\*\*

Điện Huy Văn khánh thành giữa lúc kết thúc kỳ thi hương. Vì bận giám sát lễ xướng danh, mãi đến sâm sâm

---

(1) Mẹ vua, chỉ Quang Thục hoàng thái hậu.

tối, hoàng đế mới đến chúc mừng hoàng thái hậu được. Dù đã lên ngôi thiên tử, đến với mẹ, bao giờ Lê Thánh Tông cũng giữ đạo bình thân dung dị như hồi ở tiềm đề (1). Hoàng đế hết sức tránh những sự xa hoa phiến phúc. Người cấm bộ Lễ nghi không được loan báo trước giờ nhà vua khởi hành để thần dân khỏi mất công đi bái vọng. Người không ngồi xe loan, cũng không mang theo quân túc vệ. Thậm chí, khi bước lên một chiếc cang cạp vóc vàng, quan Lễ nghi đòi lấy tàn, lọng ra che, người xua tay bảo: «Đang lúc thời tiết mát dịu, không sương, không nắng, Khanh hãy để cho trăm được tự do hít thở khí trời thoáng đãng...» Đi theo nhà vua, duy nhất chỉ có quan Thân tùy Lê Đàm cưới một con ngựa hồng – vẫn cái con tuấn mã trung thành nuôi từ hồi vua – tôi còn ở bên phủ Gia vương ấy.

Lúc vua và quan Thân tùy đến công điện Huy Văn thì các nơi vừa lên đèn. Ngày khánh thành việc tu sửa điện có khác! Từ bồn hoa, dinh tháp, trong miếu, ngoài hồ đấu đấu cũng thấy trang trí đèn lồng, đèn xếp, và trăm thứ kiểu đèn khác: đèn dây, đèn ống, đèn kéo quân, đèn «thiền thờ» (2)... Quang Thục hoàng thái hậu hôm nay lộng lẫy lạ thường. Đức bà đội mũ khánh tiết, khoác áo kim tuyến, đi hài cườm ra tận tam quan đón nhà vua và vị cận thần. Vừa trông thấy hoàng thái hậu, hoàng đế vội sụp xuống vái lạy:

— Lạy mẹ, mãi việc thi cử, giờ này con mới đến chúc mừng mẫu hậu được. Con xin cam tội bất hiếu.

Quang Thục hoàng thái hậu dịu dàng đỡ nhà vua dậy rồi vui vẻ dẫn Thánh Tông và Lê Đàm đi thăm cảnh điện mới sửa sang.

Điện Huy Văn hồi còn dưới thời Thái Tông hoàng đế chỉ là một ngôi chùa nhỏ hẻo lánh nằm ở phía tây nam

---

(1) Chưa lên ngôi vua.

(2) Đèn bằng giấy, hình con cóc, bên trong thắp nến.

nhà Quốc tử Giám, nước hồ từ lai láng bao bọc quanh năm. Đây chính là nơi tị nạn đầu tiên của Quang Thục hoàng thái hậu, ngày bà đang còn gọi là nguyên phi Ngô Thị Ngọc Dao, bị Thái Tôn ruồng bỏ, vì Nguyễn Thị Anh ghen ghét xúi bầy và ngày đó bà mới có mang Tư Thành được ba tháng... Sau những năm tháng bị dày ải, đến cuối đời Nhân Tôn, triều đình an xá, lại cho bà trở về trông coi chùa Huy Văn cho đến khi con trai bà lên ngôi hoàng đế... Chùa Huy Văn đối với bà thân thiết như một người bạn thủy chung vui buồn sướng khổ có nhau, chính vì vậy từ năm năm nay vua Thánh Tôn đã nhiều lần xin rước mẹ về ở trong chính cung, bà khăng khăng từ chối, hoàng đế buộc lòng phải cho trùng tu ngôi chùa xưa thành một ngôi điện tháp theo ý hoàng thái hậu.

Cứ dừng lại mỗi nơi, hoàng thái hậu lại khoe với nhà vua những công trình kiến trúc tinh xảo:

— Con thấy chưa? Chỉ có người thợ phường Báo Thiên mới nghĩ được cách thiết kế vừa ý mẹ như thế này. Đây nhé, hai cánh cửa lim dờ sộ khi mở ra theo bánh xe lăn, chỉ cần một cái ấn tay nhẹ nhàng, ta đứng đây sẽ được hứng gió hồ mát rượi; đến khi khép lại, lập tức lại hợp thành đôi rồng nằm trong hình lá đề, cùng chầu vào một mặt trời đang bốc lửa.

Hoàng thái hậu rất ý nhị. Biết con trai mê hình tượng rồng, bà liền tìm cách so sánh làm cho nổi bật hình rồng. Bà trò tay dẫn giải:

— Con nhìn kia: mẹ vẫn giữ lại nguyên ở cửa chính con rồng cũ theo kiểu đời Lý. Con rồng ấy, có phải không nào, nó đang uốn lưng từ trên xuống theo làn sóng..., mào của nó cũng mọng, móng của nó đang vươn ra... Nhưng mẹ lại vừa cho đắp thêm một con « Thanh long » nữa ở trước cửa tiền đường: Con thấy không, « Thanh long » dựng mào quấy đuôi trong thế trườn lên, có phải những khúc uốn lượn của

nó bây giờ trông vẫn cò kính mà lại tự nhiên hơn, trông hùng vĩ mà lại thanh thoát hơn, nó có đã bay cao giống như... Ồ, mẹ không biết tả thế nào cho thật đúng!

Lê Đàm đang đứng bên cạnh nhà vua, cao hứng buột miệng :

– Dạ, đúng lắm! Con Thanh long ấy nó đang trên đà bay cao, giống như tâm hồn của một nhà vua trẻ, giống như vượng khí của một triều đại mới.

Hoàng thái hậu thích chí cười giòn tan, còn hoàng đế thì mặt rờng đỏ chín, lấy chiếc quạt the dập dập nhẹ vào vai áo Lê Đàm bảo nhỏ :

– « Phi cò bắt thành kim » <sup>(1)</sup>! Ngàn đời sau ta vẫn chưa học hết cái tinh hoa của các thời đại trước. Quan Thân tùy đừng ví von như vậy làm trầm thêm hồ thẹn...

Càng đi sâu vào bên trong, cảnh diện càng huyền ảo. Hoa lá chen với núi non, sóng hồ vỗ vào chân tháp, hương trầm thoang thoang pha lẫn mùi sen, khiến cho người ngoạn cảnh tưởng như mình đang lạc vào chốn bồng lai. Hoàng thái hậu dẫn vua và Lê Đàm đi khắp lượt một vòng, đến khi trở về tiền đường, làm lễ khánh tiết xong thì vầng trăng hạ tuần bắt đầu hiện rõ. Thánh Tôn và Lê Đàm lạy tạ hoàng thái hậu ra về. Hoàng thái hậu lại thân tiễn hai người ra tận cửa Tam quan. Những bước chân còn đang lưu luyến, bỗng nghe có tiếng tung hô yếu ớt gần sát đầu dây :

– Chúc hoàng thái hậu vạn thọ! Chúc hoàng thượng vạn tuế!

Cùng một lúc, cả ba người nhìn thấy ở dưới bậc bệ đá cuối cùng, chón giữa lối đi, một người đàn bà đang phủ phục, đầu cúi sát ngang vai.

Hoàng thái hậu giật mình. Nhà vua cũng lại nhìn quan Thân tùy... Quái lạ! Giữa giờ này còn có kẻ nào mạo muội

---

(1) Ý nói không có cũ làm sao có mới.

đến đây. Kề ấy lại là một người đàn bà già nua, yếu đuối, cô đơn. Sao những lời chúc tụng lọt vào tai, ta vẳng nghe như là những tiếng kêu than, kêu cứu? Vốn sẵn lòng nhân từ, Lê Thánh Tông định bước xuống nâng người lạ mặt kia đứng dậy. Nhưng hoàng thái hậu bấy giờ vừa bình tâm trở lại, đã nhanh nhẹn cản bước nhà vua, ân cần tiến lên hỏi trước:

– Hỡi người đàn bà đáng thương kia, trước hết bà hãy cho ta biết bà là ai?

– Thưa đức bà, thần thiếp là mẹ đẻ... ông tân khoa Phạm Anh Võ...

Hoàng đế lấp bắp đôi môi nhắc lại một mình: «A... Phạm Anh Võ, thủ khoa kỳ thi tam trường... Chiều nay quan chủ khảo mới đệ trình lên cho ta đọc bài phú xuất sắc của chàng thí sinh họ Phạm...» Trong khi đó, hoàng thái hậu hân hoan nói:

– Vậy thì ta có lời chúc mừng bà. Ngày hôm nay, bà là người mẹ sung sướng nhất trên đời.

– Thưa đức bà, trái lại... không có người mẹ nào trên thế gian này tủi phận bằng thần thiếp.

– Sao vậy? Sao vậy – Hoàng thái hậu nồn nóng hỏi – Có phải bà buồn phiền vì con trai của bà ăn ở bạc nghĩa chăng?

– Không phải thế, thưa đức bà; con trai thần thiếp đối xử với mẹ hiếu thảo đủ điều...

Hoàng thái hậu nhìn đức vua rồi lại nhìn Lê Đạm lắc đầu cười, khó hiểu:

– Người đàn bà này loạn trí rồi chăng?

Cả vua Thánh Tông và Lê Đạm đều không đáp, chỉ bần khoản cúi đầu suy nghĩ. Hoàng thái hậu lại cố lấy giọng nhẫn nại, gạn hỏi:

– Vậy này, bà mẹ quan tân khoa có điều chi khăn cấp mà bà phải châu chực hoàng thượng vào giờ này trước cửa điện nghiêm vắng của ta?

Người đàn bà từ từ ngẩng lên, nhìn về mặt phúc hậu của bà mẹ đức vua, tự dưng nguồn thương cảm xa xưa bởi hồi kéo đến, những giọt nước mắt lăn chã rơi xuống thêm dά :

— Ôi! Thưa đức bà, xin đức bà và hoàng<sup>h</sup> thượng soi xét cho, thần thiếp tui phạm vô cùng, vì con trai của thần thiếp không có cha, phải khai họ mẹ để vào trường thi!

— Sao con trai bà lại đại đột thế? Thế lệ thi cử của triều đình từ mấy đời nay đã qui định: Dù cha đẻ hay cha nuôi không còn nữa thì khi ứng thí, thí sinh cũng cứ phải khai chính thống họ cha kia mà?

— ...

— Thế Anh Võ mờ côi cha từ năm nào?

— Thưa đức bà...

Thấy người sường phụ ghen ngào nói không ra tiếng, hoàng thái hậu lại vỗ về úy lạo :

— Bà cứ khai thực đi, rồi ta sẽ nói với hoàng thượng đại xá cho con trai bà. Đứa con nào chẳng có một người cha kia chứ!

— Nhưng... thưa đức bà, cha cháu...

— ... Là ai? Họ Lý hay họ Trần, họ Nguyễn hay họ Lê? Bà cứ nói đi, nói đi...

— Thưa... cha cháu là người thần thiếp trộm nghĩ đức bà... rõ hơn ai hết!

— Sao? Người đàn bà kia, người hóa điên thật rồi chẳng? Trên hai chục năm trời, từ khi hoàng đế đầu thai vào ta, ta không hề tiếp xúc với một người đàn ông quen, lạ nào. Chồng người là ai, có sao người dám nói năng can dỡ như vậy?

Bấy giờ người đàn bà mới cặp đầu xoa tóc, thốt lên lời khai thực :

— Trăm lạy đức bà, nghìn lạy đức bà, xin người và hoàng thượng đại xá cho... Chồng của thần thiếp, người cha quá cố của Anh Võ chính là... là Thừa Chi Nguyễn Trãi!

«Thừa chi Nguyễn Trãi!», vua Lê Thánh Tông kêu lên mấy tiếng rưng rờ. Dưới ánh đèn hồng mà sắc mặt hoàng đế tái xanh đi. Hoàng đế chưa nguôi cơn xúc động, lại thấy Quang Thục hoàng thái hậu chạy đến bên cạnh người đàn bà, cúi xuống ôm lấy đôi vai gầy của bà ta, kề lè vô cùng thống thiết:

– Thừa chi phu nhân ơi! Ta có ngờ đâu phu nhân còn sống sót đến ngày nay! Có ngờ đâu Anh Võ lại là giọt máu của người đã cứu vớt mẹ con ta. Có lẽ Nguyễn Trãi sống trung can, chết linh hiền, nên mới đun dầu cho mẹ con ta gặp mặt mẹ con phu nhân vào giữa cái ngày khánh thành điện Huy Văn này...

– Thế này là thế nào hở quan Thân tỳ? – Vua Lê Thánh Tông nắm cổ tay Lê Đàm lắc lắc – Khanh! Hình như có nhiều điều khanh chưa thực bụng với trẫm! Chẳng lẽ khanh lại không biết một tí gì chung quanh những điều đang diễn ra trước mắt trẫm đó sao? Khanh có nhớ không, hồi còn ở phủ Gia vương, đã có lần nghe khanh bình thơ Nguyễn Trãi, trẫm bắt đầu ngờ cái án tru di ba họ mà hành quyết quá gấp. Gia dĩ trẫm biết được khanh là môn sinh của Thừa chi... Cũng từ đó cho đến khi lên năm vương quyền, trẫm đã bao đêm ngồi cặm cụi trong Cơ mật viện, đọc đi đọc lại hàng trăm lần hồ sơ án tích Lệ Chi viên, nhưng không tài nào tìm ra được một chút manh mối. Trẫm biết rằng thời gian và con người đã cố tình xóa mờ vết cũ. Trẫm vẫn đinh ninh như thế nên đành phải cho việc đời trôi đi như thế... Trẫm có hay đâu Nguyễn Trãi lại là ân nhân của hoàng thái hậu và của chính trẫm?... Mẹ! Sao mẹ nỡ giấu con đến tận ngày nay? Mẹ đẻ ra con mà không tin con, thì trẫm họ còn trông cậy vào Lê Thánh Tông này sao được? Nếu như không có chuyện tình cờ này...

Thấy nhà vua giận dữ một cách chính đáng, Lê Đàm càng cảm phục trong bụng. «Anh Cao Nhuệ và ta đều không



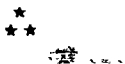
— Thừa chỉ phu nhân ơi!



nhằm! Đức vua quả là người biết trọng nhân nghĩa...»  
Đề mang lại hòa khí chung, quan Thân tùy bèn tìm lời  
khuyên giải:

— Tâu bệ hạ, thần trộm nghĩ, thực bụng, hay không thực  
bụng thường là bằng vào hành động mà suy xét. Nhưng đề  
bệ hạ phải bận tâm vì điều đó, thần tự xét chính mình mới  
là người có lỗi. Xin bệ hạ đừng nên trách thái hậu. Thần  
đọc sách, vẫn nhớ lời cổ nhân răn bảo: «Người trải mọi lẽ,  
sự việc chưa biết chắc mười mươi thì chưa nên nói. Biết  
chắc mười mươi rồi nhưng lúc chưa đáng nói, cũng chưa  
nên nói.» Phương chi uần khúc của vụ án Lệ Chi viên còn  
chưa được làm sáng tỏ thì thái hậu tránh nhắc đến ân nhân  
của mình là chí phải.

Đêm hôm ấy ở điện Huy Văn trở về cung, Lê Thánh Tông  
hoàn toàn không chợp mắt. Hoàng đế trông cho trời chóng  
sáng đề mở ngay một phiên châu.



Vào phiên châu hôm nay, lét thấy mặt hoàng thượng, cả  
triều thần nhìn nhau nơm nớp lo sợ. Sau một đêm thức  
trắng dấy lên trong đầu óc những bão táp dữ dội, vua Thánh  
Tông gầy xòm hẩm đi. Chiếc mũ bình thiên mọi khi đội vừa  
khít vàng trán cao rộng, giờ tụt xuống quá mang tai. Đôi  
mắt quầng thâm lặng lẽ một cách khó hiểu và nghiêm nghị.

Quan Căn chính học sĩ dò hỏi quan Ngự y:

— Gần đây ngài xem mạch hoàng thượng, nghe chừng  
ngọc thể thế nào?

Thánh Tông hoàng đế từ ngày ở ngôi, chưa hề cho vờ  
thầy thuốc đến chần bệnh bao giờ, tuy nhiên quan Ngự y

của Người vốn tính thích khoe khoang, hễ nghe dả động đến nghề nghiệp là tuôn ngay ra hàng tràng y lý:

– Mất hoàng đế quăng thâm thế kia... vâng, là do Người vượng chân hỏa. Hỏa vượng tức là dương thịnh, mà dương thịnh ắt phải âm suy. Ch... ặc! Chi cần bốc ba thang bồ âm là điều hòa âm dương, chân huyết sẽ lưu thông thôi...

Tồng tri Lê Nhân Khoái nghe quan Ngự y đoán mò bệnh của hoàng thượng như vậy, suýt bật phì cười, phải lấy tay che miệng. Trong khi đó, ở hàng thứ nhất phía bên phải sân rồng, Á quận hầu Đinh Liệt giục dải mũ người ngồi kề bên, nói nhỏ:

– Dù từ tối qua đến giờ chưa kịp gặp Lê Đàm, tôi đoán hôm nay thiết triều, hoàng thượng cũng chỉ đưa ra bàn sự việc ấy thôi, bác Nguyễn ạ!

Á quận hầu Nguyễn Xí gật gù tán thưởng:

– Tôi cũng nghĩ như bác.

Quả nhiên khi trăm quan vừa yên vị, đức vua phán hỏi hết sức bất ngờ:

– Các khanh hãy cho trăm biết ở đây, những ai xưa kia từng là môn sinh của Thừa chi Nguyễn Trãi?

Im lặng!

Hồi hộp...

Đức vua lại giục:

– Thừa chi có trên dưới năm trăm môn sinh, trong số đó, người đỗ đạt làm nên danh vọng cũng không ít. Chẳng lẽ không ai dám nhận tên tuổi thầy học cũ của mình?

Thấy vua có vẻ tra hỏi gắt gao, các quan càng e dè. Bỗng một giọng nói quen thuộc, đĩnh đạc nổi lên. Mọi người đều đổ dồn mắt về phía quan Thân tỳ Lê Đàm:

– Muốn tâu bệ hạ, hạ thần trước kia chính là trò yêu của quan Thừa chi Nguyễn Trãi.

Nhà vua truyền Lê Đạm ngồi xuống, lại hỏi tiếp.

— Còn ai nữa nào?

Hoàng thượng vừa dứt lời, hàng trên, hàng dưới rào rào đứng dậy: « Thần ạ! » « Thần nữa ạ! » « Còn thần nữa ạ! »... Vua Lê Thánh Tông kinh ngạc thấy quá nửa triều thần, già có trẻ có, quan to, quan nhỏ, cả bên văn lẫn bên võ, đều một lượt nhận là học trò Nguyễn Trãi.

Vua đứng lặng hồi lâu mới phán rõ ý:

— Trẫm mong muốn tất cả các khanh ở đây đều là bề tôi trung. Đã là tôi trung, phải biết khuyên vua làm điều nhân đức. Theo chỗ trẫm được biết, triều trước có những việc làm thất đức... Đó là do bên cạnh nhà vua còn có những kẻ gian thần xièm nịnh. Phần lớn các khanh ở đây đã đứng bóng hoặc xế bóng cuộc đời rồi, nhưng chắc các khanh còn đủ sức nhớ lại, các khanh thử ngẫm hộ trẫm xem, vụ án vườn Lệ Chi thực hư như thế nào? Lúc tiên đế băng hà cũng là lúc xảy ra vụ án, trẫm còn bé bỏng trúng nước quá, làm sao mà hiểu nổi những việc trong hậu cung? Nhưng lớn dần lên, có nhiều chuyện ngẫu nhiên xảy đến làm cho trẫm phải suy xét về Thừa chi Nguyễn Trãi. Trẫm khó tin một người như Trãi lại là kẻ loạn thần! Điều đó đeo đẳng mãi trong ý nghĩ của trẫm cho tới ngày nay... Ngày nay bằng vào những điều tin cậy được, trẫm đã có thể quyết đoán: Nguyễn Trãi là một bậc trung thần tài giỏi mà bị oan thác! Nhưng mình oan cho Trãi không phải là chuyện dễ. Các khanh nên nhớ rằng khi dựng lên một vụ án, triều trước đã lập mưu tìm đủ bằng cứ hữu lý để buộc tội cho người vô tội, thì khi muốn bác bỏ vụ án đó, triều sau cũng phải có đủ bằng cứ xác đáng mới quả hiện<sup>(1)</sup> được. Các khanh hãy giúp trẫm và cùng trẫm ra tay vén bằng được tấm màn mờ ám, làm cho ngay

---

(1) Thực hiện một cách có kết quả.

gian sáng tỏ. Nhân đây, trăm bần bố trước với các khanh rồi nay mai sẽ xuống chiếu cho khắp thiên hạ biết: Phạm tội dân trong nước Đại Việt, bất luận già trẻ, trai gái, từ người có phẩm tước cao nhất cho đến kẻ cùng đinh, từ người lương thiện cho chí kẻ tù đầy, kẻ bị can án nặng, nhẹ; ai biết nhiều, biết ít đều có quyền làm tờ biên thuật hoặc nhờ quan sở tại tấu lên tận trăm những điều uẩn khúc chung quanh vụ án vườn Lệ Chi. Có công, sẽ được hậu thưởng. Đang mắc tội mà biết sự việc trên, tường trình trung thực cũng sẽ được ân xá...

Nói rồi, nhà vua truyền cho bãi châu.

Không đầy hai tháng sau, nhà vua nhận được hàng vạn tờ trình, tờ biếu. Đặc biệt, tờ trình của một tội nhân đang bị đày ở biên viễn mới gửi về làm cho hoàng thượng chú ý nhất. Người suy xét rất kỹ từng câu, từng ý, lật đi lật lại các chi tiết xem giữa sự kiện và năm tháng có ăn khớp với nhau không; sau đó Người cho mời riêng một số quan cận thân tới.

Nhà vua bảo Lê Đàm trao tay cuộn giấy cho Á quận hầu Đinh Liệt. Xong, Người nhìn mọi người và mỉm cười chua chát:

— Hôm nay, trăm mới tìm ra thủ phạm thật của vụ án vườn Lệ Chi...

Đinh tướng công còn đang lúng túng, nhà vua lại hỏi:

— Các khanh có biết tên Ngự sử đang can tội, tức là tên Giám ti dưới triều Nhân Tôn, và Tuyên Từ hoàng thái hậu (1) có họ hàng thân thích với nhau như thế nào không?

Thấy các quan đại thần ngồi im lặng, Lê Đàm rút rè tâu:

— Muôn tâu bệ hạ, mẹ đẻ ra tên Giám ti là chị ruột bà ta.

---

(1) *Tức nguyên phi Nguyễn Thị Anh, mẹ vua Nhân Tôn.*

Bảy giờ quan Quân quốc Lê Lăng cũng đứng dậy :

— Dạ muốn tâu, như thế phong tục ở trấn Thanh Hoa gọi là đôi bạn con dì mà Giám ti thuộc «cảnh» trên.

Hoàng đế bèn xua tay :

— Thôi, trăm chi cần hỏi thế là đủ. Bảy giờ các khanh đọc di, đọc di !

Bốn, năm vị chụm đầu, dán mắt vào những dòng chữ chưa bay hết mùi mực ướt. Tờ trình của tên Giám ti là một tài liệu nhân sự vô giá. Nó là bức tranh chân thực về cuộc đời một người đàn bà quyền mưu, tham lam, đố kỵ độc ác. Nó làm hiện hiện lại cảnh sống ngột ngạt, nhiễu nhương dưới triều vua Thái Tôn với tất cả những việc làm đen tối bí mật của người đàn bà ấy — nguyên phi Nguyễn Thị Anh — và bọn hoạn quan trong cung cấm.

Nguyễn Thị Anh là một trong năm nguyên phi của Thái Tôn, được nhà vua thuở sinh thời yêu dấu nhất. Biết vậy, phi luôn tìm cách bắt vua phải chiều theo ý mình. Bằng thủ đoạn nham hiểm, phi đã mượn tay vua, giết dần những bậc bề tôi trung nghĩa, và lần lượt phế truất các nguyên phi khác. Đầu tiên, Thị Anh xúi giục Thái Tôn trị tội quan Đại tư đồ Lê Sát, do đó con gái Lê Sát đang ở ngôi nguyên phi phải phế làm thứ dân dè cho con gái đại thần Lê Ngân làm Huệ phi. Ít lâu sau, thấy vua có vẻ ăn ý với Huệ phi, Thị Anh đem lòng ghen ghét, liền tìm cách xui người tố cáo là Huệ phi thờ ma, luyện bùa trong nhà mê hoặc vua : tức thì Huệ phi bị giáng, nhân việc ấy bố là Lê Ngân đang giữ chức Đại Tư không đứng đầu triều phải chịu chết oan. Rồi đến khi Thị Anh sinh được con trai là Bang Cơ (tức vua Nhân Tôn), phi muốn con mình cướp ngôi thái tử của Nghi Dân là con trai trưởng của vua Thái Tôn, lại tìm cách xúc xiêm vua giáng truất hai mẹ con Nghi Dân.

Những việc ấy Thị Anh đều làm trót lọt. Duy có một lần... Lần đó Thị Anh đang có chuyện xích mích với

Ngô Thị Ngọc Dao, một nguyên phi khác của Thái Tôn. Lựa lúc thanh vắng một mình với nhà vua trong cung cấm, phi mới thỏ thẻ gọt chuyện :

— Tâu hoàng thượng, thần thiếp đã phái người đi dò xét tường tận rồi : đúng là Ngọc Dao có nhúng tay vào vụ Huệ phi làm nhiều điều xấu xa tai tiếng đến hoàng tộc. Hoàng thượng đã trị tội Huệ phi, thần thiếp trộm nghĩ nay cũng nên xuống chiếu trị tội Ngọc Dao như Huệ phi mới nêu cao được chính đạo.

Thái Tôn yên lặng. Thị Anh lại bịa đặt nhiều chuyện thậm tệ gán cho Ngọc Dao để hòng làm cho nhà vua ghét bỏ phi. Nhưng Thái Tôn vẫn không nói gì, ngồi trầm tư. Sợ ý kiến bị bỏ rơi, Thị Anh liền giả vờ khóc lóc vật vã (chỉ có phi mới dám làm mình làm mày với đức vua như thế mà thôi) :

— Hoàng thượng định tha tội cho Ngọc Dao ư? Trời đất ôi, nếu hoàng thượng không cho những điều thần thiếp tâu lên là đúng, không tin ở thần thiếp thì thần thiếp còn sống trên đời làm gì nữa, hãy cho Thị Anh này được đập đầu ngay trước long nhan (1)!

Quả nhiên phi đã làm cho Thái Tôn bối rối. Bấy giờ, nhà vua phải lên tiếng :

— Khanh đừng nghĩ rằng trẫm có ý muốn bênh vực Ngọc Dao. Trên đời này trẫm còn tin yêu ai bằng tin yêu khanh? Nhưng những điều khanh vừa tâu bày làm cho trẫm rất khó phán xử. Bởi vì hai lần trẫm sắp phê án phát lưu bắt Ngọc Dao đi đày, thì hai lần đều bị Thừa chi Nguyễn Trãi can gián. Trước sau, Trãi một mực tâu rằng : « Ngọc Dao đang có mang, xin bệ hạ hãy nghĩ đến ân trọng của tiên đế, đừng nghe lời gièm pha làm điều thất đức, »

---

(1) Long nhan : mặt rồng, chỉ nhà vua.

Nghe câu nói đó, Thị Anh tái hấn mặt đi. « Thế là hỏng việc rồi. Trãi đã biết hết ruột gan của mình... Giá như một bề tôi khác can ngăn vua thì mình không thiếu gì cách đề thắng cuộc. Đấng này lại là cái lão già ấy... »

Nguyên phi Nguyễn Thị Anh vốn không ưa Nguyễn Trãi từ lâu, chỉ vì bậc lão thần này tính nết rất cương trực. Những ngày đại triều, trước bề rờng, thường một mình Thừa chi Nguyễn Trãi đứng về một phía, lên tiếng bênh vực những kẻ yếu, và ngang nhiên hạch tội bọn xu nịnh, không thèm đếm xỉa gì đến quyền thế của chúng, Vì như hồi cuối xuân năm Ất Mão (1435) có bảy tên tiểu nhi can tội tái phạm ăn trộm, hình quan chiếu luật dâng sớ xin xử trảm. Vua đem việc ấy hỏi triều thần, ai cũng tâu là phải. Riêng Hành khiển Nguyễn Trãi đồng dạc đáp: « Pháp lệnh không bằng nhân nghĩa. Tình thế chưa đến nỗi dường vậy, nay một lúc giết bảy đứa bé chưa đến tuổi thành niên, việc đó đâu phải là đức tốt ». Triều thần không chịu. Nguyễn Trãi lại dẫn câu kinh thư giải nghĩa chữ « chi » là dừng ở sách đại học nói đến đạo gốc của người làm vua là phải đề lòng vào nhân nghĩa mà lấy đó làm nơi yên dừng, tuy có khi ra oai giận dữ, nhưng không thể lâu được. Nhờ đó cuối cùng vua phán chém có hai tên nặng tội nhất trong bảy tên.

Lần khác, vào năm đại hạn, dân đói kém, vua sai Nguyễn Trãi thảo tờ biểu cầu phong. Bọn quan trong Nội mật viện đốt lại tờ ra về thông thái muốn buộc quan Hành khiển đổi lại mấy chữ, Nguyễn Trãi không ghìem được giận, quát to lên: « Bọn các người chỉ quen vợ vét dân lành, hiểu gì nghĩa lý mà cũng đòi lên mặt? Hạn hán, đói khổ chính là do các người mà nên cả ». Bọn này tức lắm, đi gặp mấy tên gian thần bàn cách « trả miếng lại Trãi ». Chuyện đến tai vua. Vua đọc lại tờ biểu, thấy ý tứ đôn hậu, lời lẽ thành kính, câu chữ lưu loát, bèn hạ lệnh cấm không ai được sửa văn của Thừa chi.

Nguyễn Thị Anh hiểu rằng vua Thái Tôn vị nê Nguyễn Trãi không phải chỉ vì ông trung can tài giỏi. Đó mới là một lẽ. Lẽ thứ hai trong cách cư xử của vua đối với Nguyễn Trãi còn là do lời- dặn lại của tiên đế. Đức Thái Tổ Cao hoàng đế quả là người biết lo xa. Từ thời Thái Tôn còn ở tiềm đề, hoàng đế đã cậy Nguyễn Trãi thay lời mình răn bảo Thái Tử. Thái Tử đã từng có thời kỳ phải học thuộc bài «Hậu tư huấn», trong đó có những câu càng ngấm càng sáng:

«... Nếu con cậy mình sáng suốt, dùng người yêu riêng, quan của ta thì ruộng bỏ, chính của ta thì đổi thay, gia pháp không tuân, chỉ thân phể khí, xa người trung trực, gần bọn xiêm du, chỉ điều khoái chí thì làm, chỉ trò ngoạ mục thì chuốc, chẳng theo đức cần kiệm, chẳng nghĩ công gian nan... thì như cò nhân đã nói: Cha đã sắp đặt làm nhà mà con chẳng chịu đắp nền dựng cột; cha đã siêng chăm cấy ruộng mà con không chịu gieo giống gặt mùa...»

Tuy nhiên khi đã kế nghiệp cha ngồi trên ngai vàng, để đâu nhà vua chịu nhớ mãi lời dạy của tiên đế? Mà dù có nhớ lời, để đâu đã làm đúng được như lời. Bọn hoạn quan vô công rồi nghề do Thị Anh chủ xướng, rắp mưu bày đặt làm trò loi cuốn nhà vua vào hết cuộc vui này đến cuộc vui khác. Qua nhiều lần can gián vua không được, Nguyễn Trãi chán nản, mới từ chức triều quan, xin lui về ẩn dật tại quê nhà, bằng lòng làm chức quan «Đề cử» giữ chùa Côn Sơn (còn gọi là chùa Tư Phúc).

Đó là lúc Thị Anh hỏi lòng hỏi dạ. Vắng mặt Thừa chi ở triều đình, phi coi như mình đã nhờ được một cái dinh trước mắt. Nhưng phi hí hứng không được bao lâu. Dùng một cái, giữa lúc Nguyễn Trãi tròn sáu mươi tuổi, vua Thái Tôn lại xuống chiếu vời ông vào kinh, phong cho chức «Gián nghị đại phu kiêm Tri tam quán sự».

Thế là bậc đại phu ấy, mũ áo chỉnh tề, lại vào đứng giữa sân rồng cất cao giọng chính khí, can gián vua và hạch tội



những bọn quyền thần xu nịnh. Trước một con người vững vàng như «cây thông già càng qua năm rét, càng dạn tuyết sương», làm sao mà nguyên phi Nguyễn Thị Anh có thể dễ dàng gièm pha được? Đây là chưa kể đến Nguyễn Trãi còn có một người thiếp là Nguyễn Thị Lộ, đang giữ chức Lễ nghi học sĩ, ngày đêm túc trực bên vua. Nguyễn Thị Anh nghe nói phong thanh rằng Nguyễn Thị Lộ cũng đã nhiều lần cõng dục bàn vào việc can vua đề cứu thoát Ngô Thị Ngọc Dao. Thế thì vợ chồng Trãi quá thật, «vượt mặt, vượt luôn cả mũi», dám đương đầu với một người mà đức vua yêu quý nhất, mà khắp năm cung sáu viện ai cũng phải né tránh!

Bỗng có tin cấp báo về kinh sư: Ngày mùng bốn, đức vua đi duyệt võ ở Chí Linh, xong rồi ghé vào Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Sau đó xa giá về đến Lệ Chi viên thì nửa đêm, hoàng thượng bị cảm, băng (1) đột ngột.

Bọn cận thần bàn với nguyên phi chưa nên vội cho trăm quan biết. Nguyễn Thị Anh liền truyền lệnh đóng chặt tất cả các cung môn, cấm không ai được qua lại bàn tán. Rồi phi cùng bọn tay chân lẳng lặng kéo nhau vào hậu cung.

Ở đây, rì rầm nổi lên cuộc đối đáp tay đôi giữa nguyên phi Nguyễn Thị Anh và tên cầm đầu hoạn quan Tạ Thanh.

Nguyên phi: — Cơ hội đã đến chưa?

Tạ Thanh : — Chỉ có một cơ hội này mà thôi.

Nguyên phi: — Làm thế nào?

Tạ Thanh : — Buộc Trãi tội giết vua.

Nguyên phi: — Lấy gì làm bằng cứ?

Tạ Thanh : — Hãy tống giam Thị Lộ trước. Nay mai thế nào Trãi cũng về kinh chịu tang vua..

---

(1) Chết. Từ dùng riêng đối với vua.

Nguyên phi: – Rồi sao?

Tạ Thanh : -- Bất luôn Trãi.

Nguyên phi: – Rồi sao nữa?

Tạ Thanh : – Sai thâm hình quan dùng cực hình bắt Thị Lộ phải khai...

Nguyên phi: – Nói mau lên! Khai thế nào?

Tạ Thanh : – Khai rằng Trãi xui giấu thuốc độc để giết vua vào nửa đêm ở Lệ Chi viên.

Nguyên phi: – Diệu kế, diệu kế! Nay mai là hoàng thái hậu, ta sẽ phong cho nhà người chức quan Tả hình.

... Đợi cho những người bề tôi tin cần đọc xong tờ trình của tên Giám ti và trao cho Lê Đàm cuộn tròn tờ giấy lại như cũ, nhà vua mới ướm hỏi:

– Các khanh bảo trăm nên xử lý như thế nào? Những kẻ thủ phạm gây nên tội lỗi và những người bị kết tội oan uổng đều không còn nữa... Sự việc xảy ra cách đây trên hai mươi năm giống như một chum nước đục, những cặn bã như bùn đã lắng xuống và nằm im dưới đáy, bây giờ có nên khuấy vẩn lên nữa hay không? Nhất là thủ phạm chính danh lại là Tuyên Từ hoàng thái hậu, một người dù sao cũng đã từng được phụ hoàng của trăm một thuở yêu vì?

Lê Đàm lúc này ngồi bốp trán bực dọc, suy nghĩ: «Lâu nay nhà vua muốn minh oan cho quan Thừa chỉ, nhưng nay đụng đến cái gai công lý, coi chừng nhà vua lại lưỡng lự rụt rè, sợ giầy giởng đến thanh thế hoàng gia! Một bậc minh quân như Thánh Tông, cầm cương giữa đời thịnh trị, trước một lẽ phải hiển nhiên như thế mà còn chưa dám quyết đoán, hèn gì xưa kia người thầy trung thực của ta một mình khăng khăng đứng về một phía để bảo vệ nhân nghĩa, cho nên đã phải chuốc lấy vạ lớn vào thân! Biết đâu rồi Lê Đàm này lại chẳng phải có ngày đi theo vết chân thẳm khốc của

Thầy? Nhưng hồi vong linh người thầy chỉ tồn, chỉ kính, cho dù đến bước ấy con đành chịu vậy, chứ con quyết không thề làm\* nợ, nhìn công lý bị dập vùi!» Ý nghĩ cảm khái ấy làm cho người môn sinh trung thành của Nguyễn Trãi mạnh bạo hẳn lên:

— Muốn tâu đức hoàng đế cao minh — Lê Đạm đứng thẳng dậy — bệ hạ đã từng khuyên bảo chúng thần là phải « ra tay vén bằng được tấm màn mờ ám, làm cho ngay gian sáng tỏ », thần vẫn ghi sâu điều đó. Nay thần trộm nghĩ, nếu được bệ hạ minh xét, đưa ra ánh sáng vụ án vườn Lệ Chi thì chẳng những tiên đế và quan Thừa chỉ cùng những linh hồn oan uổng được rửa hờn nơi chín suối, mà trên cõi trần này, người ngay, kẻ gian đời đời sẽ còn trông vào đức uy của bệ hạ mà ngấm mình. Việc làm quang minh đó, muốn tâu bệ hạ, đâu phải giống như trò quấy vẩn lên một chum nước đục lâu ngày đã lắng xuống! Có chẳng nên coi đó là dụng ý khơi lấy phần trong, gạn riêng ra phần đục, để cho đục trong dưng lẫn lộn mà thôi. Triều trước đã giết oan mất thầy học của hạ thần và cũng là ân nhân của bệ hạ, nay bệ hạ có cho đức người vàng cũng không thay được mạng quan Thừa chỉ! Nhưng chín điều bất hạnh may còn chừa lại được một điều ân phúc, và tai họa tà trời đã bỏ sót lại mẹ con Anh Võ. Nhờ vậy mà lũ môn sinh chúng thần mới hy vọng có ngày được cầu xin bệ hạ xuống chiếu rửa oan cho cả người sống lẫn người đã khuất. Thiết tưởng hai mươi năm trôi qua, nhưng những bằng cứ xác đáng để soi tỏ vụ án vườn Lệ Chi mà bệ hạ vừa trao cho chúng thần, thần đang nắm trong tay vẫn còn nóng hổi.

Lê Đạm tâu liền một mạch. Những vị khác mỗi người đều lên tiếng, nhưng tựu trung cũng không trái với ý kiến của quan Thân tùy. Vua Lê Thánh Tôn chăm chú ngồi nghe từ đầu đến cuối, không phán hỏi thêm điều gì. Sau đó người lắng lặng thu lại cuộn giấy ở tay Lê Đạm, rồi truyền lệnh

cho mọi người lui. Nhìn sắc mặt hoàng đế lúc này khó mà đoán biết được tâm trạng của Người. Tuy vậy, các quan đại thần và Lê Đàm ra về, ai cũng lòng hèn lòng tin tưởng..



Mấy hôm nay dân chúng kinh sư và nhiều vùng trấn, đạo trong nước, lại xôn xao lên về cái tin vua Lê Thánh Tông xuống chiếu minh oan cho ba họ nhà quan Thừa Chi Nguyễn Trãi. Mặc dù tờ chiếu đã lý giải từng mục một, đọc đi đọc lại kỹ càng rồi, nhiều người vẫn cứ thích nhắc nhở bàn tán.

— Tài thật ! Vụ án Trại vải<sup>(1)</sup> cách đây trên hai chục năm, tưởng đã phi tang mất tích, thế mà hoàng đế còn đem ra bắt triều thần nghị xử lại truy tận gốc phân minh rành rọt. Bây giờ «cháy nhà mới ra mặt chuột»! Gớm, cái mụ nguyên phi Nguyễn Thị Anh chẳng rõ mặt mũi đẹp đẽ thế nào, nhưng xem chừng nanh nọc lắm.

— Có thể mới có câu « nhất tiểu khuynh thành, tái tiểu khuynh quốc »<sup>(2)</sup> chứ !

— Nhưng bác ạ, chúng tôi nghĩ, nhan sắc mụ Nguyễn Thị Anh dù có « nghiêng thành, nghiêng nước » cũng không đáng đề cho vua Thái Tông phải thiệt mạng, nhất là dân nước ta bị mất một bậc trung can tài giỏi như cụ Nguyễn Trãi !

— Thôi, các bác ơi, chuyện cũ đã qua, chúng ta có hối tiếc cũng vô ích. Chi biết vua Thánh Tông ngày nay xuống chiếu rửa oan cho quan Thừa chi, thế đã là chí công, chí sáng lắm rồi.

— Tôi nói ra điều này xin các ông, các bà phải giữ kín miệng cho nhé... Không có quan Thân tỳ Lê Đàm là môn

---

(1) Vườn Lê Chi còn có tên gọi là Trại vải, hay Vườn vải.

(2) Cười một lần nghiêng thành : cười lần nữa thì nghiêng nước.

sinh cũ của quan Thừa chỉ khăn cầu thúc giục, thì dừng hồng hoàng để đã chịu làm cái việc « chí công chí sáng » ấy cho đâu !

– Ô, chúng tôi chỉ nghe tờ mớ, bây giờ bác nói mới rõ hơn. Thế... bác này, có phải chính quan Thân tùy đứng ra xin cho Anh Võ được nhận lại họ cha và được bỏ nhiệm chức Tri huyện Sơn Nam đó không ?

– V... ơng, chứ còn gì nữa !

– Lại còn nghe nói thế này nhé : lúc đầu, hoàng đế toan xuống chiếu minh oan cho có một mình cụ Nguyễn Trãi thôi. Quan Thân tùy Lê Đàm không chịu. Ngài đòi đề bà Nguyễn Thị Lộ và cả ba họ nhà quan Thừa chỉ cũng phải được tẩy oan. Thế mà hoàng đế cũng phải thuận đấy... Có đúng thế không hả bác ?

– V... ơng ! Đúng quá, chứ còn gì nữa !

\*  
\*\*

Ở phía tây trấn Sơn Nam, tại cổng đình làng Đoài cũng có dán một tờ chiếu minh oan... giống như các tờ chiếu nơi khác. Nhưng không thấy dân chúng ở đây bàn tán gì cả. Họ còn bận theo cụ Xã trưởng tới chúc mừng quan huyện mới. Cửa đóng tịt, cũng vì nghe đồn Tri huyện Nguyễn Anh Võ còn trẻ măng mà đã giết giải thủ khoa nên nhiều trai làng, gái làng hiếu kỳ muốn nhân dịp này kéo nhau đi xem mặt con trai cổ « Gián nghị đại phu ».

Trông thấy cụ Xã trưởng, Anh Võ nhận ra ngay đây là ông già chít khăn nhiều đờ đã cùng sánh vai chung một đờn kiệu rờng với chủ quán Cồn Sơn cái hôm vui nờ trời, các cụ dẫn đầu nghĩa binh đi rước vua từ Gia-đề về cung, Hai người gặp nhau tay bắt mặt mừng hỏi han chuyện làng, chuyện nước. Cụ Xã trưởng thay mặt bà con nói mấy



*Hai người gặp nhau tay bắt mặt mừng...*

lời chúc tụng, rồi ngỡ ý muốn mời tân quan đi thăm một số nơi phong cảnh đẹp trong vùng... Nghe nhắc đến cái thắng tích « eo sông Đáy », « hang núi Cảnh Diệu »..., quan huyện trẻ cố mừng tượng nhớ lại câu chuyện mẹ kể từ những ngày lưu lạc đi tị nạn được dân làng ở đây nuôi giấu, lòng không khỏi bồi ngùi mừng tủi. Quan huyện Sơn Nam nắm tay cụ Xã trưởng xã Đoài :

— Đất và người quê ta vốn dày nghĩa, dày tình. Cháu muốn theo cụ và bà con đi thăm phong thổ đó đây, ngặt vì đã trót hẹn với anh Lê Đàm ..

— Hẹn việc gì với quan Thân tùy mà gấp gấp thế, có thể nói cho chúng tôi biết được không, thưa huyện quan? — Cụ Xã trưởng hỏi xoắn xuýt.

Tri huyện Nguyễn Anh Võ tùm tùm đáp :

— Nhất định gấp đến nơi rồi cụ ạ, song bà con đều đáng tin cậy cả, nên cũng không có gì phải giấu. Nói nhỏ thôi: hoàng thượng sắp về Lam kinh bái yết tôn miếu! Anh Lê Đàm hẹn cháu, anh em sẽ gặp nhau đúng vào ngày hoàng thượng tới hành tại.

Sợ cụ Xã trưởng chưa hiểu, quan huyện phải giải thích thêm :

— Vâng, trên đường xa giá đi qua, các quan sở tại chỉ việc bày hương án cùng các chức dịch bái vọng tại chỗ. Riêng cháu, hoàng đế cho gọi thẳng về Lam kinh...

Cụ xã trưởng gằn như reo lên nói với mọi người :

— Thế thì dân xã Đoài, dân Sơn Nam chúng ta vinh hạnh lắm, có « quan phụ mẫu » <sup>(1)</sup> được vua vời tới tận cố đô.

Rồi cụ quay về phía Anh Võ :

— Chúc tân quan nay mai thượng lộ bình an!



---

(1) Tiếng gọi quan Tri huyện và Tri phủ một cách quý mến, coi như cha mẹ.

Xa giá đến Lam kinh vào một ngày nắng đẹp. Những búp non, nụ biếc lâu ngày tắm mình trong tiết mưa phùn, đang khao khát khí âm, nay được tiếp xúc với ánh mặt trời, đâm chồi nảy lộc càng khỏe. Mùa xuân đang độ chín. Đất, trời, người đều ngậy ngát hương xuân. Trước đây hàng tháng, trai gái các nơi đã tụ hội hát xướng duyệt tập các trò vui; các cụ già lau chùi đến bóng nhoáng những cỗ hương án chạm rồng chạm phượng chuần bị đón xe vua về Lam kinh. Nắng phản chiếu sáng lóa những cây đèn đồng và lu đồng đặt nghiêm trang trên các cỗ hương án. Nắng làm bừng lên màu sắc quần áo diêm đúa. Nắng nhuộm vàng thêm những bộ lông óng mượt của những con bò mộng đang ung dung gặm cỏ trên bãi non xanh. Nắng đùa giỡn trên dòng sông cùng những chuyến đò chờ đi báo tin hoan hi. Nắng no vui. Nắng thái bình. Các em bé mục đồng, các cô gái lái đò véo von ca trong nắng ấm:

*Đời vua Thái Tông, Thái Tông (Tôn)*

*Con bẻ, con bông, con dật, con mang...*

Trên mảnh đất rộng ngày xưa vua Nhân Tông chọn làm hành tại, nay vua Thánh Tông lại cho ra lệnh mở hội ở đấy. Vẫn có hai chiếc lọng vàng như lợp bằng ánh bình minh. Vẫn có hàng trăm quan quân, mũ áo, ngựa xe rợp trời hộ giá, nhưng người ta không còn nơm nớp lo sợ như ngày nào nữa. Khắp các nẻo đường, người đổ về như nước, đến gần hành tại đoàn nào cũng muốn vượt lên trước để được nhìn thấy rõ mặt vua.

Hai chiếc lọng vóc vàng chỉ cắm dè làm vì. Quang Thục hoàng thái hậu và Thánh Tông hoàng đế không thích ngồi một chỗ, mà đi vào đám đông chen vai thích cánh với mọi người. Các quan sở tại tỏ ra miễn cảm, vội quát lính dẹp đường cho nhà vua và thái hậu đi. Quan Thân tùy Lê Đàm thấy vậy, gắt lên: « Các người làm gì đấy? Bao nhiêu năm



hoàng đế mới được về quê cha đất tổ. Người và thái hậu vui vì cái vui trăm họ, tại sao các người dám ngăn cản làm cho dân chúng sợ hãi?»

Nhà vua tán đồng ý kiến đó. Người đuổi hết quân lính lui về phía sau, rồi cùng thái hậu và quan Thân tùy tiếp tục đi xem hội. Trên khoảng đất rộng bao quanh bằng những hàng gióng tre sơ sài, nhiều trò chơi đang diễn ra. Tiếng trống hội cuộn lên từng hồi náo nức. Những lá cờ ngũ sắc phần phật trước gió... Nhà vua dừng lại bên đám múa lân. Một cái đầu lân to tướng kéo theo cái đuôi dài có hai người đóng khố tía cầm đỡ hai bên, đang chập chờn múa lượn với một ông phỗng cầm chiếc côn bằng gỗ nhuộm nâu. Bên cạnh, một cụ già râu tóc bạc phơ, dáng quắc thước, tay áo thụng xắn lên quá khuỷu đang vung tay nện lên chiếc trống đại từng nhịp «thùng thì thùng»... Người đóng lân đã khéo người phỗng múa còn ngộ nghĩnh hơn, càng múa càng say, càng xem càng luyến... Bỗng nhiên, tiếng trống «gióng một» chuyển sang nhịp dồn dập «gióng đôi» từng từng! từng từng! từng từng, chiếc đầu lân chập chờn ngừng lại một khắc rồi vọt lên bắt chợt vờ lấy người cầm côn. Hụt rồi. «Ông phỗng» nhanh nhẹn né sang một bên và bằng một cái trượt chân ngã vờ rất khéo, trườn lên túm lấy tai lân. Con lân lắc chiếc đầu to tướng, kéo bệt đuôi xuống đất chịu đê cho người cầm côn giẫm lên lưng, vung tay múa tít... Tiếng trống lịm tắt trong tiếng cười bật lên òn ã...

Nhà vua bước vào giữa đám, ban thưởng cho các người đóng trò vừa rồi, và lại tiếp tục đi xem chỗ khác.

... Cuối cùng đến một nơi, gần gốc da già, nhà vua giữ thái hậu và quan Thân tùy dừng chân lại lâu hơn cả. Chung quanh gốc đại thụ, cùng với nhịp «tung tung» nổi lên rôm rả của những chiếc trống cơm, hơn ba mươi trai gái khỏe mạnh đang nắm tay nhau múa hát. Bên nam chít khăn đàn riu, đóng khố tía, hông cài dao, mình trần bóng nhẫy. Bên



*Đình lại bên đám múa lân*

nữ mặc áo nâu buộc tà, thắt lưng hoa lý, trên vai khoác dải lụa đào mỏng tang phấp phới bay là là như chiếc cầu dải yếm trong chuyện tình sử dân gian. Vua ngàn ngờ thả hồn theo dải lụa và tiếng hát ngọt ngào trầm bổng... Trước mắt hoàng thượng hiện ra cảnh những mái nhà yên vui, những buổi chợ phiên đông đúc, những buổi trưa hè tịch mịch tiếng ru vơi vơi mệnh mang lượn vòng ngõ trúc, băng qua đồng nội vọng đến tận cổng đô thành Tây Giai: *À ơi.. Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ... Chàng về Hồ Hán, thiếp về Hồ Tây*<sup>(1)</sup>... A ời... Có cô hàng xóm ngày thơ bên lén mở chiếc khăn hồng lấy vôi miếng trầu tèm cánh quế trao tặng người yêu ra lính. Kia, giặc Minh tràn đến. Lửa cháy, nhà thiêu, chợ búa tan hoang, mẹ con bồng bế nhau chạy loạn, vua tôi ly tán và... lời ru im bật, Giọng hát của đoàn hợp ca trầm xuống như dau cùng với nỗi đau mất nước... Phút chốc hoàng thượng lại thấy diễu qua trước mặt mình những đội hùng binh. Trống thúc, chiêng khua, tất cả thừa sống thiếu chết lẫn xả vào quân giặc. Chiếc chòi cao dựng lên ngay trước mũi tên thù. Vua Thái Tông ngự trên tầng thứ nhất. Nguyễn Trãi ngồi bày kế phá trận đồ và thảo hịch ngay ở tầng thứ hai. Lời hịch truyền đi tạo ra trăm cách đánh, chặn đứng thế tiến công của giặc, rồi đẩy lui chúng, rồi buộc chúng phải đầu hàng, rồi thái bình trở lại, khắp nơi vang vang lời «Bình Ngô đại cáo»... Giọng hát của đoàn hợp ca tự nhiên trở nên thiết tha đầm ấm gọi lại cảnh chiến thắng oanh liệt, cuộc sống êm đềm và hạnh phúc tràn dâng...

---

(1) Câu ca dao phản ánh sự tích xây dựng thành Tây Giai đời nhà Hồ, câu chuyện tóm tắt như sau: Một viên quan của nhà Hồ trông coi việc xây dựng thành Tây Giai (Thanh Hóa), nhớ người yêu là một thiếu nữ thuộc dòng dõi nhà Trần, đang dèm trốn về thăm. Hôm sau trở lại bị Hồ Hán Thương bắt, chém. Nghe tin này, cô thiếu nữ đến đập đầu vào cổng thành, chết theo. Hồ Hán Thương là chỉ vào Hồ Hán Thương, Hồ Tây chỉ vào nhà Trần.

Tiếng trống cơm dừng hẳn, nhà vua mới sực tỉnh. Người bång hoàng hỏi quan Thân tùy :

– Khanh thấy điệu múa hát này thế nào, không hợp với thời thượng chăng ?

– Tâu bệ hạ, thần trộm nghĩ đây mới chính là cái gốc văn, gốc nhạc của nước Đại Việt ta.

– Sao vậy, khanh ?

– Tâu bệ hạ, thần chỉ biết cảm xúc như vậy, còn lý giải thông tường, có lẽ phải nhờ đến bậc uyên bác như quan Bí thư Giám học sĩ.

Đức vua lại hỏi :

– Nhưng ít ra khanh cũng phải biết khúc điệu ấy tên gọi là gì chứ ?

Quan Thân tùy cười thầm trong bụng : « Hoàng thượng thử dò ý ta hay là Người quên thật ? Ngày xưa (khi còn là Bình Nguyên vương) đi hộ giá vua Nhân Tôn, chính Người đã cùng ta được mục kích sự nổi giận của Tuyên Từ hoàng thái hậu vì khúc điệu này rồi còn gì... ». Nhưng đang suy tính chưa biết có nên nói ra điều đó hay không thì may vừa lúc đó quan lại bộ kiêm Bí thư Giám học sĩ bước ra tâu :

– Muôn tâu thánh thượng, hạ thần đã có dịp tiếp xúc nhiều với phong tục hội hè của dân chúng vùng này. Đây là khúc điệu mà thị dân Lam kinh quen gọi là điệu « ri ren » rất thịnh hành ở các làng ven sông Mã và sông Chu. Ngày trước, đức Thái Tò hăm mộ lắm ! Đến thời Thái Tôn hoàng đế, thỉnh thoảng còn được nhắc tới. Nhưng đến thời vua Nhân Tôn thì Tuyên Từ hoàng thái hậu... cấm ngặt. Dạ, muôn tâu... lời ca của nó chính là do quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi và bà Lễ nghi học sĩ Nguyễn Thị Lộ soạn ra đấy ạ !

Nhà vua ngờ ngợ nhớ lại, tấm tắc khen ngợi một lần nữa :

– Nghe<sup>sw</sup> khanh tâu, trăm cũng tin là như vậy. Bởi vì chỉ có những bậc văn tài chân chính mới có thể đặt ra lời ca

trong sáng như thế mà thôi. Thương thay cho đôi tâm hồn tài đức song toàn ấy!

Sợ hoàng thái hậu mệt, quan Thân tùy mời nhà vua quay lại hành tại, lại xin hoàng đế chuẩn y tại chỗ cho việc khao tặng các sĩ, dân có công trong việc hiến trò vui.

Sáng hôm sau, nhà vua vào bái yết Vĩnh Lăng và Hựu Lăng. Sau lễ tưởng niệm ôn lại những công đức của tiên đế đối với xã tắc, nhà vua truyền cho mọi người lui hết ra ngoài, rồi một mình thơ thần dạo gót trong khu lăng mộ. Điệu «rí ren» hôm trước còn để lại dư vang trong tâm trí hoàng đế. Người như đang cùng sống lại với lớp cha ông thuở trước. Đây, các tiên đế đã vào sinh ra tử bao nhiêu phen mới dựng nên tôn miếu, để lại nghiệp lớn như thế này. Ta ở ngôi mấy năm rồi, phỏng đã làm được công trạng gì đáng để khắc tên tuổi vào bia đá, lưu danh cho đời sau? Những dòng chữ trên tấm văn bia Vĩnh Lăng đập vào mắt nhà vua, thời gian chưa hề làm mòn mỏi, nét khắc chạm trông vẫn còn như mới:

*Năm mậu Tuất dấy quân khởi nghĩa, đóng tại Lạc Thủy, trước sau hơn mấy chục trận, đều đặt phục ra kỳ, tránh giặc hàng, đánh giặc (lúc chúng) mệt, lấy ít đánh nhiều, lấy yếu thắng mạnh...*

Ôi, lại Nguyễn Trãi! Ở đâu ta cũng gặp Nguyễn Trãi. Giá trong số bề tôi của ta có được nhiều người tài đức... ở... như Lê Đàm, môn sinh cũ trung thành của Nguyễn Trãi, thì đâu đến nỗi ta phải sớm bạc đầu!

Một ý nghĩ vụt đến. Hoàng đế đứng dậy quay mình đi nhanh ra ngoài, ở phía ấy các quan hộ giá đang sốt ruột ngóng đợi... Không kịp đề mọi người thì lễ, nhà vua gọi quan Lễ nghi lấy ngay bút mực ra. Một đạo dụ vừa được soạn sẵn trong óc, tự tay Người thảo gấp, nét mực chưa ráo thì các viên xướng lệnh đã truyền đi khắp nơi:

*«Phàm những di cáo của Thừa chỉ Nguyễn Trãi còn phân tán lưu lạc bấy lâu, bắt luận quan, dân, sĩ, tốt, ai*

*còn giữ được phải nộp ngay cho quan Huấn đạo sở tại để chuyên gấp về Bí thư các cho trảm. Ban thường cho người có công và trừng phạt những kẻ cố tình làm trái lại đạo dụ này. Từ nay hủy bỏ hẳn lệnh cấm lưu hành các di cáo, bút tích của Thừa chi Nguyễn Trãi...*

... Hoàng đế lại ban thêm một sắc chỉ cho quan Hàn lâm viện được phép thu thập biên soạn tất cả những văn, thơ, phú, lục rải rác của Nguyễn Trãi. Quan dân xa gần tiếp được các sắc chỉ và đạo dụ này, ai nấy mừng như người được mách chỗ tìm lại của báu...

Quanh quần trong sơn lăng mãi quá Ngọ, nhà vua mới trở về hành tại. Người mới nghỉ ngơi giây lát, thì quan Bí thư Giám học sĩ lại vào báo :

– Muôn tâu thánh thượng, có một đoàn trên hai chục bô lão tự nhận là những người sống lâu nhất ở Lam kinh, muốn được vào bái yết bệ hạ.

Vua Thánh Tôn vừa thay y phục, lại phải vấn tóc, buộc lại dải áo, thân hành ra tiếp. Thì ra dân chúng trong vùng tiếp được đạo dụ hồi sáng, mừng rỡ quá, liền cử các vị bô lão đến tạ ơn hoàng đế. Một cụ đáng chùng đẹp lão nhất trong đoàn, vất bộ râu dài qua vai, trải rộng vạt áo thụng lam, cung kính quỳ xuống dâng lên một tập dày cộp :

– Muôn tâu thánh thượng, lữ thần có mặt ở đây, người ít tuổi nhất cũng đã tròn chín chục, đều có diễm phúc được sống từ thời Thái Tổ Cao hoàng đế dấy nghiệp. Tiên nhân nói : « Sống nhiều phải biết nhiều », lữ thần không dám nhận như vậy. Nhưng biết gì, dầu lòng dầy run sợ cũng xin mạo muội tâu lên... Người dân trên đất cố đô này từ khi được đọc tờ chiếu rửa oan cho Thừa chi Nguyễn Trãi, kẻ biết nghĩ sâu chỉ mới vui được nửa bụng, bây giờ bệ hạ ban lệnh tiếp, cho sưu tầm tất cả những di cáo của quan Thừa chi, mọi người mới thật sự hồi lòng hồi dạ. Đó là vì, lữ thần trộm nghĩ, bệ hạ đã coi trọng nghiệp lớn của tiên đế mà bảo tồn lấy di sản

văn hiển muôn đời. Cho nên, tuổi già như quả chín không biết rụng lúc nào, lũ thần nhớ được những gì về văn thơ Nguyễn Trãi, đã giấm giúi truyền miệng chép tay bấy lâu nay xin sốt sắng dâng lên bệ hạ. Cúi mong Người đừng mắt đính chính lại những chỗ sai sót, lầm lẫn, rồi cho truyền bá rộng rãi trong trường Quốc tử Giám cũng như các trường ốc hương xã.

Vui mừng ôm chông sách vào lòng, nhà vua xuê xòa cùng ngồi xếp bằng tròn xuống chiếu trò chuyện với các vị bô lão:

— Thật là vạn phúc, vạn phúc!—Nhà vua nói.—Việc làm này ích lợi xiết bao: vừa vì xưa, vừa vì nay, lại cho cả mai hậu. Trẫm còn trẻ người, non trí nhưng bao giờ cũng ham nghe điều phải. Trẫm xin nhận ngay lời thỉnh cầu của các lão phu.

Nói đoạn, nhà vua truyền lấy vóc, lựa ra ban thưởng cho cả đoàn, không sót một vị nào.

Không ngờ mỗi người nhận phần mình xong, các vị bô lão tập hợp tất cả vật phẩm lại một nơi rồi vị đại diện ban này lại tâu lên:

— Muôn tâu thánh thượng... như thế này coi như lũ thần đã được hưởng lộc của bệ hạ rồi. Lũ thần đều gần đất xa trời, được ngồi với bệ hạ một chiếu còn sướng hơn vạn lần được mặc áo đẹp, chỉ cúi xin thêm bệ hạ một điều...

— Xin các lão phu đừng ngần ngại, cần điều gì cứ nói.— Nhà vua khích lệ.

Vị bô lão đầu đám, đứng dậy, khép vạt áo, lạy mấy lạy rồi kê lại cho nhà vua nghe câu chuyện cảm động về ông già họ Cao nghĩa khí ngày xưa... bên gốc cây đa.

Nghe xong, hoàng đế không cầm được nước mắt, ngửa mặt lên trời mà thở dài:

— Than ôi! Các tồ phụ và tiên triều đã cho ta quyền kế nghiệp nhưng tiên triều cũng đã làm cho đất nước ta không thiếu gì người hiền tài trung nghĩa bị chết oan uổng!

Hoàng đế mang máng nhớ lại sự việc một người xấu số đã gây ra nhiều chuyện rắc rối cho vương phủ năm xưa bằng những lời trăng trối kỳ lạ ghi trong lá thư tuyệt mệnh... Người chưa hứa điều gì với các vị bô lão, nhưng sau khi tiễn chân các vị khách quý cao tuổi ra về. Người tra vấn lại việc cũ, bàn bạc thêm với quan Thân tùy Lê Đàm và quyết định ban sắc chỉ truy phong cho ông già họ Cao là « Trung liệt sĩ ». Ngoài ra, Người cùng đi với quan Thân tùy đến tận nơi thăm di tích ngày trước. Ở đấy, trên ngôi gò cao, gốc đại thụ xưa từ dòng nhựa quánh đỏ, đã mọc lên tự bao giờ một thân cây tươi tốt; nhân đấy vua cảm khái đòi lấy giấy bút đề thơ.

Trên đường xa giá hồi kinh đến ngã ba trấn Sơn Nam cách núi Cánh Diều nửa dặm, hoàng đế cho kiệu rờng đỗ lại. Người đích thân cải trang làm một người khách bộ hành lạc đường đi sâu vào làng Đoài. Quan Thân tùy nháy mắt bảo khê Tri huyện Anh Võ : « Hoàng thượng muốn vi hành (1) đề điều tra dân tình vùng chú cai trị đấy! »

Anh Võ hồi hộp đứng thần người ra, không biết trả lời như thế nào. Lúc ra đi, chàng có tạm giao quyền cho cụ xã trưởng xã Đoài trông coi mọi việc, chẳng hiểu ở nhà cụ xử sự thế nào? Nhưng điều chàng lo lắng thực ra không cần thiết. Sẵn lòng hâm mộ tân quan từ trước, nên trong khi Anh Võ vắng mặt, cụ xã trưởng và các chức dịch vẫn chăm lo việc công rất chu đáo. Hoàng thượng đi vi hành đến đâu, đề mắt quan sát một việc gì, Người cũng thấy hài lòng và đều phải tự khen thầm trong bụng : « Chà ! Anh Võ khá thật ! Đúng là dòng dõi chính trực, liêm khiết, « con cha, cháu ông ! » Chưa từng trải việc trị dân, mới chân ướt chân ráo về vùng này, mà xem chừng được dân yêu, dân phục ra trò. Cứ nhìn vẻ mặt của họ, ta đủ hiểu. Người làm ruộng, kẻ đi

---

(1) Vua chúa đi ra ngoài một cách bí mật để xem xét tình hình dân chúng.



học, người ngồi ở công đường cho đến em bé chần trau ngoài bãi... mỗi người một việc, ai nấy đều hơn hờ, siêng năng. Thế mới biết người cai trị giỏi trước hết phải là người thực bụng thương dân, và thực sự được dân tin cậy. Chỉ dùng quyền uy để trừng phạt chưa hẳn đã là thượng sách. Lần này trở về kinh, có lẽ ta phải bàn với các quan thượng thư, định lại một số thề chế hành pháp của triều đình»...

Đi gần tới công đường của Tri huyện Anh Võ, hoàng thượng nhìn thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, quần áo tươm tất đang cầm cái chổi rế quét rác từ công huyện quét ra.

«Đúng là cụ già khệnh kiệu năm xưa! – Nhà vua nhớ ra ngay – Phải rồi! Anh Võ đã trình cho ta hay là mấy ngày rày tạm giao quyền cho cụ già này làm chủ sự, ấy thế mà... chà! Quý hóa thật, không nề hà điều gì, hăng hái làm cả cái việc nhỏ mọn tầm thường này...» Hoàng thượng giả bộ một người dân thường, lên tiếng hỏi thăm:

– Thưa cụ, chúng tôi là khách phương xa lỡ độ đường, muốn xin quan huyện cho tạm trú chân...

– Quan «phụ mẫu» có việc lai kinh rồi! – Cụ già ngừng tay ngừng lên nhìn người khách, đáp – Nhưng quả thật nếu bác lỡ độ đường thì xin mời vào đây nghỉ tạm.

– Nhưng xin lỗi... cụ là ai mới được chứ?

– Lão là... – cụ già cười hóm hỉnh – một người quét rác!

– Ồ, thưa cụ, tôi nghĩ, phải là quan huyện, hoặc một người có quyền ở đây mới giúp đỡ tôi được chứ! Nếu phải quan trên đã đi vắng, xin cảm ơn cụ, tôi đi đây.

Cụ già gọi giật lại:

– Này, bác ơi, bác cứ nghỉ lại, không sao mà! Lão có thề thay quyền quan huyện giúp đỡ bác được.

Người khách lại hỏi vặn:

– Cụ nói đùa đấy chứ! Tại sao một người có thề thay mặt quan huyện, lại cầm chổi đi quét rác?



*Có giới cử vịnh ngay cho lão bài thơ « cái chổi » đi t*

Bấy giờ cụ già mới phát gắt, nói mĩa mai:

– Nếu bác nghĩ như thế thì xin mời bác đi ngay cho là tốt! À! Nhưng lão cũng muốn được biết bác là hạng người như thế nào, làm nghề gì?

– Tôi là... là một thầy đồ.

Cụ già bỗng vừa nghĩ ra điều gì, cười lên khoái trá:

– Thầy đồ hả? Tuyệt thật! Thảo nào hạng người dài lưng tợn vãi như bác mới không dám làm cái việc quét rác này.

Ngần ngừng một lát, cụ đòi giọng nài ni:

– Nói vậy thôi, lão biết thầy đồ không quen cầm chổi nhưng lại thạo cầm cán bút. Thầy đồ có giỏi, làm thơ đi đọc lên cho lão nghe nào?

Người khách tỏ ra dễ dãi, không từ chối:

– Xin cụ ra đề đi! Tôi sẽ gieo vần ngay.

Cụ già ngẫm nghĩ rồi lấy tay đập đập vào cán chổi:

– Đây này, thầy có giỏi cứ vịnh ngay cho lão bài thơ « cái chổi » đi!

Chưa đầy một khắc, người khách dang hăng giọng cất tiếng ngâm:

*..., « Lời chúa vâng truyền xuống ngọc giai<sup>(1)</sup>*

*Cho làm lệnh tướng quét trần ai<sup>(2)</sup>*

*Một tay vung vẩy trời tung gió*

*Bốn cỡi tung hoành đất sạch gai...*

Khách ngâm xong, rào bước đi thẳng. Cụ già cưỡng quýt mời thầy đồ nán lại đề cụ lấy giấy bút ra chép bài thơ trên,

---

(1) Thêm ngọc.

(2) Bụi trần.

nhưng... không kịp nữa! Thoáng một cái, khách đã ra đến đầu làng, đi về phía núi Cánh Diều. Cụ già sững sờ nhìn theo:

— Thiên hạ lắm người tài thật! Văn chương khẩu khí như thế mà không đỗ đạt cao, chỉ làm được đến anh thầy đồ. Tiếc quá, giá hôm nay quan huyện Anh Võ ở nhà, đã gặp được bạn văn chương, vui biết mấy!

★  
★★

Đám cưới quan Tri huyện Sơn Nam không đóng năm rạp, bảy rạp, không mổ trâu, mổ bò, không mang kiệu hoa đi rước dâu... mà tiếng đồn dậy khắp mấy vùng. Nhất là dân chúng hàng huyện, người ta coi đó như là việc vui mừng riêng của chính bản thân và gia đình họ. Người thì khoe:

— Tôi biết... cụ Xã trưởng xã Đoài làm mối cho quan chứ còn ai nữa! Chẳng là cái hồi Phạm phu nhân về lánh nạn trong hang núi Cánh Diều, bà Tèo làng mình có hay lui tới mang cơm, mang cháo cho phu nhân mà... Ôi chao, hồi đó bà ta còn đi mò cua, mò cá, cũng mới có mang được vài tháng như phu nhân, rồi sau này đẻ ra một mụn con gái... Cô con gái ấy lớn lên cũng học làm nghề dâu tằm và cấy ruộng lam lũ như chị em cánh mình thôi... Ai ngờ tốt số thế, bây giờ lại trở thành một bà quan huyện.

Người thì tỏ ra vẻ thông tỏ ngọn nguồn họ nhà gái nhiều hơn nữa:

— Nay, tôi đó bà con biết gốc rễ quê quán của nhạc gia<sup>(1)</sup> quan huyện ở đâu nào? Chịu cả rồi chứ gì! Đầu đuôi thế này nhé: Chồng bà Tèo làng ta, người ở tận vùng Côn Sơn, từng là nghĩa binh xưa kia theo cụ Nguyễn Phi Khanh, tức ông nội quan huyện Anh Võ bây giờ. Sau khi cụ Nguyễn bị giặc

---

(1) Nhà vợ.

Minh bắt về Tàu, vợ chồng bà Tèo phần muốn tránh con mắt dò la của bọn quan đô hộ, phần ngao ngán thế sự, mới bỏ dất tồ đi ăn về trấn Sơn Nam chúng ta...

— À... ra thế... « Bà huyện » té ra cũng thuộc con nhà dòng dõi đấy chứ. Thảo nào bốn năm năm về trước khi ông thân sinh mất, họ hàng quen thuộc ở Côn Sơn về đi đưa đám đông đến thế!

Nhưng có một điều hết sức quan trọng mà người dân Sơn Nam chưa tài nào đoán biết được: tại sao qua ngày cặp tân hôn « động phòng hoa chúc » rồi, Phạm phu nhân vẫn chưa về vui vầy với con rể và con dâu?

Lại có tin vợ chồng quan huyện đang sửa soạn thượng kinh gặp. Cọc chèo buồm, lái đã sẵn sàng cả ở bến sông Đáy, chỉ còn chờ gió đông nam nổi lên là nhờ sào... Phạm phu nhân gặp chuyện gì rủi ro ở xa chẳng? Hay đức vua triệu quan huyện về kinh đề Người ban chúc? Hay... Đều là phỏng đoán cả thôi. Chỉ có cụ Xã trưởng xã Đoài, may ra mới biết chắc. Nhưng ai dám thóc mách đến gặp cụ đề hỏi? Mà hỏi, chắc đâu cụ đã nói thật!

\*  
\*\*

Sau khi hộ giá hoàng thượng đi Lam kinh báiyết Sơn Lãng, trở về, quan Thân tùy Lê Đàm bị ốm đột ngột. Lúc đầu cũng tưởng cảm mạo qua loa thôi. Về sau thấy người bệnh cơm cháo không ăn, thuốc thang không uống, cứ nằm ngửa mắt nhìn trừng trừng, một bàn tay luôn luôn đặt nơi mỏ ực, hễ nhắc bàn tay ấy đi, bệnh nhân lại nổi cơn đau. Quan Ngự y đến xem mạch nhiều lần, một hôm tâu với Thánh Tôn hoàng đế:

— Muôn tâu bệ hạ! Nhờ ân đức bệ hạ, thần đã tìm ra được căn bệnh của quan Thân tùy.

– Thế thì còn đợi gì mà nhà ngươi không nói cho trăm biết.

Đó là điều nhà vua không thể ngờ tới: cái dây ngang đường do bọn hung đồ, tay chân của Nghi Dân ngày xưa làm cho Lê Đàm bị ngã ngựa bất thành linh, chỉ để lại một vết lằn mờ nhỏ không đáng kể ở phía ngang ngực. Chính cái vết lằn đó đã dẫn tới những cơn tức thở lúc trở trời trái gió, những cơn mê sáng giữa giấc ngủ đang ngon. Chính cái vết lằn đó là căn nguyên gây nên một thương tích âm ỉ bên trong mà từ lâu Lê Đàm vô tình không biết. Mãi gần đây, do thuật khéo léo, nhãn nại thăm dò lai lịch bệnh nhân, quan Ngự y mới phát hiện ra điều đó.

Hi vọng Lê Đàm qua được cơn bệnh trọng, nhà vua hờn hờ giục quan Ngự y:

– Khanh hãy kê ngay đơn và cho bốc thuốc đi! Trăm phó thác tính mạng quan Thân tùy ở nơi khanh, khanh đừng phụ lòng trăm nhé!

– Hạ thần xin bái lĩnh những lời vàng ngọc của bệ hạ. Nhưng muôn tâu bệ hạ..., căn bệnh của quan Thân tùy rừu chỉ chạy chữa bằng thuốc thang e rằng không đủ.

– Vậy thì khanh bảo căn phải làm gì nữa?

– Thần cúi xin bệ hạ cho bệnh nhân được tự chọn lấy một nơi thích hợp để vừa điều trị, vừa tĩnh dưỡng.

Thời thường những khi rối việc triều chính, chỉ có hai vua-tôi bên nhau, Lê Đàm đã có lần thỏ lộ niềm ao ước của mình:

– Sau này thần đến tuổi già, chỉ mong bệ hạ cho về an dưỡng ở Trại Vải.

– Đất nước của trăm thiếu gì nơi ngoạn mục, danh thắng, tại sao khanh lại xin lui về một nơi mà trước đây tiên đế ta bằng hà đột ngột, còn để lại một nghi án cho đến ngày nay?

– Muôn tâu bệ hạ, ngày nay vụ án vườn Lệ Chi đã được bệ hạ soi tỏ rồi... Nếu thần được về đấy dưỡng nhàn, sẽ

chỉ cảm thấy tâm hồn thanh thoát, lòng dạ yên tĩnh mà thôi. Xin bệ hạ đừng quá lo xa ! Thần xin hứa với bệ hạ không bao giờ coi Trại Vải còn là nơi gọi lại những kỷ niệm đau thương, hãi hùng, mà thần sẽ coi đó như là thái ấp của công lý. Thần sẽ chăm sóc, bồi đắp, mở mang cho nó, đề dòi dòi Trại Vải vẫn mùa kế mùa nặng trĩu quả thơm, cho người người các thế hệ mai sau nhìn thấy nó như nhìn thấy sự tất thắng của lẽ phải, nhìn thấy sự sáng láng của bệ hạ và họ sẽ nhớ lại rằng người thầy vô vàn yêu kính của thần, người bề tôi ngay thẳng của tiên đế, đã được rửa sạch hết mọi oan khiên...

Có lẽ vì thế mà đức vua đã cho xây cung Yên Hà và lầu hóng mát lộ thiên tại khu vườn Lệ Chi, rồi cho đón quan Thân tùy về đây tĩnh dưỡng. Nơi an dưỡng xa kinh thành bốn năm chục dặm. Cách núi, ngăn sông, nhà vua không thể ngày ngày đến tận giường bệnh để cầm tay thăm hỏi người bề tôi tin yêu của mình được. Người lại gửi sắc chỉ xuống thay lời ủy lạo :

*« Ngày xưa trăm còn là Gia vương, chỉ say mê vui đầu vào kinh sách của thánh hiền, không có ý nguyện làm vua. Vì khanh hết lòng suy tôn phò tá, xả thân trừ bầy phản nghịch, trăm lên ngôi báu đến nay chốc đã gần trọn mười niên. Thú vui con hát thì khanh thua xa họ Thạch, họ Cao nhà Tống, mà lo lắng đến héo ruột chấy tim vì xã tắc thì khanh lại hơn cả họ Phùng, họ Đỗ nhà Đường. Công của khanh trăm chưa báo đền, bệnh của khanh chớ nên trăm trệ ! Nếu khanh thật bụng nghĩ đến trăm, lo cho trăm, thì khanh phải dẹp hết mọi nỗi ưu tư, an tâm tĩnh dưỡng cho chóng bình phục... »*

Chẳng riêng gì đức vua, ở trong triều, các bậc đại thần huân cựu cũng có nhiều vị hằng lưu tâm đến bệnh tình Lê Đàm. « Không ham chức trọng quyền cao, chỉ lấy thủy chung, trung chính làm đầu, con người ấy cốt cách giống

như Ưc Trai (Nguyễn Trãi), đáng nêu gương muôn thuở!» Á quận hầu Đinh Liệt thường nói về quan Thân tùy với các bạn đồng liêu như vậy ! Cho nên, ngay khi Lê Đàm mới lâm bệnh mặc dầu đã có Phạm phu nhân ở bên cạnh ngày đêm săn sóc – Á quận hầu vẫn phái người về trấn Sơn Nam báo tin cho Anh Võ. Hầu không biết rằng Anh Võ vừa cưới vợ và đang sống trong tuần trăng mật.

Cặp tân hôn này vội vã lại kinh. Tới nơi, họ gặp nhà sư Cao Nhuệ, mới hay ở Côn Sơn cùng nhận được tin như họ một lúc. Cuộc họp mặt giữa mấy anh em ngày hôm ấy thật cảm động và cũng đáng ghi nhớ. Thấy Cao Nhuệ mang theo một tay nải sách khá nặng, Anh Võ vô tình hỏi :

– Anh Cao, đi thăm người bệnh, anh vác sách tới làm gì nhiều thế ?

Nhà sư không trả lời, lẳng lặng giở tay nải và bày ra trước mặt mọi người những cuốn sách gáy đã sờn. Quả nhiên, Lê Đàm nhắc trong thấy chõng sách ấy, tỉnh táo ngồi hẳn dậy, tưởng như một lúc cắt được nửa phần bệnh. Đó là số lớn những di cáo rất quý báu của quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi mà trước đây Lê Đàm nhận ở các bạn đồng môn phường Báo Thiên đã đem gửi Cao Nhuệ, và nhà sư đã bảo toàn được bằng cách cất giấu trong ruột hai pho tượng đặt tại chùa Tư Ân...

Có người tau chuyện này đến tai vua Thánh Tôn. Đức vua đã phải thốt lên :

– Ôi! Sao mà Thừa chỉ Nguyễn Trãi có được những môn sinh dốc lòng vì thầy, vì đạo đến như thế! Rủi cho trăm, mang tiếng ở ngôi giữa đời thịnh trị mà phải trông thấy nhan nhân những phường vong ân bội nghĩa, gót chân vừa bén tới con đường khoa danh đã quên băng ngay lối công ngô nhà thầy!



Biết thêm những chuyện đó, nhà vua càng quý mến Lê Đam, nhất là từ ngày quan Thân tùy về tỉnh dưỡng ở Trại Vải.



Lại đến mùa quả chín. Những chùm lệ chi mọng nước theo cành lá đung đưa trước gió, phủ mùi thơm mát lịm. Một chiếc thuyền ba khoang, mũi the, chèo quế, chở một toán cung nữ quăng năm, sáu người, đang thênh thênh ngược dòng Thiên Đức. Những món tóc đuôi gà đen nhánh và những dải yếm đào phất phơ bay bay trước làn gió sớm. Nắng tháng ba còn đượm hương xuân nhuộm hồng những khuôn mặt trắng xanh bầu bĩnh. Giữa khoảng nước trời thoáng dăng, các cung nữ như những cánh chim vừa được sò lông, vui sống lại những ngày tự do hiếm có. Họ véo von cất lên những lời ca trong trẻo. Tiếng hát, tiếng đập nhịp chân hòa với tiếng mái chèo, khua vang cả một khúc sông. Từ trên cành cao, bầy chim tu hú đang say sưa hút mật vải, nghe tiếng động, đua nhau kêu lên xối xả rồi xào xạc vỗ cánh bay đi đề rơi xuống mặt nước vàng óng những hạt quả chín màu nâu sẫm.

Đến cách Trại Vải chừng vài chục con sào, các cung nữ hăm chèo cho thuyền đi chậm chậm.. Bỗng một cô trong bọn họ reo lên:

— A... Thuyền rồng! Chị em ơi! Thuyền rồng của đức vua đấy kia kia!

Mấy cô khác liền phụ họa theo:

— Đúng rồi, hoàng thượng đã đến điện Huy Văn xin phép hoàng thái hậu từ mấy hôm trước...

— Chắc là sau khi đi tuần miền đông rồi đức vua ghé qua đây đề thăm quan Thân tùy luôn thề chứ gì?

– Nghe nói quan Thân tùy tĩnh dưỡng đến nay đã gần bình phục rồi. Có khi chuyến này tiện thuyền rồng, ngài cùng lai kinh với hoàng thượng cũng nên!

– Úi chà! Chị em mau mau trông lên bờ mà xem. Có phải cơ man nào là cờ, quạt phấp phới ở lối đàng kia không? Đấy! Cung Yên Hà đấy! Lầu hóng mát lộ thiên cũng ở phía ấy đấy! Hoàng thượng đang ngự ở đấy chứ còn ở đâu nữa?...

Họ còn mãi bàn tán thì thuyền đã cập bến. Đợi cho thuyền cắm sào và các cung nữ đã lục tục gánh những đôi sọt không, kéo nhau lên bờ rồi, bấy giờ chú lính canh thuyền cho nhà vua, mới dám ló đầu ra phía mũi thuyền rồng, nói vọng lên:

– Ố... ới... các cô mình ơi! Gắng trảy vải nhanh nhanh lên đề sớm mai cùng xuôi với anh em một thề cho vui nh... ớ...

Chẳng là cánh lính trong hoàng cung tinh nghịch thì tinh nghịch, nhưng xưa nay vẫn né đám cung nhân ở điện Huy Văn. Nhất là cùng đi trong đám này lại có một người đã luống tuổi, từng giúp việc trong nhà tắm tử thuở bà Nguyễn Thị Lộ còn giữ chức Lễ nghi học sĩ cho tiên đế (vua Thái Tôn).

Hôm nay, nàng vâng lệnh Quang Thục hoàng thái hậu dẫn một toán cung nhân trẻ ngược thuyền đi trảy vải... Thế là, sau mấy chục năm trường cô tú nữ ngày xưa vẫn mặc áo xanh màu lá trúc ấy – lại mới được đặt chân trở lại mảnh vườn xa vắng. Nàng tránh sao khỏi những nỗi bồi hồi xúc động! Nàng ngập ngừng trong từng bước đi, từng ý nghĩ... Trong óc nàng đang hiện ra một bà Lộ «đẹp lồ lộ» với tính nét dịu dàng, với nụ cười độ lượng. Một bà Lộ «xuân xanh chừng độ trăng tròn lẻ» đã từng ứng khẩu họa thơ với quan Thừa chỉ và trở nên người bạn ý hợp tâm đầu của Ngài. Một bà Lộ có nét chữ rồng bay phượng múa, có giọng bình văn

thánh thót đã khiến cho vua Thái Tôn phải kính nể, đã làm cho Tuyên Từ hoàng hậu Nguyễn Thị Anh phải ghen ghét, ghen tị và... vì thế bà Lộ đã sớm thành người bạc mệnh. Đến nỗi, có một thời người ta đã gán cho bà những tội tày đình và coi bà như một loài hồ tinh, yêu quái! Hồi đó, chỉ có dám cung nô chịu số phận hèn kém như mình mới hiểu hết được tấm lòng bao dong cao cả của bà. Sau khi bà oan thác, nhắc đến bà, những chị em trong cung cấm như mình chỉ biết khóc ngấm, khóc ngấm với nhau, nhất là hàng năm mỗi khi nghe chim tu hú kêu báo hiệu mùa vải chín. Ôi! Những mùa vải năm xưa, cầm quả lệ chi, nhớ đến bà mà đầm đìa hai hàng lệ... Nếu quan Thừa chỉ không có được những môn sinh nghĩa khí như quan Thân tủy Lê Đàm thì biết đến bao giờ bà Lộ mới được ngậm cười nơi chín suối, biết đến bao giờ mình mới có được một ngày rời khỏi cung cấm như hôm nay để cùng chị em sống lại thuở đôi mươi? Và, Lệ Chi viên... có khi đã vĩnh viễn hóa thành hồ lệ, chẳng ai còn buồn bước chân tới đó làm gì nữa!...

Nàng lần theo những lối mòn, đi vòng quanh khắp một lượt. Trong lòng nàng tăng dần lên một niềm vui mới mẻ. Không! Trải qua bốn triều đại rồi (1) nhưng vườn xưa nay xem ra lại có phần sum sê tươi tốt hơn nhiều. Gốc, thân cây cũ lớn cao hơn mà hàng hàng, lối lối vẫn giữ nguyên như cũ. Trên lối đi, nàng không gặp phải những quả sấu rụng, không vướng phải những cành khô mục. Từng chặng từng chặng, không có những khoảng trống vô ích. Trái lại, những cây mới lớn lên không bị tán lá những cây to che rợp bóng. Rõ ràng lâu nay ở đây phải có một bàn tay chuyên cần chăm sóc.

Một cành lệ chi trĩu quả rủ thấp vừa tay người với tới. Nàng dừng lại, ngắm nghía hồi lâu rồi chọn hái một chùm quả

---

(1) Chỉ vào các triều đại: Thái Tôn, Nhân Tôn, Nghi Dân, Thành Tôn.



*Vườn xưa nay lại có phần sum sê...*

đỏ đẹp nhất. «Ta sẽ dành chùm vải dầu mùa này để mang về tặng cho người bạn gái thân thiết của ta!» Nàng không hề nói cho đám cung nhân trẻ tuổi cùng đi với mình biết điều đó. Vậy người bạn thân thiết của nàng là ai? – Đó là cô tú nữ ngày xưa – mặc áo xanh màu lá đào – đã có lần cùng nàng theo bà Lộ về trồng vải ở khu vườn Lệ Chi còn giữ mãi những kỷ niệm thân thiết đối với nàng.

\*  
\*\*

Trong cung Yên Hà, giờ này vua Thánh Tôn cũng mới nhận được món quà quý. Một chiếc mâm đồng sáng choang, đầy có ngọn, phủ bằng những vuông vóc vàng vừa mới được lật ra, để lộ trước mặt nhà vua những chùm lệ chi đỏ ối xen giữa những nhánh lá xanh biếc cuống còn ứ nhựa.

– Muôn tâu bệ hạ!... Gọi là «cây nhà, lá vườn» của quan Thân tùy tiến dâng bệ hạ. Xin Người tiên hường (1).

Nghe quan Nhập nội hành khiển tâu mời, đức vua rất hài lòng. Người nhón tay ngắt một quả ném thử rồi tỏ lời ban khen:

– Trẫm nghe hoàng thái hậu kể lại, từ thời các tiên vương, giống vải nổi tiếng này đã được đem tiến kinh nhiều lần. Song đến lúc trẫm lên trị vì thì Lệ Chi viên đã phải trải qua bao nhiêu năm cảnh vườn hoang, quả rụng. Nay quan Thân tùy về đây tỉnh dưỡng, có người đề mắt trông coi, mùa vải này trẫm mới có dịp được thưởng thức tại chỗ cái hương vị ngọt ngào này. Nào, các khanh! Các khanh hãy cùng trẫm vui hưởng đi!...

Nhà vua tự tay nâng một chùm lệ chi, trao cho Lê Đàm, bảo đem chia đều khắp cho các quan tùy tùng mỗi người

---

(1) Ăn trước.

một dè Các quan sung sướng nhận phần của mình. Nhưng của vua ban là của hiếm, nên không ai bảo ai, mỗi người chỉ dám ăn một vài quả cho đẹp lòng hoàng thượng, còn gói đem về cùng chia sẻ với người thân.

Rồi trong niềm hân hoan thân mật, vua-tôi lại cùng nhau làm thơ chúc tụng.

Vua Lê Thánh Tông ra đề cho bài thơ « bát cú » xoay quanh ý mừng mùa vải chín trở lại trên vườn Lệ Chi. Hoàng thượng gieo vần vịnh bài xướng. Các quan lần lượt làm bài họa theo. Lời nối lời, vận tiếp vận, tiếng ngâm trầm bổng, giọng bình khoan thai, cuộc xướng họa kéo dài cho đến tận giờ sừ (1).

Sau cuộc bình thơ, các quan khần khoản mời đức vua đi nghỉ. Nhưng người mỉm cười, vui vẻ nói:

– Trẫm vẫn thấy tinh thần sáng khoái lắm! Huống chi, giờ này quá giấc rồi, trẫm muốn thức luôn cùng với đất, trời.

Hiều ý hoàng thượng, Lê Đàm mời người dao gót sang lầu hóng mát lộ thiên. Bước lên tầng thượng rồi, nhà vua bèn ra lệnh cho quan Thân tỳ:

– Khanh vừa mới bình phục, chớ nên khinh thị. Hãy nghe trẫm về ngon giấc đi!

Lê Đàm không dám trái lời.

Bấy giờ vào tiết cuối xuân, đầu hạ. Quang âm đang chuyển dần về sáng. Trời không trăng nhưng không gian trong suốt. Đứng trên lầu lộ thiên, nhà vua có thể nhìn bao quát phong cảnh khu vườn Lệ Chi. Người lại bắt đầu xúc động. « Chà! Lệ Chi viên! Một mình người cũng đủ xứng danh là một giang sơn cầm tú! Có phải vì thế mà xưa kia tiên đế ta đã từng chọn người trong một tối dừng chân... và cũng vì thế mà tiền triều đã gây ra bao nhiêu oán cừu, thảm khốc!

---

(1) Quãng 1, 2 giờ sáng.

Nhà vua hít một hơi thở thật dài. Gió từ mạn sông Thiên Đức thổi về mang theo mùi thơm mát lịm của những quả lê chi vừa nở cùi chín rộ. Nhà vua sửa lại khăn áo và ngửa mặt nhìn lên bầu trời cao lồng lộng. Xa xa, về phương Nam lấm tấm giữa những vì sao đêm, ngôi sao Khuê đang lấp lánh...

Bất giác hoàng thượng cao hứng ngâm vang: « *Ưc Trai tâm thượng quang Khuê tảo!* <sup>(1)</sup> »

Lời thơ của bậc minh quân đã được đất, trời, núi, sông chứng giám. Lời thơ bất hủ đó đã được truyền tụng đi khắp nước. Và nó sẽ còn truyền tụng mãi, cũng như ngôi sao Khuê còn lấp lánh mãi trên bầu trời phương Nam...

*Viết xong, mùa vải 1973 tại Hoàng Lộc*

4

---

(1) *Tám hồn của Ưc Trai (Nguyễn Trãi) sáng biếc như ánh sao Khuê buổi sớm mai.*

Biên tập: KIM ANH  
Trình bày: THY NGOC  
Sửa bài: ĐẶNG MINH

---

In 80.300 cuốn tại Nhà máy in Tiền Bộ. Khôn khổ 13×18,8  
Số xuất bản 15/KĐ. Số in 1429. In xong 20-1-1977.



## TOM TÀI NỘI DUNG

Vua Thái Tôn đi tuần ở miền đông, ghé vào thăm vườn Lệ Chi rồi nửa đêm băng đột ngột. Nhân cơ hội này, Tuyên từ hoàng hậu Nguyễn Thị Anh và bọn gian thần trong triều – vốn từ lâu có tư hiềm với quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi – lập nên vụ án Lệ Chi viên, buộc tội Nguyễn Trãi đã xui người vợ thiếp hay chữ là nữ học sĩ Nguyễn Thị Lộ bỏ thuốc độc cho vua (!) để có cơ bắt giết ông và cả ba họ.

Nhờ Lê Đàm và các môn sinh (học trò) cũ, bà Phạm Thị Mẫn, vợ chính của Nguyễn Trãi được cứu thoát và sau này sinh ra một đứa con trai đặt tên là Anh Võ. Rồi cũng nhờ có Lê Đàm và đám môn sinh ấy mà Tuyên từ Nguyễn Thị Anh và bọn gian thần dùng nhiều kế hiềm độc vẫn không hại nổi mẹ con Anh Võ; trái lại Anh Võ vẫn được ăn học tử tế chờ ngày thi thố tài năng.. Cho đến sau vụ mưu phản của Lạng Sơn vương Nghi Dân, bắt đầu triều vua Thánh Tôn thì Nguyễn Trãi và ba họ đều được minh oan.

Thông qua câu chuyện Lê Đàm và các đồng môn nuôi giấu, cứu nguy vợ con thầy học, « Sao Khuê lấp lánh » đã nói lên tư tưởng đại nhân đại nghĩa và tâm hồn trong sáng như sao Khuê của Ưc Trai (Nguyễn Trãi).